TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

PETROVIETNAM

PETROCONS

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2026 CỦA PETROCONS

(Ngày 28/5/2026)

STT	Nội dung	Trang
1	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5
3	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.	11
4	Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT	27
5	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	30
6	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.	42
7	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.	65
8	Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2025	
9	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của PETROCONS	
10	Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	66
11	Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.	67
12	Tờ trình về việc Thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	69
14	Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75
15	Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	77
16	Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	142
17	Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	199
18	Tờ trình về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.	213

STT	Nội dung	Trang
19	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.	215
20	Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025 (Bản rút gọn số số 08/BC-XLDK ngày 15/01/2026, báo cáo để cổ đông biết, nắm được)	
21	Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	221
22	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	240

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ngày 28/5/2026)

TT	Thời gian	Nội dung
1	7:30 - 8:30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	8:30 - 8:50	- Chào cờ, giới thiệu đại biểu; - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội; - Khai mạc ĐHĐCĐ; - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội;
3	8:50 - 9:00	- Giới thiệu và thông qua Ban Thư ký đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu đại hội; - Thông qua chương trình và Quy chế Tổ chức của Đại hội.
4	9:00 - 11:30	- **Nội dung 1:** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT.
		- **Nội dung 2:** Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
		- **Nội dung 3**: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.
		- **Nội dung 4:** Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
		- **Nội dung 5**: Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
		- **Nội dung 6**: Tờ tình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
		- **Nội dung 7**: Tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030.
		- **Nội dung 8:** Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề SXKD
		- **Nội dung 9:** Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
		- **Nội dung 10:** Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
		- **Nội dung 11:** Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

TT	Thời gian	Nội dung
		- **Nội dung 12:** Tờ trình về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.
		- Biểu quyết thông qua các nội dung từ số 1 đến số 11 - Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu biểu quyết - Đại hội nghỉ giải lao - Công bố kết quả biểu quyết
		- Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS - nội dung 12 - Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu bầu cử
		- Cổ đông thảo luận và trả lời câu hỏi
5	11:30 - 11:50	- Công bố kết quả bầu cử - Ra mắt thành viên HĐQT, BKS được bầu - Đại diện Cổ đông - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phát biểu
6	11:50 – 12:05	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
7	12:10	- Bế mạc Đại hội

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi là Đại hội) của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

4.1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 28/4/2026) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

4.2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

b. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

c. Ban Tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (đại diện cổ đông) đến Đại

hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp/Thư mời họp;
- Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc);
- Giấy ủy quyền bản gốc có các nội dung chính theo mẫu do Tổng công ty ban hành (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội);

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

Cổ đông, đại diện cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một (01) Thẻ biểu quyết, một (01) Phiếu biểu quyết, một (01) Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, một (01) Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát (trên các phiếu có ghi mã số cổ đông, nội dung biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự tại Đại hội.

e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

f. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

a. Tham gia hoặc uỷ quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Tổng công ty.

b. Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.

c. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội.

d. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Tổng công ty thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ toạ, Đoàn Chủ tịch

6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là chủ tọa cuộc họp.

6.2. Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban Tổ chức (gồm: Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu) để Đại hội thông qua.

6.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

6.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

b. Sự tri hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

6.5. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

a. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

b. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

8.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Tổng Công ty.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết; phiếu bầu cử;
- Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;

- Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
- Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

9.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2026.

9.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2026.

9.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định; Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức Đại hội.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức tiến hành đại hội

11.1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung (theo nội dung đã gửi các cổ đông).

11.2. Biểu quyết tại Đại hội

- Ngoài phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (Màu xanh), Ban Kiểm soát (Màu hồng), mỗi cổ đông tham dự Đại hội được phát 01 Thẻ biểu quyết (Màu trắng) và

01 Phiếu biểu quyết (Màu vàng), trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết.

- **Thẻ biểu quyết:** được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung:
  - ✓ Thông qua Đoàn Chủ tịch;
  - ✓ Thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
  - ✓ Thông qua Chương trình của Đại hội;
  - ✓ Thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội;
  - ✓ Thông qua Quy chế bầu cử;
  - ✓ Thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thông qua các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Cổ đông chỉ được sử dụng Thẻ biểu quyết để thông qua một lần cho một nội dung cụ thể. Cổ đông giơ Thẻ biểu quyết mỗi khi Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến cho mỗi vấn đề cần xin ý kiến. Thẻ biểu quyết này được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề nêu trên.

- **Phiếu biểu quyết:** được in trên giấy **màu vàng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung chính sau:
  - ✓ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - ✓ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
  - ✓ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
  - ✓ Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;
  - ✓ Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
  - ✓ Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - ✓ Tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS;
  - ✓ Tờ trình về việc thông qua phương án tái cơ cấu giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS;
  - ✓ Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của PETROCONS;
  - ✓ Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS;
  - ✓ Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PETROCONS;
  - ✓ Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS.

Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 3 ô trống thể hiện nội dung Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (trừ nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào thành Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại hệ thống văn thư của Tổng công ty.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 5 Chương 14 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC.

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /BC-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2025, ngành xây dựng có bước chuyển mình nhiều tích cực, đánh dấu giai đoạn phục hồi mạnh mẽ và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới sau thời kỳ khó khăn. Giá trị gia tăng của ngành xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2025 đã đạt mức tăng trưởng cao (khoảng 9,62%), là mức cao nhất trong 5 năm gần đây, cho thấy ngành đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Trong năm 2025, Chính phủ đẩy mạnh vốn đầu tư công, tập trung nguồn lực để hoàn thiện thủ tục và triển khai thi công các dự án lớn. Bên cạnh đó, việc tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý các dự án và mặt bằng lãi suất huy động và cho vay duy trì ở mức thấp đã khiến thị trường bất động sản dần phục hồi.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp xây dựng cũng đối diện với một số thách thức như: i) Giá nguyên vật liệu chủ chốt duy trì ở mức cao, đặc biệt là thép, xi măng và thiết bị cơ khí, gây sức ép lớn lên chi phí đầu vào của các doanh nghiệp xây lắp; ii) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, dẫn tới nhiều dự án hạ tầng trọng điểm chậm được khởi công hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai; iii) Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực EPC, đã làm gia tăng áp lực về năng lực tài chính, tiến độ và chất lượng công trình.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PETROCONS chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án Tổng công ty dự kiến tiếp thị đấu thầu bị giãn tiến độ, công tác quyết toán gặp nhiều vướng mắc; các khoản công nợ tồn đọng chậm được xử lý, gây ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xử lý tài chính các dự án dở dang và áp lực hoàn trả các khoản vay ủy thác cũng ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn lực của Tổng công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, PETROCONS vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong hoạt động, tập trung tháo gỡ các vướng mắc

tổn đọng, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo..

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Tình hình thực hiện SXKD năm 2025:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/ 2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*261,84*	*332,00*	*160,02*	*48%*	*61%*
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*609,04*	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*171%*
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*3,81*	*9,00*	*17,82*	*198%*	*468%*
6	Thu nhập bình quân (*)	Tr.đ/ tháng	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	Công ty mẹ		*13,25*	*19,60*	*22,54*	*115%*	*170%*

Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với năm 2024. Chỉ tiêu Giá trị SXKD của Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt phần sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy già (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đấu thầu.

Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.040,63 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025, bằng 156% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng đạt 283% kế hoạch năm 2025 và bằng 255% so với năm 2024.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng. Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng

(Chi tiết được thể hiện trong báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025

2.1. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

Đến thời điểm hiện tại HĐQT PETROCONS bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS.

Trong năm 2025, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 133 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 33 Nghị quyết, 34 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONS. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 08/BC-XLDK ngày 15/01/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Bên cạnh đó để tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban và chuyên đề cùng Ban Tổng giám đốc theo đúng trách nhiệm được phân công theo dõi.

2.2. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin về các Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tại thời điểm 31/12/2025:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	29/05/2025	
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	29/05/2025	
3	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	30/6/2021	
4	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	30/6/2021	
5	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	20/01/2022	

Các thành viên HĐQT đã hoạt động thực hiện nhiệm vụ theo đúng vai trò và quyền hạn được quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của PETROCONS, Quy chế hoạt

động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT;

- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;

- Trực tiếp phụ trách theo dõi các lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS và các đơn vị thành viên theo phân công của HĐQT PETROCONS;

- Thực hiện tốt công tác phối hợp chỉ đạo, quản lý doanh nghiệp với Đảng ủy, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

2.3. Báo cáo tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2025 là **2.372.864.453 đồng**. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2025
	Tổng cộng		**2.372.864.453**
1	Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	603.957.162
2	Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	523.024.593
3	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	500.152.172
4	Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	497.690.524
5	Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	248.040.000

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025 là: 510.027.759 đồng. Sử dụng tuân thủ theo quy chế chi tiêu nội bộ của PETROCONS và các quy định hiện hành.

2.4. Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí của HĐQT năm 2026

- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT chuyên trách: Thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.

- Tiền lương, thù lao của Thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc theo chế độ thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS theo quy định của PETROCONS thì được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

2.5. *Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó*

Trong năm 2025, giao dịch giữa các thành viên HĐQT và những người có liên quan với PETROCONS, Công ty con, các Công ty thành viên do PETROCONS nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ được thể hiện tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của PETROCONS. Các giao dịch này tuân thủ đúng quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của PETROCONS.

Trong năm 2025, PETROCONS không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.6. *Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT*

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;

- Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT và có đầy đủ ý kiến tại các phiếu xin ý kiến của HĐQT;

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của PETROCONS, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

2.7. *Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc*

HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên trong ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm, am hiểu đối với lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONS, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao ban định kỳ thường xuyên với các đơn vị thành viên để kịp thời quản trị các hoạt động SXKD tại các đơn vị theo đúng định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm, kiểm soát chặt chẽ chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các giải pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mở rộng

thị trường; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONS.

Thực hiện việc trả lương cho CBCNV Cơ quan PETROCONS và Ban ĐH dự án thuộc PETROCONS được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ PETROCONS có thu nhập ổn định.

Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện xây dựng điều chỉnh các quy chế/quy định nội bộ của PETROCONS nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONS và trình Hội đồng quản trị PETROCONS xem xét, phê duyệt.

2.8. Đánh giá chung

a. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PETROCONS vào ngày 29/5/2025.

- Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội cổ đông thường niên, đại hội cổ đông bất thường.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/05/2025, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ SXKD, với lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng bằng 283% kế hoạch năm 2025. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,7 tỷ đồng.

- Công tác thi công tại các công trình/dự án:

+ Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: Trong năm 2025, PETROCONS đã phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLDK Thái Bình 2 thực hiện công tác quyết toán giá trị Hợp đồng EPC; đã giải trình và được Chủ đầu tư/Ban QLDA bổ sung chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu, hai Bên đã tiến hành ký Phụ lục bổ sung số 60 bổ sung giá trị trước thuế là 161.610.093.708 đồng.

+ Dự án NMNĐ Sông Hậu 1:

* PETROCONS đang thực hiện công tác quyết toán 02 Hợp đồng số C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền và số C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng với Tổng thầu Lilama.

* Cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa trong Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2025, PETROCONS đã trúng và ký kết một số hợp đồng như Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMNĐSH1-PETROCONS/HH, Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PETROCONS/SH1.

+ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành hồ sơ quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư. Đến thời điểm báo cáo, Chủ đầu tư đã ký quyết toán và thanh lý hợp đồng.

+ Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt biến tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1: Trong năm 2025, PETROCONS hoàn thành công tác thi công trên công trường, hiện đang thực hiện các công tác thanh quyết toán thu hồi vốn.

+ Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMNĐ Cao Ngạn: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành công tác cung cấp, lắp đặt Bơm cấp 1A theo hợp đồng, hiện đang làm công tác thanh, quyết toán thu hồi vốn.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế:

+ Tại Công ty mẹ: Trong năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS đã tham gia dự thầu và trúng thầu các gói: Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMNĐSH1-PETROCONS/HH; Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PETROCONS/SH1; Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PETROCONS/HH về việc thực hiện Gói thầu Nâng cấp hệ thống PLC – Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Hợp đồng 15/2025/LP1/T23 về việc Thi công hệ thống thải xỉ cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng 14/2025/LP1/T37 về việc Thi công hệ thống EPS và FGD cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng số 178/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PETROCONS/HH về việc cung cấp bi nghiền cho NMNĐ Thái Bình 2; HĐ số 108/HĐ.2025.PVPGB.NMNDTB2.PETROCONS.HH về việc cung cấp vật tư C&I cho NMNĐ Thái Bình 2; Hợp đồng số: 167/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PVC/HH về việc Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2.

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm hiện tại, Công ty mẹ đã xử lý/thu hồi 12,995 tỷ đồng, cụ thể: PVC-ME (0,119 tỷ đồng); PVNC (4,574 tỷ đồng thông qua bù trừ thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 của PVNC bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2); CNPB (0,278 tỷ đồng); PETROCONS – Đông Đô (2,093 tỷ đồng); PVC – Bình Sơn (1,106 tỷ đồng, tiền dư ứng CT Sông Hậu 1); DOBC (4,821 tỷ đồng, tiền dư ứng DA Thái Bình 2). Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục rà soát các khoản nợ chéo, giải quyết các vướng mắc tại các dự án tồn đọng để xây dựng các giải pháp nhằm xử lý/ thu hồi các khoản công nợ.

b. Một số hạn chế, tồn tại:

Năm 2025 được đánh giá là một năm khá thành công của PETROCONS trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với sự hỗ trợ của cổ đông lớn Tập đoàn cũng như nỗ lực tìm kiếm thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD của tập thể lãnh đạo, CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh các kết quả đã đạt được nêu trên, PETROCONS vẫn còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, như:

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong việc thống nhất giá trị quyết toán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư.
- Việc chậm trễ quyết toán đối với các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm của cả Công ty mẹ lẫn các đơn vị thành viên gây tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thu hồi vốn, phát sinh các tranh chấp, lãng phí nguồn lực.
- Tại các đơn vị thành viên, công tác tìm kiếm nguồn việc, ký kết hợp đồng mới còn hạn chế dẫn đến thiếu hụt sản lượng so với kế hoạch. Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh/ quyết toán còn tương đối chậm.
- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONS và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONS hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONS.
- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONS đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

III. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ỦY QUYỀN KÝ KẾT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG EPC DỰ ÁN NMNĐ THÁI BÌNH 2

Thực hiện nội dung được Đại hội đồng cổ đông PETROCONS đã ủy quyền cho HĐQT tại các Nghị quyết: số 543/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 07/6/2014, số 1104/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 15/12/2017, từ năm 2018 đến 2025, HĐQT PetroCons luôn thực hiện trách nhiệm báo cáo các nội dung liên quan đến công tác ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2 và tất cả nội dung đều đã được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT xin báo cáo tóm tắt như sau:

1. Năm 2018:

1.1. ĐHĐCĐ thường niên:

- Tại Báo cáo số 368/XLDK-HĐQT ngày 21/6/2018, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 28 điều chỉnh 02 nội dung chính của Hợp

đồng: i) Không áp dụng khấu trừ 0,5% giá trị phần xây dựng cho hoạt động điều phối của Ban điều hành chung trên công trường Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; ii) Bổ sung điều khoản thanh toán khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp (CIT) của Nhà thầu tư vấn nước ngoài (Worley Parsons) do Tổng công ty nộp thay.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 375/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 22/06/2018.

1.2. ĐHĐCĐ bất thường:

- Tại Báo cáo số 599/BC-XLDK ngày 29/10/2018, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 29 ngày 19/9/2018 (quy định phương pháp điều chỉnh giá, thuế nhập khẩu, cơ chế tạm thanh toán/thanh toán) và Phụ lục bổ sung số 30 ngày 20/9/2018 (điều chỉnh tỷ lệ giữ lại (phần nội tệ VNĐ) từ 5% xuống còn 3% giá trị hợp đồng EPC).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 604/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/10/2018.

2. Năm 2019:

- Tại Báo cáo số 195/BC-XLDK ngày 23/5/2019, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 31 ngày 05/11/2018 (điều chỉnh mốc thanh toán một số hạng mục) và Phụ lục bổ sung số 32 ngày 23/11/2018 (điều chỉnh tỷ lệ bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu phụ các thiết bị chính từ 10% xuống còn 2%; điều chỉnh phạm vi công việc hợp đồng EPC).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 201/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 25/5/2019.

3. Năm 2020:

- Tại Báo cáo số 207/BC-XLDK ngày 23/6/2020, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 33 ngày 20/02/2020 (bổ sung quy trình phối hợp trong việc lựa chọn nhà thầu thực hiện phần công việc trong nước có giá điều chỉnh).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết số 216/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 24/6/2020.

4. Năm 2021:

- Tại Báo cáo số 134/BC-XLDK ngày 25/6/2021, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 34 ngày 08/04/2021 (Điều chỉnh mốc thanh toán hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 35 ngày 05/05/2021 (Cắt giảm phạm vi công việc hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 36 ngày 18/05/2021 (Điều chỉnh tỷ lệ thanh toán phần vật tư trong nước).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua tại Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 30/06/2021.

5. Năm 2022:

- Tại Báo cáo số 152/BC-XLDK ngày 13/5/2022, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 37 ngày 28/09/2021 (Điều chỉnh phạm vi

công việc hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 38 ngày 23/11/2021 (Điều chỉnh phạm vi công việc hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 39 ngày 20/12/2021 (Điều chỉnh cơ cấu giá), Phụ lục bổ sung số 40 ngày 14/01/2022 (Điều chỉnh mốc thanh toán hợp đồng EPC).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 163/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 16/05/2022.

6. Năm 2023:

- Tại Báo cáo số 142/BC-XLDK ngày 05/6/2023, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 41 ngày 10/06/2022 (Điều chỉnh cơ cấu giá hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 42 ngày 14/11/2022 (Điều chỉnh tỷ lệ giữ lại của phần tiền USD từ 5% xuống 3%), Phụ lục bổ sung từ số 43 đến 49 nhằm thống nhất/tháo gỡ một số vướng mắc tại dự án.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 06/06/2023.

7. Năm 2024:

- Tại Báo cáo số 65/BC-XLDK ngày 20/5/2024, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung Hợp đồng EPC từ số 50 đến 53 nhằm thống nhất/tháo gỡ một số vướng mắc tại dự án.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23/05/2024.

8. Năm 2025:

- Tại Báo cáo số 50/BC-XLDK ngày 27/5/2025, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung Hợp đồng EPC số 54 và số 55 nhằm thống nhất/tháo gỡ một số vướng mắc tại dự án.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/05/2025.

9. Năm 2026:

a. Hợp đồng EPC số 9256/HĐ-DKVN

Trong năm 2025, PETROCONS đã ký kết một số Phụ lục bổ sung hợp đồng EPC như sau:

- Ngày 11/04/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 57 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về Phương án xác định giá Hợp đồng đối với phần giá điều chỉnh của Hợp đồng EPC.

- Ngày 15/04/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 58 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc tách phạm vi công việc liên quan đến thuế khai thác tài nguyên nước ra khỏi phạm vi công việc của Hợp đồng EPC.

- Ngày 16/06/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 59 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc xác định giá hợp đồng của Hợp đồng EPC.

- Ngày 10/11/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 59 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc xác định chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu của Tổng thầu và bổ sung, cập nhật giá trị hợp đồng của Hợp đồng Tổng thầu EPC.

- PETROCONS đã hoàn thành công tác lập hồ sơ quyết toán hợp đồng và được Chủ đầu tư/Ban QLDA thực hiện rà soát, thẩm định, thống nhất với giá trị quyết toán chưa bao gồm thuế GTGT là 921.354.597 USD và 9.844.348.837.348 VNĐ. Kính báo cáo ĐHĐCĐ xem xét thông qua giá trị quyết toán hợp đồng nêu trên để PETROCONS có cơ sở triển khai các công việc tiếp theo.

Trong giai đoạn thực hiện, nếu có các nội dung cần bổ sung sửa đổi liên quan đến hợp đồng EPC, HĐQT sẽ cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

b. Hợp đồng số 30/HDKT/2012/PVC-SDC về việc cung cấp thiết bị chính của NMNĐ Thái Bình 2 giữa PETROCONS với Liên danh nhà thầu SDC (gọi tắt là Hợp đồng EPS)

Trong năm 2024, PETROCONS không phát sinh ký phụ lục bổ sung hợp đồng với Liên danh Nhà thầu SDC. Các trong giai đoạn tiếp theo nếu có phát sinh các nội dung sửa đổi Hợp đồng EPS, HĐQT sẽ kịp thời cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Trong năm 2025, PETROCONS không phát sinh ký phụ lục bổ sung hợp đồng với Liên danh Nhà thầu SDC. Các trong giai đoạn tiếp theo nếu có phát sinh các nội dung sửa đổi Hợp đồng EPS, HĐQT sẽ kịp thời cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Diễn biến việc tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Daelim E&C (DL E&C) thuộc liên danh SDC:

+ Ngày 25/01/2024, Liên danh SDC đã có công văn số TB2-SDC-PEB-L-5433 gửi cho PETROCONS thông báo: Nhà thầu DL E&C gửi Đơn khởi kiện ("RFA") PETROCONS tới Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") liên quan đến Hợp đồng EPS.

+ Ngày 01/3/2024, PETROCONS nhận được Thư thông báo số 478/VIAC ký ngày 26/02/2024 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") về việc VIAC đã nhận Đơn Khởi Kiện ("RFA") của DL E&C.

+ Từ ngày 31/05/2024 đến ngày 02/12/2024, PETROCONS đã nộp cho Hội đồng trọng tài Bản Tự Bảo Vệ (Statement of Defence - "SOD"), Đơn kiện lại (Statement of Counterclaims - "SOCC") nhà thầu DL E&C và các chứng cứ kèm theo. Đồng thời DL E&C đã gửi các phản hồi về Bản SOD của PETROCONS;

+ Ngày 12/12/2024, Phiên họp trực tuyến về các vấn đề thẩm quyền được tiến hành theo đúng chỉ thị của Hội Đồng Trọng Tài (HĐTT);

+ HĐTT có văn bản số 338/VIAC thông báo ban hành Quyết định về vấn đề thẩm quyền ngày 30/01/2025. Đối với vấn đề thẩm quyền trọng tài, PETROCONS nhận thấy không thỏa đáng với Quyết định của Hội đồng trọng tài về vấn đề thẩm quyền ban hành ngày 30/01/2025. Do vậy, ngày 10/02/2025, PETROCONS nộp đơn khiếu nại kèm theo các tài liệu chứng cứ lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (Tòa án) về việc Khiếu nại đối với Quyết định của HĐTT về thẩm quyền của HĐTT. Ngày 06/03/2025, Tòa án ra Thông báo về việc thụ lý vụ án gửi Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội và gửi các đương sự.

+ Ngày 14/04/2025, HĐTT có văn bản số 1241/VIAC đã đưa ra các hướng dẫn đối với cách nộp tài liệu cho Bước 12 (Phản đối yêu cầu cung cấp tài liệu), Bước 13 (Tự nguyện cung cấp tài liệu) và Bước 14 (Phản hồi đối với các Phản đối yêu cầu cung cấp tài liệu) được HĐTT quy định tại Lịch biểu Tố tụng. Thực hiện theo hướng dẫn của HĐTT, PETROCONS đã tổng hợp tài liệu và gửi phản hồi và phản đối đối với các yêu cầu cung cấp chứng cứ của DL E&C vào ngày 07/05/2025, gửi các tài liệu PETROCONS đồng ý cung cấp mà không phản đối vào ngày 04/06/2025, gửi phản hồi về các phản đối của DL E&C đối với các yêu cầu cung cấp tài liệu của PETROCONS ngày 11/06/2025.

+ Ngày 25/6/2025, HĐTT đã ra văn bản số 2250/VIAC quyết định về các yêu cầu cung cấp tài liệu của PETROCONS và DL E&C.

+ Ngày 15/07/2025, PETROCONS đã gửi tới HĐTT và DL E&C các tài liệu mà HĐTT chỉ thị cung cấp.

+ Theo Lịch biểu Tố tụng của Chỉ thị Tố Tụng số 01, PETROCONS sẽ phải nộp các Báo cáo chuyên gia đến Hội đồng Trọng tài. PETROCONS đã lựa chọn chuyên gia Lê Văn Long và Trần Văn Nam thực hiện báo cáo chuyên gia cho chủ đề "Pháp luật Việt Nam về xây dựng áp dụng đối với Hợp Đồng EPS".

+ Ngày 19/09/2025, PETROCONS đã gửi bản mềm bộ tài liệu lời khai người làm chứng tới Hội đồng Trọng tài qua email và bản cứng đã được nộp sau đó 7 ngày.

+ Ngày, 27/11/2025, các bên đã tiến hành nộp các báo cáo chuyên gia tới HĐTT.

+ Ngày 05/12/2025 và ngày 08/12/2025, VIAC đã gửi văn bản số 4822/VIAC và văn bản số 4852/VIAC về Lịch biểu tố tụng sửa đổi. Hiện tại, PETROCONS đang tiếp tục bổ sung tài liệu chứng cứ vụ án gửi Tòa án và thực hiện theo Lịch biểu tố tụng của HĐTT.

Song song với quá trình tố tụng, hiện PETROCONS vẫn đang làm việc với Nhà thầu Daelim để đàm phán ngoài tố tụng để tiến tới thương lượng hòa giải. Hiện hai bên vẫn đang xem xét các đề xuất của mỗi bên đưa ra.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Trên cơ sở đánh giá các nguồn lực hiện có và dự kiến nhu cầu của thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế năm 2026:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	Công ty mẹ	*332,00*	*160,02*	*48%*	*890,00*	*556%*
2	Tổng doanh thu	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%
	Công ty mẹ	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*864,00*	*83%*
3	Lợi nhuận trước thuế	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	Công ty mẹ	*3,72*	*10,53*	*283%*	*7,99*	*76%*
4	Lợi nhuận sau thuế	4,56	0,77	17%	28,31	3685%
	Công ty mẹ	*3,72*	*10,53*	*283%*	*7,99*	*76%*
5	Nộp NSNN	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	Công ty mẹ	*9,00*	*17,82*	*198%*	*11,00*	*62%*
6	Thu nhập bình quân (trđ/ người/ tháng)	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	Công ty mẹ	*19,60*	*22,54*	*115%*	*19,58*	*87%*

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONS đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2026, cụ thể:

2.1. Công tác tái cấu trúc

- Trên cơ sở phương án tái cấu trúc của PETROCONS giai đoạn 2026-2030 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng chi tiết kế hoạch tái cấu trúc năm 2026 để triển khai thực hiện.
- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động SXKD của đơn vị. Nghiên cứu, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ mới tại đơn vị thành viên: Dịch vụ vận hành và sửa chữa, bảo hành các NMNĐ, Dịch vụ kinh doanh và thương mại các sản phẩm phục vụ công tác thi công xây lắp như xi măng, clinker, tro xỉ, bê tông….
- Thúc đẩy tiến độ thoái vốn góp tại các đơn vị thông qua việc đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,…) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm.

- Xây dựng đề án thí điểm phá sản/giải thể: Rà soát danh mục các công ty con, lựa chọn 1–2 đơn vị hoạt động kém hiệu quả nhất, đủ điều kiện pháp lý và xây dựng lộ trình thực hiện thủ tục phá sản/giải thể.

2.2. Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án. Đảm bảo tiến độ và các tiêu chuẩn về chất lượng trong quá trình thi công.
- Đối với các dự án mới, xây dựng cơ chế kiểm soát chi phí nghiêm ngặt và chặt chẽ, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu, để đảm bảo biên lợi nhuận dương của từng dự án.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONS.
- Tối ưu hóa chi phí và quy trình thông qua việc đổi mới, áp dụng mô hình thông tin công trình - BIM, sử dụng các phần mềm tiên tiến về quản lý dự án, thiết kế… để cải thiện tính chính xác, giảm thời gian, chi phí thi công và nâng cao hiệu quả.
- Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu với giá cả cạnh tranh mà vẫn đảm bảo chất lượng. Sử dụng các vật liệu và công nghệ tiên tiến để gia tăng độ bền, tính thẩm mỹ và thân thiện với môi trường.
- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cung cấp dịch vụ hậu mãi tốt, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh sau khi bàn giao công trình; Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán/quyết toán.

2.3. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...
- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Petrovietnam và các đơn vị trực thuộc Petrovietnam, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong và ngoài ngành Dầu khí.
- Xây dựng Đề án cải thiện năng lực đấu thầu chi tiết, trong đó phân tích các gói thầu đã thất bại để rút kinh nghiệm; chủ động tìm kiếm và thành lập liên danh với các đối tác mạnh trong và ngoài ngành để bù đắp phần năng lực còn yếu; tập trung nguồn lực marketing, bám sát các dự án trọng điểm trong ngành như dự án Lô B, NMNĐ Long Phú 1, NMLD Dung Quất…
- Mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác và liên kết thông qua việc khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt ở các khu vực mới và chưa phát triển, liên kết với các đối tác tại các địa phương để tăng khả năng tiếp cận khách hàng; Hợp tác với các công ty lớn, có uy tín trong nước và quốc tế để tiếp cận, tham gia được các dự án lớn.

2.4. Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PETROCONS trong năm 2026.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền cho toàn bộ hoạt động SXKD năm 2026, tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2026 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Rà soát, xây dựng lộ trình cụ thể để làm việc với Petrovietnam và các tổ chức tín dụng nhằm xử lý các khoản vay ủy thác và các khoản bảo lãnh vay vốn, giảm gánh nặng chi phí tài chính.

2.5. Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tổng công ty trong công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ.
- Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các Đơn vị.
- Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu, tập trung vào các lĩnh vực chuyên môn chính, cốt lõi từ nguồn kinh phí Tập đoàn hỗ trợ; Tăng cường đào tạo ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý dự án để nâng cao chất lượng; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT PETROCONS tổng kết hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT; BKS; Ban TGĐ (e-copy);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tôi tên là Phạm Văn Khánh, sinh ngày 03/02/1960, trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành địa chất công trình, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Tiến sỹ Kinh tế.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) ngày 28/5/2025 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT (HĐQT) nhiệm kỳ 2025-2030.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT PETROCONS, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS và các công việc tôi đã thực hiện từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025, cụ thể như sau:

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS

- HĐQT PETROCONS hoạt động/làm việc theo: i) Điều lệ PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; ii) Quy chế nội bộ về quản trị PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iii) Quy chế hoạt động của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iv) các quy định nội bộ PETROCONS và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Nguyên tắc làm việc của HĐQT: i) HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; ii) Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về mọi Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Tổng công ty; iii) HĐQT phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của PETROCONS.
- HĐQT thực hiện phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các Quy chế/Quy định nội bộ PETROCONS. Các Tờ trình/văn bản của Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt được thực hiện xin ý kiến từng Thành viên Hội đồng quản trị tại Phiếu lấy ý kiến hoặc trao đổi/thảo luận tại cuộc họp HĐQT.

- Cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường theo tính chất công việc cần xử lý/phê duyệt. Ngoài ra, HĐQT đã cùng Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng với các Ban/Phòng chuyên môn, các đơn vị thành viên, cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện tại các dự án, kiểm điểm công tác tái cơ cấu, thu hồi công nợ, các cuộc họp với các đối tác/hợp tác. Bên cạnh đó, HĐQT cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc, hiện tại, Tổng công ty có 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng công ty.
- HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát PETROCONS, các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản của HĐQT đều được gửi Ban Kiểm soát.
- Đến thời điểm 31/12/2025, HĐQT PETROCONS có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập HĐQT, đầy đủ số lượng và cơ cấu theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty.
- Trong bối cảnh năm các doanh nghiệp xây dựng đối diện với một số thách thức như: i) Giá nguyên vật liệu chủ chốt duy trì ở mức cao, đặc biệt là thép, xi măng và thiết bị cơ khí, gây sức ép lớn lên chi phí đầu vào của các doanh nghiệp xây lắp; ii) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, dẫn tới nhiều dự án hạ tầng trọng điểm chậm được khởi công hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai; iii) Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực EPC, đã làm gia tăng áp lực về năng lực tài chính, tiến độ và chất lượng công trình, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PETROCONS chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án Tổng công ty dự kiến tiếp thị đấu thầu bị giãn tiến độ, công tác quyết toán gặp nhiều vướng mắc; các khoản công nợ tồn đọng chậm được xử lý, gây ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xử lý tài chính các dự án dở dang và áp lực hoàn trả các khoản vay ủy thác cũng ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn lực của Tổng công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, PETROCONS vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong hoạt động, tập trung tháo gỡ các vướng mắc tồn đọng, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo...

2. Báo cáo các công việc tôi đã thực hiện trong năm 2025

- Về chế độ làm việc:
  + Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở PETROCONS hoặc đi công tác theo sự phân công nhiệm vụ của HĐQT.
  + Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trả đầy đủ ý kiến tại các Phiếu lấy ý kiến.

- Về chế độ thù lao: Đến thời điểm hiện tại, PETROCONS thanh toán đầy đủ thù lao của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong năm vừa qua tôi đã cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ vai trò và nhiệm vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.
- Theo phân công nhệm vụ của HĐQT thì ngoài việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chung của Thành viên HĐQT, tôi còn được giao phụ trách trực tiếp các lĩnh vực sau:
  + Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Tổng công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ/đột xuất của Tổng giám đốc trình HĐQT;
  + Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT;
  + Theo dõi, giám sát lĩnh vực công tác đơn giá, định mức, kinh tế;

Trên đây là báo cáo của Thành viên Độc lập HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Kính báo cáo Đại hội!

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT PETROCONS (báo cáo).

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Phạm Văn Khánh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-XLDK

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2025 bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động và phân hóa sâu sắc do những bất ổn từ các cuộc xung đột quốc tế, nhưng nhìn chung, đây vẫn là một năm có nhiều cơ hội đan xen với khó khăn đối với kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động SXKD của PETROCONS nói riêng.

- Về những khó khăn: Thực tế việc thiếu năng lực về nguồn vốn, những tồn tại trong năng lực cạnh tranh dẫn đến công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm nguồn việc của PETROCONS còn nhiều hạn chế mang tính chủ quan. Bên cạnh đó, những vướng mắc khách quan về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng ở Chủ đầu tư cũng là yếu tố làm giãn tiến độ triển khai đấu thầu hoặc chậm tiến độ thi công tại một số dự án gây áp lực lên việc thực hiện kế hoạch sản lượng- doanh thu của PETROCONS. Ngoài ra, giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động thất thường, gây khó khăn cho công tác quản lý chi phí và dự toán biên lợi nhuận tại các công trình/dự án.
- Về những thuận lợi: Điểm tựa lớn nhất trong năm qua chính là sự quyết liệt của Chính phủ trong việc tháo gỡ khó khăn cho công tác đầu tư các dự án hạ tầng, qua đó các Chủ đầu tư đã tích cực triển khai các dự án: NMNĐ Long Phú 1, nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất, cải tạo sửa chữa nâng cấp các NMNĐ… tạo nguồn việc làm để PETROCONS tham gia. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ tích cực của Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2/ Petrovietnam nhằm giải quyết các vướng mắc trong công tác quyết toán hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 đã giúp PETROCONS hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu đề ra.

Nhìn chung, năm 2025 dù phải đối mặt với nhiều biến động khách quan từ thị trường, nhưng với kinh nghiệm và sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, PETROCONS đã linh hoạt xây dựng và thực hiện các giải pháp ứng phó, đưa các

dự án về đích, tạo tiền đề quan trọng cho kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/05/2025, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ SXKD với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/ 2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*261,84*	*332,00*	*160,02*	*48%*	*61%*
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*609,04*	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*171%*
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*3,81*	*9,00*	*17,82*	*198%*	*468%*
6	Thu nhập bình quân (*)	Tr.đ/ tháng	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	Công ty mẹ		*13,25*	*19,60*	*22,54*	*115%*	*170%*

(*) Chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện thu nhập bình quân năm 2025 đã bao gồm cả Ban điều hành và người lao động điều chỉnh theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với năm 2024. Chỉ tiêu Giá trị SXKD của Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt phần sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy giá (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đấu thầu.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.040,63 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025, bằng 156% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng đạt 283% kế hoạch năm 2025 và bằng 255% so với năm 2024.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng tăng 3,7% so với đầu kỳ. Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác triển khai thi công các công trình/dự án

Trong năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

PETROCONS cũng đã hoàn thành, bàn giao các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2-NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biến tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1.

Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã ký Biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ngày 24/6/2025 và ghi nhận toàn bộ doanh thu phần còn lại của dự án. Trên cơ sở Biên bản Quyết toán Hợp đồng EPC đã ký giữa Ban QLDA và Tổng thầu PETROCONS và Biên bản Điều chỉnh giá trị quyết toán Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký ngày 24/10/2025, hiện PETROCONS đang tiếp tục phối hợp với các Nhà thầu phụ để hoàn thiện các thủ tục thanh/ quyết toán Hợp đồng thầu phụ.

Hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng số 158 và hợp đồng số 49 tại dự án Khu Đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh Nhân dân; Hoàn thành biên bản quyết toán dự án NMNĐ Vũng Áng 1.

Tuy nhiên, tại một số dự án còn nhiều vướng mắc với chủ đầu tư dẫn đến công tác quyết toán còn chưa hoàn thành như: gói thầu C11 và C15 tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1; các gói thầu tại dự án Liên hợp LHD Nghi Sơn;...

2. Công tác tái cơ cấu

Trong năm 2025, PETROCONS vẫn đang tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Triển khai các nội dung tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo Chỉ thị số 1770/CT-XLDK ngày 11/12/2024 đối với các nhiệm vụ/giải pháp đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Hoàn thành thủ tục ghi giảm vốn góp tại PVC-Kinh Bắc theo Bản án phúc thẩm số 412/2021/HSPT của TAND cấp cao tại Hà Nội, Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.
- Rà soát, đánh giá thực trạng của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Trên cơ sở đó, PETROCONS đang thực hiện rà soát, xây dựng đề án tái cơ cấu 2026-2030.
- Triển khai các công việc liên quan đến công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 253/NQ-CP Ngày 26/8/2025 về việc công bố các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) tiếp tục có hiệu lực, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị tư vấn đã xây dựng và được HĐQT PETROCONS phê duyệt phương án chuyển nhượng thông qua các Quyết định số 125/QĐ-XLDK ngày 03/11/2025 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại PVC-Bình Sơn và Quyết định số 132/QĐ-XLDK ngày 01/12/2025 về việc Chấp thuận cho Tổng công ty thực hiện ủy quyền của PETROCONS Đông Đô về việc triển khai các thủ tục chuyển nhượng phần vốn tại PVC-Bình Sơn. Ngày 04/12/2025 Tổng công ty đã thành lập Ban tổ chức triển khai phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty và PETROCONS Đông Đô tại PVC-Bình Sơn và ban hành Quy chế chuyển nhượng. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần của PETROCONS và PETROCONS-Đông Đô tại PVC-Bình Sơn trong tháng 12/2025 không thành công.

  Trên cơ sở đánh giá của HĐQT PETROCONS, công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi có được sự quan tâm của nhà đầu tư với mức giá đề xuất nhận chuyển nhượng tiệm cận với giá trị doanh nghiệp (trên cơ sở phân tích đánh giá từ giá trị đã định giá và số liệu tài chính của PVC-Bình Sơn gần nhất) để đảm bảo công tác thẩm định giá và chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

❖ *Công tác ký kết các dự án/hợp đồng:*

Năm 2025, Công ty mẹ Tổng công ty tích cực tham gia dự thầu nhiều gói thầu và đã ký 10 hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng.

Tại các đơn vị thành viên đã ký mới nhiều hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, trong đó: (i) PVC-MS ký 08 hợp đồng với tổng giá trị 3.326,60 tỷ đồng; (ii) PVC-TB ký 12 hợp đồng/thầu phụ với giá trị 39,20 tỷ đồng; (iii) PVC-Bình Sơn ký 08 hợp đồng với giá trị 44,2 tỷ đồng; (iv) DOBC ký 18 hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị 39,96 tỷ đồng; (v) PVC-IC ký 01 hợp đồng với giá trị 2,87 tỷ đồng; (vi) PVC-TH ký 01 hợp đồng với giá trị 15,99 tỷ đồng và (vii) PVC-Duyên Hải ký 01 hợp đồng với giá trị 32,38 tỷ đồng.

❖ *Công tác tiếp thị đấu thầu:*

PETROCONS và các đơn vị thành viên tích cực theo dõi và tiếp cận/ phát triển nguồn việc từ các công trình/dự án: Khu nhà ở CBCNV vận hành NMNĐ Thái Bình 2; các gói thầu thuộc Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án mở rộng và nâng cấp Nhà máy Lọc dầu Dung Quất,...

Bên cạnh kết quả trúng thầu và ký hợp đồng trong năm 2025, trong 4 tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ PETROCONS đã ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị 404 tỷ đồng. Cụ thể: (i) Gói thầu Thi công San lấp mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất ký với Công ty Cổ phần lọc hóa Dầu Bình Sơn với giá trị 369 tỷ đồng; (ii) Gói thầu Cung cấp bi nghiền than phục vụ vận hành NMNĐ Duyên Hải 1 với giá trị 20 tỷ đồng; (iii) Mua sắm vật tư C&I dự phòng bắt buộc năm 2025 đợt 2 - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với giá trị 15 tỷ đồng. Hiện đang tiếp tục đàm phán hợp đồng với các gói thầu đã thông báo trúng thầu. Tại các đơn vị thành viên trong 4 tháng đầu năm 2026 đã ký nhiều hợp đồng với tổng giá trị khoảng 193 tỷ đồng.

Ngoài ra, PETROCONS cũng tiếp tục bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

- Hoàn thành phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2024 của Cơ quan Tổng công ty và các Ban ĐHDA thuộc Công ty mẹ, về cơ bản chi phí quản lý bám sát dự toán đã được phê duyệt. Phê duyệt kế hoạch CPQL năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty.
- Cân đối dòng tiền, thu xếp vốn các dự án và các khoản chi thường xuyên. Cân đối nguồn, thực hiện các thủ tục gia hạn/ phát hành bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng cho dự án NMNĐ Thái Bình 2 và các công trình PETROCONS thực hiện thi công trong năm 2025.
- Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2025 là 575,67 tỷ đồng trong đó PETROCONS phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONS sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/3/2026, lãi vay PETROCONS còn phải trả Petrovietnam là: 185,28 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90,01 tỷ đồng; Tiền phạt chậm trả lãi, gốc: 95,28 tỷ đồng.
- Trong năm 2025, PETROCONS đã xây dựng phương án và kiến nghị Petrovietnam chấp thuận thu hồi nợ gốc vay ủy thác (phần Công ty mẹ PETROCONS sử dụng với giá trị 223,07 tỷ đồng) thông qua hình thức bù trừ công nợ là giá trị chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục phối hợp với Ban QLDA Thái Bình 2 và kiến nghị Petrovietnam trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận và miễn giảm các khoản chi phí lãi vay trong hạn/quá hạn đối với khoản vay ủy thác nêu trên.
- Trong năm 2025 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh. Đến hết năm 2025, PETROCONS còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các

khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONS đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng.

- Tính đến 31/12/2025, công nợ phải thu của Công ty mẹ PETROCONS là 2.522,41 tỷ đồng, bao gồm: công nợ trả trước cho người bán là 559,35 tỷ đồng, phải thu khách hàng là 1.254,22 tỷ đồng, phải thu cho vay là 355,67 tỷ đồng, phải thu khác là 353,15 tỷ đồng. Đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi 876,94 tỷ đồng.

4. Công tác đầu tư

4.1. Đầu tư tài chính

Năm 2025, PETROCONS không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Trên cơ sở Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty, PETROCONS đã thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư góp vốn tại PVC-Kinh Bắc 21 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty mẹ PETROCONS có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.305,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 185,20 tỷ đồng.

Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng bằng 79,07% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONS. Trong năm 2025, PETROCONS đã hạch toán hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với tổng giá trị 12,44 tỷ đồng. Bao gồm: (i) Trích lập bổ sung cho các đơn vị thua lỗ 31,37 tỷ đồng, (ii) Hoàn nhập trích lập 43,81 tỷ đồng (trong đó hoàn nhập toàn bộ giá trị đã trích lập 32,54 tỷ đồng cho khoản vốn góp tại PVC- Bình Sơn sau khi thẩm định giá trị thị trường của doanh nghiệp).

4.2. Đầu tư bất động sản, Xây dựng cơ bản, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

- Năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS và các Công ty con không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị.

5. Công tác thoái/ thu hồi vốn/ quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:

- Thu hồi vốn đầu tư tại dự án Soài Rạp – Tiền Giang: Ngày 17/4/2025, PETROCONS đã họp với UBND tỉnh Tiền Giang về việc bàn giao dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Theo đó, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến kết luận: UBND tỉnh Tiền Giang sẽ tiến hành lựa chọn nhà đầu tư mới, sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ hoàn trả các giá trị còn lại của Petrovietnam (195.280.413.654 đồng) và PETROCONS (126.434.483.869 đồng).

Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục bám sát UBND tỉnh Đồng Tháp và Sở NN&MT tỉnh Đồng Tháp để nắm bắt tình hình xử lý việc thành lý hợp đồng thuê lại đất giữa PETROCONS và PVPIPE tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp.

- Khu đất 3.400m² đất tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc: PETROCONS đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, nhận giấy chứng nhận Quyền sử đất đứng tên chủ quyền và ghi nhận tăng tài sản đối với thửa đất theo Nghị quyết 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.

Đối với công tác chuyển nhượng khu đất: HĐQT PETROCONS đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-XLDK về việc chấp thuận chủ trương định giá khu đất. Ngày 27/11/2025, đơn vị tư vấn thẩm định giá đã hoàn thành dự thảo chứng thư thẩm định giá. Ngày 06/01/2026 Công ty KVA (đơn vị thẩm định giá) đã ban hành chứng thư thẩm định giá với giá trị thẩm định xác định tại chứng thư là: 210.633.400.000 đồng.

Trên cơ sở Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị đấu giá (VNA) tổ chức thông báo công khai theo quy định, tuy nhiên phiên đấu giá lần 1 không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký tham gia. Hiện PetroCons đang hoàn thiện các thủ tục nhằm phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá lần 2.

- *Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung- Quảng Ngãi*: Hiện tại, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục xúc tiến tìm kiếm các khách hàng phù hợp để hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng Xưởng cơ khí, tạo nguồn tiền nhằm thanh toán chi phí thuê đất hàng năm cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

- *Khu đất tại phố Chùa Hà- Hà Nội:* PETROCONS tiếp tục thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất (bao gồm: đo vẽ bản đồ hiện trạng, xin chỉ giới đường đỏ, xin thông tin quy hoạch, rà soát hiện trạng sử dụng đất…). Tuy nhiên, đến nay công tác trên vẫn chưa hoàn tất do vướng mắc về việc thống nhất cách tính tiền thuê đất từ năm 2011-2019 cũng như ảnh hưởng từ công tác sáp nhập địa giới hành chính. Hiện PETROCONS tiếp tục bám sát các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất. Bên cạnh đó, PETROCONS đã có văn bản đề nghị giảm 30% thuê đất Chùa Hà năm 2025 theo Nghị định 230 và đã được Thuế Hà Nội ban hành Quyết định giảm 30% tiền thuê đất năm 2025, dự kiến số tiền thuê đất phải nộp sau khi giảm 30% là 303,37 triệu đồng (giảm khoảng 130 triệu đồng).

6. Công tác khác

- Trong năm 2025, PETROCONS đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PETROCONS tại các vụ kiện, công tác thi hành án có liên quan đến PETROCONS, như:

+ Theo yêu cầu kháng cáo của PVR, ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm (lần thứ hai) và ngày 07/01/2026, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 12240/QĐ-THADS về việc thi hành án theo yêu cầu đối với Công ty PVR Hà Nội về việc PVR Hà Nội buộc phải trả PETROCONS 49 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đã nộp đơn yêu cầu THA cho Thi hành án Hà Nội

+ Đối với việc thi hành án tại vụ kiện với Lisemco (phải trả PETROCONS 40,63 tỷ đồng), Thành Trang- Tagi (phải trả PETROCONS 23,12 tỷ đồng), PETROCONS đang tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng để xác minh tài sản của đơn vị nhằm yêu cầu thực hiện thi hành án, thu hồi tài sản về cho PETROCONS.

+ Đối với vụ kiện của SDC: PETROCONS phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý tiếp tục thực hiện các bước của quá trình tố tụng. Ngoài ra, song song với quá trình tố

tụng, Tổng công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu DL E&C.

+ PETROCONS tiếp tục bám sát và giải quyết vụ kiện Tổng công ty là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa PVCombank và PVC-MT. Đến thời điểm hiện tại đã thành công trong việc bảo vệ việc chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONS với khoản nợ của PVC-MT tại PVCombank (khoảng 147 tỷ đồng).

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty PETROCONS. Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trong đó chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 6/7 Công ty con (PVC-Mekong không tổ chức Đại hội). Đối với đơn vị liên kết, đầu tư tài chính: có 04 đơn vị đã tổ chức thành công đại hội là PVC-TH, PVC-MT; XMHL; PVC-Duyên Hải.

- Hoàn thành đánh giá chính thức mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác năm 2024; Kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị.

- Công tác quản lý, sử dụng lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty phù hợp với quy định của Nhà nước và Quy chế/Quy định của Tổng công ty. Tại Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện công tác định biên, sắp xếp sử dụng lao động tại Cơ quan Tổng công ty năm 2025 và đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBCNV tại các Ban/Phòng Tổng công ty. Đến cuối tháng 12/2025, số lao động toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 Công ty chi phối): 1.303 người, trong đó Công ty mẹ là 165 người (Bao gồm lao động ký hợp đồng giao khoán để làm việc tại các dự án do Tổng công ty trực tiếp thực hiện).

- Trong công tác thực hiện tiền lương: PETROCONS đã triển khai thực hiện vận dụng Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (Nghị định 44) và Thông tư số 003/2025/TT-BNV, ban hành Quy chế trả lương kèm theo Quyết định số 126/QĐ-XLDK ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Thu nhập bình quân (bao gồm Ban điều hành và người lao động) năm 2025 toàn tổ hợp là 16,67 triệu đồng/người/tháng, trong đó thu nhập bình quân của Công ty mẹ 22,54 triệu đồng/người/tháng.

- Trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, PETROCONS đã tổ chức triển khai các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí được Petrovietnam hỗ trợ. Năm 2025 toàn tổ hợp Tổng công ty ước thực hiện 1,524 tỷ đồng với 1.613 lượt người được đào tạo. Tại Công ty mẹ Tổng công ty ước thực hiện 730 triệu đồng với số lượt tham gia đào tạo là 197 học viên.

IV. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Năm 2025, được đánh giá là một năm tương đối thành công của PETROCONS trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với sự hỗ trợ của Tập đoàn Công nghiệp- Năng lượng Quốc gia Việt Nam cũng như những nỗ lực tìm kiếm thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD của tập thể lãnh đạo, CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh

các kết quả đã đạt được nêu trên, PETROCONS vẫn còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, như:

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong việc thống nhất giá trị quyết toán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư.
- Việc chậm trễ quyết toán đối với các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm của cả Công ty mẹ lẫn các đơn vị thành viên gây tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thu hồi vốn, phát sinh các tranh chấp, lãng phí nguồn lực.
- Tại các đơn vị thành viên, công tác tìm kiếm nguồn việc, ký kết hợp đồng mới còn hạn chế dẫn đến thiếu hụt sản lượng so với kế hoạch. Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh/ quyết toán còn tương đối chậm .
- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONS và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONS hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONS.
- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONS đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

Bài học kinh nghiệm cần đưa ra để PETROCONS và các đơn vị thành viên nhìn nhận và triển khai các phương hướng, giải pháp thúc đẩy hiệu quả hoạt động SXKD trong các năm kế tiếp là:

- Cần phải kiện toàn cơ cấu tổ chức của PETROCONS, rà soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý, định biên lao động một cách hợp lý. Hoàn thiện phương án quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác với các đối tác để nâng cao năng lực đấu thầu.
- Quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành thi công, lãnh đạo luôn bám sát công trường. Từ thực tiễn kịp thời đưa ra các giải pháp, hướng chỉ đạo linh hoạt. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu hồi được.
- Kiểm soát tốt chi phí, giảm giá thành sản phẩm, giám sát thực hành tiết kiệm chi phí quản lý. Hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật, nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán gói thầu/ hạng mục công việc từ khâu chuẩn bị hồ sơ.
- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu SXKD, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của PETROCONS.

- Cơ cấu lại nguồn vốn nhằm nâng cao tối đa hiệu quả sử dụng vốn, thu hồi nguồn vốn đang đầu tư vào các đơn vị không thuộc lĩnh vực SXKD trọng tâm để tập trung vốn cho hoạt động SXKD chính.

PHẦN II
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025, công tác tiếp thị đấu thầu và tình hình triển khai các công trình, dự án thực tế hiện nay, PETROCONS đã xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 kính trình ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	Công ty mẹ	*332,00*	*160,02*	*48%*	*890,00*	*556%*
2	Tổng doanh thu	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%
	Công ty mẹ	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*864,00*	*83%*
3	Lợi nhuận trước thuế	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	Công ty mẹ	*3,72*	*10,53*	*283%*	*7,99*	*76%*
4	Lợi nhuận sau thuế	4,56	0,77	17%	28,31	3685%
	Công ty mẹ	*3,72*	*10,53*	*283%*	*7,99*	*76%*
5	Nộp NSNN	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	Công ty mẹ	*9,00*	*17,82*	*198%*	*11,00*	*62%*
6	Thu nhập bình quân (trđ/ người/ tháng)	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	Công ty mẹ	*19,60*	*22,54*	*115%*	*19,58*	*87%*

Kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2026 của Hợp nhất và Công ty mẹ PETROCONS và được xây dựng trên cơ sở hoàn thành thi công, thu hồi vốn tại các dự án chuyển tiếp từ năm 2025 (các gói thầu tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Quảng Trạch, gói thầu T23, T37 tại dự án NMNĐ Long Phú 1, Thi công Xử lý nền và san lấp trạm Mũi Tràm và Trạm An Minh - Đường ống Lô B - Ô Môn, dự án MDL,…) và các dự án đã ký hợp đồng đầu năm 2026 (NMLD Dung Quất, NMNĐ Duyên Hải 1) cũng các công trình PETROCONS dự kiến tiếp thị, tham gia dự thầu như: Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, các gói thầu tại dự án NMNĐ Long Phú 1... Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đề ra như trên còn tiềm ẩn rủi ro trong trường hợp không trúng thầu các dự án kể trên.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Để phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONS đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2026, cụ thể:

1. Đối với công tác quản trị:

- Tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 đã đề ra; đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng về Doanh thu hợp nhất của PETROCONS.
- Thực hiện triệt để công tác tái cơ cấu PETROCONS đảm bảo từng bước hoạt động hiệu quả theo yêu cầu của cấp thẩm quyền; Cơ cấu bộ máy tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, đủ năng lực, đáp ứng công tác điều hành và SXKD. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế, xây dựng Kế hoạch tái cơ cấu PETROCONS giai đoạn 2026-2030 trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Nâng cao năng lực bộ máy quản lý (tài chính, kỹ thuật, tiếp thị, đấu thầu), đồng thời hoàn thiện hồ sơ năng lực theo quy định; đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thông tin, tiếp thị, tham gia đấu thầu các dự án trong và ngoài ngành; chủ động làm việc với các Chủ đầu tư và đối tác, chuẩn bị đầy đủ nhân lực và vật lực để sẵn sàng tham gia các gói thầu phù hợp với năng lực của PETROCONS.
- Bám sát diễn biến tình hình chiến sự/căng thẳng tại khu vực Trung Đông, biến động thị trường, tăng cường công tác dự báo các rủi ro do tăng giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất,…
- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của PETROCONS trong việc quản lý và sử dụng vốn hiệu quả tại các đơn vị thành viên.
- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hoạt động, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đối với hoạt động SXKD, công tác đầu tư, tài chính, công nợ:

- Tập trung nhân lực, vốn, thiết bị và cơ sở vật chất tại công trình, dự án để đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công cho các hợp đồng đã ký kết. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONS.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát chi phí nghiêm ngặt và chặt chẽ, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu, để đảm bảo biên lợi nhuận dương của từng dự án.
- Hoàn thành quyết toán các hợp đồng (EPC, hợp đồng thầu phụ, nhà cung cấp thiết bị, dịch vụ...) tại dự án NMNĐ Thái Bình 2; hoàn thành quyết toán các hợp đồng của Trung tâm Điện lực Quảng Trạch.
- Hoàn thành chuyển nhượng khu đất Tam Đảo, tiếp tục thực hiện công tác thu hồi tối

đa chi phí đã đầu tư tại Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD; Hoàn thành công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn.

- Tiếp tục bám sát, đôn đốc các cơ quan thi hành án và các bên liên quan để yêu cầu thực hiện quyết định tại các bản án với Lisemco, PVR, Công ty Thành Trang- Tagi nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp, thu hồi tài sản cho PETROCONS.
- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của PVN thông qua Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (Oceanbank cũ). Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONS bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.
- Xây dựng phương án và hoàn thành xử lý các khoản vay nợ liên quan đến đầu tư khách sạn Lam Kinh và khách sạn Dầu khí Thái Bình trong năm 2026.
- Lập danh mục các khoản công nợ để xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ trong năm 2026 và các năm tiếp theo để tiến hành hiệu quả công tác thu hồi công nợ, bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD trong các năm tiếp theo.

3. Các nhiệm vụ khác:

- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS TCT;
- Ban TGĐ TCT;
- Các Ban, Phòng chuyên môn TCT;
- Lưu VT, KHĐT&TCC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hoàn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /XLDK-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua vào ngày 05/10/2023;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Ban Kiểm soát PETROCONS năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PETROCONS.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trong năm 2025, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực tìm kiếm, xây dựng các giải pháp và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được Tập đoàn phê duyệt, PETROCONS đã đạt được kết quả với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/ 2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*261,84*	*332,00*	*160,02*	*48%*	*61%*
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/ 2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*609,04*	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*171%*
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	Công ty mẹ	*Tỷ đồng*	*3,81*	*9,00*	*17,82*	*198%*	*468%*
6	Thu nhập bình quân (*)	Tr.đ/ tháng	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	Công ty mẹ		*13,25*	*19,60*	*22,54*	*115%*	*170%*

(*) Chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện thu nhập bình quân năm 2025 đã bao gồm cả Ban điều hành và người lao động điều chỉnh theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

Các chỉ tiêu Giá trị SXKD, Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế Hợp nhất trong năm 2025 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Trong năm, Công ty PVC-Mekong tạm dừng hoạt động, trong khi các Công ty con còn lại nhìn chung đều có sự tăng trưởng so với năm 2024. Ngoại trừ Công ty PVC-TB tiếp tục thua lỗ, nguyên nhân chủ yếu do chưa hoàn tất việc xử lý dứt điểm công tác xử lý nợ với ngân hàng PVCombank thông qua phương án chuyển giao Khách sạn Dầu khí Thái Bình, dẫn đến đơn vị tiếp tục phải hạch toán các chi phí lãi vay, lãi phạt chậm trả cũng như chi phí khấu hao đối với tòa nhà tổ hợp khách sạn Dầu khí. Xét theo kế hoạch năm 2025, đối với chỉ tiêu giá trị SXKD và Doanh thu, ngoài Công ty PVC-IC không hoàn thành kế hoạch giá trị SXKD và PVC-Bình Sơn không đạt kế hoạch doanh thu, các Công ty còn lại đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch. Đối với chỉ tiêu lợi nhuận, ngoại trừ PVC-TB thua lỗ, còn lại 5/6 đơn vị đều có lãi và vượt mức kế hoạch đề ra.

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với năm 2024. Chỉ tiêu Giá trị SXKD của Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt phần sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy già (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đấu thầu.

- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.040,63 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025, bằng 156% so với năm 2024.; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng đạt 283% kế hoạch năm 2025 và bằng 255% so với năm 2024.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng. Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng.

Trong 7 đơn vị chi phối hạch toán hợp nhất của Tổng công ty PETROCONS, có 5/7 đơn vị có lãi, 01 đơn vị lỗ và 01 đơn vị đang tạm ngưng hoạt động trong năm 2025. Tổng lợi nhuận sau thuế của 05 đơn vị là: 24,75 tỷ đồng, cụ thể: PVC-MS (14,77 tỷ đồng), DOBC (1,8 tỷ đồng), PVC-IC (0,50 tỷ đồng), PETROCONS Đông Đô (7,35 tỷ đồng) và PVC-Bình Sơn (0,33 tỷ đồng); 01 đơn vị có kết quả SXKD lỗ là PVC – Thái Bình với số tiền là 39,18 tỷ đồng, với số lỗ trên đã làm ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất của toàn Tổng công ty.

2. Công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm

Tình hình triển khai thi công tại một số công trình/dự án của PETROCONS cụ thể như sau:

Trong năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

PETROCONS cũng đã hoàn thành, bàn giao các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biến tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1.

Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã ký Biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ngày 24/6/2025 và ghi nhận toàn bộ doanh thu phần còn lại của dự án. Trên cơ sở Biên bản Quyết toán Hợp đồng EPC đã ký giữa Ban QLDA và Tổng thầu PETROCONS và Biên bản Điều chỉnh giá trị quyết toán Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký ngày 24/10/2025, hiện PETROCONS đang tiếp tục phối hợp với các Nhà thầu phụ để hoàn thiện các thủ tục thanh/ quyết toán Hợp đồng thầu phụ.

Hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng số 158 và hợp đồng số 49 tại dự án Khu Đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh Nhân dân; Hoàn thành biên bản quyết toán dự án NMNĐ Vũng Áng 1.

Tuy nhiên, tại một số dự án còn nhiều vướng mắc như: Công tác thanh/ quyết toán các gói thầu C11 và C15 tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1; Công tác quyết toán các

gói thầu tại dự án Liên hợp LHD Nghi Sơn; Ban ĐHDA Vũng Áng – Quảng Trạch ... PETROCONS đã có các văn bản kiến nghị Tập đoàn/Chủ đầu tư hỗ trợ giải quyết (nội dung kiến nghị gần nhất tại văn bản số 133/XLDKHĐQT ngày 02/12/2025).

3. Công tác tái cơ cấu

Trong năm 2025, PETROCONS vẫn đang tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Triển khai các nội dung tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo Chỉ thị số 1770/CT-XLDK ngày 11/12/2024 đối với các nhiệm vụ/giải pháp đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Rà soát, đánh giá thực trạng của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Trên cơ sở đó, PETROCONS đang thực hiện rà soát, xây dựng đề án tái cơ cấu 2026-2030.

- Hoàn thành thủ tục ghi giảm vốn góp tại PVC-Kinh Bắc theo Bản án phúc thẩm số 412/2021/HSPT của TAND cấp cao tại Hà Nội, Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.

- Triển khai các công việc liên quan đến công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 253/NQ-CP Ngày 26/8/2025 về việc công bố các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) tiếp tục có hiệu lực, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị tư vấn đã xây dựng và được HĐQT PETROCONS phê duyệt phương án chuyển nhượng thông qua các Quyết định số 125/QĐ-XLDK ngày 03/11/2025 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại PVC-Bình Sơn và Quyết định số 132/QĐ-XLDK ngày 01/12/2025 về việc Chấp thuận cho Tổng công ty thực hiện ủy quyền của PETROCONS Đông Đô về việc triển khai các thủ tục chuyển nhượng phần vốn tại PVC-Bình Sơn. Ngày 04/12/2025 Tổng công ty đã thành lập Ban tổ chức triển khai phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty và PETROCONS Đông Đô tại PVC-Bình Sơn và ban hành Quy chế chuyển nhượng. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần của PETROCONS và PETROCONS-Đông Đô tại PVC-Bình Sơn trong tháng 12/2025 không thành công.

Trên cơ sở đánh giá của HĐQT PETROCONS, công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi có được sự quan tâm của nhà đầu tư với mức giá đề xuất nhận chuyển nhượng tiệm cận với giá trị doanh nghiệp (trên cơ sở phân tích đánh giá từ giá trị đã định giá và số liệu tài chính của PVC-Bình Sơn gần nhất) để đảm bảo công tác thẩm định giá và chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

4. Công tác hợp đồng kinh tế, tiếp thị đấu thầu, công tác đầu tư, công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ.

➢ ***Công tác quản lý, ký kết các dự án/hợp đồng:***

Năm 2025, Công ty mẹ Tổng công ty tích cực tham gia dự thầu nhiều gói thầu và đã ký thêm 10 hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng.

Tại các đơn vị thành viên đã ký mới nhiều hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, trong đó: (i) PVC-MS ký 08 hợp đồng với tổng giá trị

3.326,60 tỷ đồng; (ii) PVC-TB ký 12 hợp đồng/thầu phụ với giá trị 39,20 tỷ đồng; (iii) PVC-Bình Sơn ký 08 hợp đồng với giá trị 44,2 tỷ đồng; (iv) DOBC ký 18 hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị 39,96 tỷ đồng; (v) PVC-IC ký 01 hợp đồng với giá trị 2,87 tỷ đồng; (vi) PVC-TH ký 01 hợp đồng với giá trị 15,99 tỷ đồng và (vii) PVC-Duyên Hải ký 01 hợp đồng với giá trị 32,38 tỷ đồng.

➢ ***Công tác tiếp thị đấu thầu:***

PETROCONS và các đơn vị thành viên tích cực theo dõi và tiếp cận/ phát triển nguồn việc từ các công trình/dự án: Khu nhà ở CBCNV vận hành NMNĐ Thái Bình 2; các gói thầu thuộc Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án mở rộng và nâng cấp Nhà máy Lọc dầu Dung Quất,...

Bên cạnh kết quả trúng thầu và ký hợp đồng trong năm 2025, trong 4 tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ PETROCONS đã ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị 404 tỷ đồng. Cụ thể: (i) Gói thầu Thi công San lấp mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất ký với Công ty Cổ phần lọc hóa Dầu Bình Sơn với giá trị 369 tỷ đồng; (ii) Gói thầu Cung cấp bi nghiền than phục vụ vận hành NMNĐ Duyên Hải 1 với giá trị 20 tỷ đồng; (iii) Mua sắm vật tư C&I dự phòng bắt buộc năm 2025 đợt 2 - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với giá trị 15 tỷ đồng. Hiện đang tiếp tục đàm phán hợp đồng với các gói thầu đã thông báo trúng thầu. Tại các đơn vị thành viên trong 4 tháng đầu năm 2026 đã ký nhiều hợp đồng với tổng giá trị khoảng 193 tỷ đồng.

Ngoài ra, PETROCONS cũng tiếp tục bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

➢ ***Công tác đầu tư:***

- Năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị, cũng như không đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Tại thời điểm hiện tại, PETROCONS có 25 đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty với tổng giá trị đầu tư thực tế là: 2.305,55 tỷ đồng. Trong đó có 07 Công ty con với giá trị đầu tư góp vốn là 1.384,91 tỷ đồng; 11 Công ty liên kết với giá trị đầu tư góp vốn là 735,45 tỷ đồng và 07 Công ty đầu tư tài chính với giá trị đầu tư góp vốn là 185,20 tỷ đồng. Giá trị trích lập/ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kết quả kinh doanh của các đơn vị thành viên trong năm 2025 được hạch toán hoàn nhập 12,44 tỷ đồng, trong đó hoàn nhập toàn bộ chi phí đã trích lập cho khoản vốn góp tại PVC- Bình Sơn (sau khi thẩm định giá trị thị trường của doanh nghiệp) 32,54 tỷ đồng. Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ước đến thời điểm 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng bằng 79% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONS.

➢ ***Công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:***

- Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang: Ngày 17/4/2025, PETROCONS đã họp với UBND tỉnh Tiền Giang về việc bàn giao dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Theo đó, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến kết luận: UBND tỉnh Tiền Giang sẽ tiến hành lựa chọn nhà đầu tư mới, sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ hoàn trả các giá trị còn lại của Petrovietnam (195.280.413.654 đồng) và PETROCONS (126.434.483.869 đồng).

- Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục bám sát UBND tỉnh Đồng Tháp và Sở NN&MT tỉnh Đồng Tháp để nắm bắt tình hình xử lý việc thành lý hợp đồng thuê lại đất giữa PETROCONS và PVPIPE tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp.

- Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung- Quảng Ngãi: Hiện tại, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục xúc tiến tìm kiếm các khách hàng phù hợp để hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng Xưởng cơ khí, tạo nguồn tiền nhằm thanh toán chi phí thuê đất hàng năm cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

- *Khu đất tại Chùa Hà – Hà Nội:* PETROCONS tiếp tục thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất (bao gồm: đo vẽ bản đồ hiện trạng, xin chỉ giới đường đỏ, xin thông tin quy hoạch, rà soát hiện trạng sử dụng đất…). Tuy nhiên, đến nay công tác trên vẫn chưa hoàn tất do vướng mắc về việc thống nhất cách tính tiền thuê đất từ năm 2011-2019 cũng như ảnh hưởng từ công tác sáp nhập địa giới hành chính. Hiện PETROCONS tiếp tục bám sát các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất. Bên cạnh đó, PETROCONS đã có văn bản đề nghị giảm 30% thuê đất Chùa Hà năm 2025 theo Nghị định 230 và đã được Thuế Hà Nội ban hành Quyết định giảm 30% tiền thuê đất năm 2025, dự kiến số tiền thuê đất phải nộp sau khi giảm 30% là 303,37 triệu đồng (giảm khoảng 130 triệu đồng).

- Đối với khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc được Công ty Mai Phương hoàn trả PETROCONS theo Quyết định của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội: PETROCONS đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, nhận giấy chứng nhận Quyền sử đất đứng tên chủ quyền và ghi nhận tăng tài sản đối với thửa đất theo Nghị quyết 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.

Đối với công tác chuyển nhượng khu đất: HĐQT PETROCONS đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-XLDK về việc chấp thuận chủ trương định giá khu đất. Ngày 27/11/2025, đơn vị tư vấn thẩm định giá đã hoàn thành dự thảo chứng thư thẩm định giá. Ngày 06/01/2026 Công ty KVA (đơn vị thẩm định giá) đã ban hành chứng thư thẩm định giá với giá trị thẩm định xác định tại chứng thư là: 210.633.400.000 đồng.

Trên cơ sở Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị đấu giá (VNA) tổ chức thông báo công khai theo quy định, tuy nhiên phiên đấu giá lần 1 không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký tham gia. Hiện PetroCons đang hoàn thiện các thủ tục nhằm phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá lần 2.

➢ ***Công tác khác***

- Trong năm 2025, PETROCONS đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PETROCONS tại các vụ kiện, công tác thi hành án có liên quan đến PETROCONS, như:

+ Theo yêu cầu kháng cáo của PVR, ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm (lần thứ hai) và ngày 07/01/2026, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 12240/QĐ-THADS về việc thi hành án theo yêu cầu đối với Công ty PVR Hà Nội về việc PVR Hà Nội buộc phải trả PETROCONS 49 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đã nộp đơn yêu cầu THA cho Thi hành án Hà Nội.

+ Đối với việc thi hành án tại vụ kiện với Lisemco (phải trả PETROCONS 40,63 tỷ đồng), Thành Trang- Tagi (phải trả PETROCONS 23,12 tỷ đồng), PETROCONS đang tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng để xác minh tài sản của đơn vị nhằm yêu cầu thực hiện thi hành án, thu hồi tài sản về cho PETROCONS.

+ Đối với vụ kiện của SDC: PETROCONS phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý tiếp tục thực hiện các bước của quá trình tố tụng. Ngoài ra, song song với quá trình tố tụng, Tổng công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu DL E&C.

+ PETROCONS tiếp tục bám sát và giải quyết vụ kiện Tổng công ty là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa PVCombank và PVC-MT. Đến thời điểm hiện tại đã thành công trong việc bảo vệ việc chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONS với khoản nợ của PVC-MT tại PVCombank (khoảng 147 tỷ đồng).

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty PETROCONS. Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trong đó chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 6/7 Công ty con (PVC-Mekong không tổ chức Đại hội). Đối với đơn vị liên kết, đầu tư tài chính: có 04 đơn vị đã tổ chức thành công đại hội là PVC-TH, PVC-MT; XMHL; PVC-Duyên Hải.

- Hoàn thành đánh giá chính thức mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác năm 2024; Kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị.

- Công tác quản lý, sử dụng lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty phù hợp với quy định của Nhà nước và Quy chế/Quy định của Tổng công ty. Tại Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện công tác định biên, sắp xếp sử dụng lao động tại Cơ quan Tổng công ty năm 2025 và đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBCNV tại các Ban/Phòng Tổng công ty. Đến cuối tháng 12/2025, số lao động toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 Công ty chi phối): 1.303 người, trong đó Công ty mẹ là 165 người (Bao gồm lao động ký hợp đồng giao khoán để làm việc tại các dự án do Tổng công ty trực tiếp thực hiện).

- Trong công tác thực hiện tiền lương: PETROCONS đã triển khai thực hiện vận dụng Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (Nghị định 44) và Thông tư số 003/2025/TT-BNV, ban hành Quy chế trả lương kèm theo Quyết định số 126/QĐ-XLDK ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Thu nhập bình quân (bao gồm Ban điều hành và người lao động) năm 2025 toàn tổ hợp là 16,67 triệu đồng/người/tháng, trong đó thu nhập bình quân của Công ty mẹ 22,54 triệu đồng/người/tháng.

- Trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, PETROCONS đã tổ chức triển khai các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí được Petrovietnam hỗ trợ. Năm 2025 toàn tổ hợp Tổng công ty ước thực hiện 1,524 tỷ đồng với 1.613 lượt người được đào tạo. Tại Công ty mẹ Tổng công ty ước thực hiện 730 triệu đồng với số lượt tham gia đào tạo là 197 học viên

5. Tình hình tài chính của PETROCONS.

Một số chỉ tiêu về bảng cân đối kế toán của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025.

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	**Cuối kỳ**	**Đầu kỳ**	**So sánh (%)**	**Diễn giải**	**Cuối kỳ**	**Đầu kỳ**	**So sánh (%)**
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.828,17	3.638,93	77,72%	**C- NỢ PHẢI TRẢ**	3.951,61	4.040,49	97,80%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	185,73	354,57	52,38%	I. Nợ ngắn hạn	3.790,58	3.874,35	97,84%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	189,75	154,51	122,81%	II. Nợ dài hạn	161,03	166,14	96,92%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn.	1.622,57	1.632,92	99,37%	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	296,70	286,17	103,68%
IV. Hàng tồn kho	771,65	1.383,60	55,77%				
V. Tài sản ngắn hạn khác	58,47	113,33	51,59%				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.420,15	687,74	206,50%				
TỔNG CỘNG	**4.248,31**	**4.326,67**	**98,19%**		**4.248,31**	**4.326,67**	**98,19%**

Các chỉ số tài chính tại ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	**Bố trí cơ cấu tài sản**			
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	33,43%	15,90%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	66,57%	84,10%
2	**Bố trí cơ cấu nguồn vốn**			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	93,02%	93,39%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	6,98%	6,61%
3	**Khả năng thanh toán**			
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,58
	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,75	0,94
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,002	0,00
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,01	0,01
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,04	0,01

- Các hệ số thanh toán của PETROCONS cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn nhất định về khả năng thanh khoản. Cụ thể, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán hiện hành đều ở mức thấp, phản ánh việc tài sản ngắn hạn (sau khi loại trừ hàng tồn kho) không đủ để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn.

- Tại thời điểm ngày 31/12/2025, hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của PETROCONS ở mức 0,93 cho thấy doanh nghiệp có mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính rất cao, với nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Điều này tiềm ẩn rủi ro về áp lực thanh toán và nghĩa vụ tài chính trong thời gian tới.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2025 đạt 0,54 lần, cho thấy khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản có tính thanh khoản cao của doanh nghiệp còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối dòng tiền trong ngắn hạn.

- Đối với các chỉ tiêu sinh lời, tỷ suất ROA và ROE năm 2025 không có biến động đáng kể so với năm 2024. Các chỉ tiêu này duy trì giá trị dương, phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS trong năm 2025 có lãi; tuy nhiên, mức sinh lời vẫn ở mức thấp, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu chưa cao.

- Qua kết quả phân tích, Ban Kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của PETROCONS tiềm ẩn rủi ro cao, đặc biệt về cơ cấu nguồn vốn và khả năng thanh toán. Tỷ lệ nợ phải trả ở mức cao cùng với các hệ số thanh toán thấp cho thấy doanh nghiệp đang chịu áp lực lớn về nghĩa vụ tài chính và cân đối dòng tiền. Mặc dù doanh nghiệp có lãi trong năm, hiệu quả sinh lời còn thấp. Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành khẩn trương triển khai các giải pháp tái cơ cấu tài chính, kiểm soát công nợ và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tài chính và duy trì khả năng hoạt động liên tục trong thời gian tới.

- Đối với khoản công nợ ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank, trong năm 2025, PETROCONS vẫn tiếp tục tìm kiếm giải pháp cũng như đôn đốc các đơn vị thành viên sử dụng các khoản vay uỷ thác như: PVNC, Khách sạn Lam Kinh, PVC-SG rà soát các nguồn tiền, tài sản cân đối nguồn vốn để trả nợ vay ủy thác cho Tập đoàn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có kết quả. Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2025 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONS phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONS sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONS còn phải trả Petrovietnam dự tính đến thời điểm 31/12/2025 là: 182,76 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn PETROCONS chưa thanh toán là 90,08 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc là 92,7 tỷ đồng.

- Trong năm 2025 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh. Đến hết năm 2025, PETROCONS còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONS đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng.

- PETROCONS hiện đang đứng tên bảo lãnh thanh toán cho PVC-TB với giá trị 111,8 tỷ đồng để cam kết và bảo đảm đối với các nghĩa vụ thanh toán của PVC-TB với PVEP theo quy định tại hợp đồng chuyển nhượng dự án Đầu tư xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình giữa PVEP và PVC-TB.

- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mẹ PETROCONS tại 31/12/2025 là 1.622,57 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng 876,94 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng thời điểm cuối năm 2025 đã giảm 1,3 tỷ so với đầu năm. Trong năm 2025, Tổng công ty đã xử lý thu hồi đến thời điểm báo cáo được tổng số tiền 5.588 tỷ đồng, cụ thể: TID (0,288 tỷ đồng); PVCN (2,716 tỷ đồng); PVC-ME (0,1 tỷ đồng); PVC-Đông Đô (0,731 tỷ đồng); Vinaconex 39 (1,753 tỷ đồng). Chi tiết một số khoản công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

+ Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 1.254,22 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 179,65 tỷ đồng, trong đó công nợ với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 là 781,61 tỷ đồng;

+ Trả trước cho người bán: 559 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 306 tỷ đồng;

+ Phải thu cho vay ngắn hạn: 356 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 269 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản phải thu các đơn vị về tiền cho vay ủy thác;

+ Phải thu khác: 329,5 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 122 tỷ đồng.

II. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

2.1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát.

+ Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 30/6/2021).

+ Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (miễn nhiệm kể từ ngày 29/05/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 28/05/2025).

+ Bà La Minh Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách (bổ nhiệm kể từ ngày 29/05/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 28/05/2025).

2.2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

- Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT/TGĐ để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD, tình hình đầu tư, thoái vốn và tái cơ cấu; tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT/TGĐ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo

nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 20/03/2025 và ngày 25/09/2025 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua. Ngoài ra, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, xử lý công việc thông qua các hình thức như email và điện thoại.

- Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 05 đơn vị: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải), Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PETROCONS-Đông Đô), Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu Khí (PVC-IC), Công ty CP Đường ống Bể chức Dầu khí (DOBC).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo hoạt động SXKD và các báo cáo có liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT/TGĐ PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã xem xét, thẩm định BCTC của Công ty mẹ, BCTC hợp nhất của toàn Tổng công ty hàng quý/năm, thẩm định quỹ tiền lương của Công ty mẹ năm 2025.

2.3. Về hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2025, các Thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty. Kết quả đánh giá hoàn thành chức trách nhiệm vụ năm 2025 cụ thể như sau:

2.3.1. Ông Hứa Xuân Nam -Trưởng Ban: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc:

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Phụ trách chung toàn bộ các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của PETROCONS, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS, có trách nhiệm ký các báo cáo định kỳ, đột xuất, theo yêu cầu gửi ĐHĐCĐ, Cổ đông lớn - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các công văn, văn bản gửi HĐQT, Ban TGĐ PETROCONS, Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác; Tham gia các cuộc họp của Tổng công ty PETROCONS và các đơn vị thành viên do Tổng công ty tổ chức; Chủ trì trong công tác lập kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông; lập kế hoạch kiểm tra theo định kỳ, đột xuất trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát PETROCONS.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Tổng công ty, giám sát việc sửa đổi phù hợp với quy định của Nhà nước; việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với Người lao động, Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD hàng năm đã được Tập đoàn giao/chấp thuận; kiểm tra hoạt động của Ban Kiểm soát các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; giám sát tình hình thực hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Ban Điều hành Dự án của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS); Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC- IC).

2.3.2. Ông Nguyễn Ngọc Cương - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: lập Báo cáo hoạt động năm, kế hoạch hoạt động hàng năm tiếp theo của Ban Kiểm soát, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty; Dự thảo lịch kiểm tra các đơn vị và biên bản kiểm tra các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra của Ban Kiểm soát; Tham gia các cuộc kiểm tra của Ban Kiểm soát đối với các đơn vị Ban Kiểm soát đến kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành tháng, quý, năm và xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các Đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi, tổng hợp số liệu và lập dự thảo báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: kiểm tra giám sát tình hình thực hiện quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2; Kiểm tra giám sát tình hình thu hồi, xử lý công nợ của Công ty mẹ và các Ban Điều hành các Dự án của Tổng công ty; kiểm tra giám sát tình tình quản lý và xử lý tài sản, thiết bị của Tổng Công ty; kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; xem xét chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính kế toán, nội dung cần thẩm định, để Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PETROCONS- Đông Đô); Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC- Thái Bình); Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải).

2.3.3. Bà La Minh Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Tham gia các cuộc kiểm tra của cơ quan cấp trên đến Ban Kiểm soát PETROCONS kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành, xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi. Soạn thảo nội dung văn bản về các vấn đề liên quan đến phần việc được phân công khi Trưởng Ban Kiểm soát yêu cầu gửi đến các cơ quan, đơn vị, Ban Điều hành liên quan đến nội dung công việc được phân công theo dõi.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp, việc thực hiện ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế nội bộ, kiểm tra giám sát việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; tổng hợp số liệu để dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm; Xem xét, chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính, nội dung cần thẩm định, làm các thủ tục để Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc trích lập dự phòng, hoàn nhập dự phòng của Công ty mẹ; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC - Bình Sơn); Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC- TH); Công ty CP Phát triển Đô Thị Dầu khí (PVC- Mekong).

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của cổ đông lớn là Petrovietnam: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định và thực tế kết quả SXKD của đơn vị.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao không chuyên trách: đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua. Các chi phí thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương/ thù lao năm 2025	Ghi chú
1	Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	479.487.637	
2	Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	50.000.000	
3	Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	15.000.000	Miễn nhiệm từ ngày 29/5/2025

3	La Minh Huệ	Thành viên chuyên trách	251.132.429	Bổ nhiệm ngày 29/5/2025
	Tổng cộng		**795.620.067**	

** Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là: 85.592.593 đồng.*

Chi phí hoạt động năm 2025: Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo các quy định của PETROCONS.

IV. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với sự có mặt đầy đủ của các Thành viên Ban Kiểm soát để thống nhất các kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong công tác giám sát, kiểm tra tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Ban Kiểm soát có 2 thành viên kiểm soát chuyên trách và 1 thành viên làm kiêm nhiệm, do vậy các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc trao đổi, đóng góp các ý kiến về công tác hoạt động của Ban Kiểm soát bằng các hình thức gọi điện thoại, gửi email để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của Ban Kiểm soát, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn…

Trong năm Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT/Ban TGĐ và có ý kiến, kiến nghị đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về một số nội dung liên quan đến việc thực hiện hợp đồng MDL của Ấn Độ và công tác thoái vốn của Tổng công ty tại PVC – Bình Sơn (Công văn số 20/CV-BKS ngày 14/8/2026; Biên bản họp số 26/BB-XLDK ngày 10/3/2026).

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	3/3	- Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2025
2	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO TỔNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.

- Trong năm 2025, Tổng công ty không có phát sinh giao dịch với Công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó.

- Trong năm 2025, Tổng công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY.

Công tác điều hành SXKD của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty trong năm 2025 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

6.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT/Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp giao ban, đột xuất hàng tháng, quý.

Hội đồng quản trị PETROCONS đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. HĐQT PETROCONS đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại Công ty mẹ và Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức SXKD theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PETROCONS đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết. HĐQT đã thực hiện vai trò chủ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường xuyên và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

HĐQT đã duy trì hình thức thông qua phiếu lấy ý kiến để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Điều lệ Tổng công ty. Trong năm 2025, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ đã lấy đầy đủ phiếu ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 33 Nghị quyết, 26 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONS. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 09/BC-XLDK ngày 15/01/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

HĐQT thực hiện việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc báo cáo công tác giám sát gửi đến cổ đông là Petrovietnam các báo cáo như báo cáo giám sát tài chính đặc biệt, báo cáo định kỳ kết quả SXKD.

6.2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức, Ban Tổng giám đốc PETROCONS đã quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng vai trò chức trách trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chế, quy định của pháp luật, Petrovietnam và Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONS. Và đã đảm bảo việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, còn một số đơn vị do không có nguồn công việc đã tồn tại kéo dài nhiều năm, nên còn nợ đọng tiền lương, BHXH.

VII. BÁO CÁO GIÁM SÁT SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGĐ và các cổ đông dựa trên nguyên tắc trung thực, khách quan, minh bạch vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu họp của HĐQT, Ban TGĐ do HĐQT, Ban TGĐ chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến liên quan đến nhận diện và cảnh báo rủi ro trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban TGĐ xem xét thực hiện đảm bảo lợi ích của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã hợp tác tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ: như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử cán bộ phối hợp với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban TGĐ Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban Kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của các đơn vị thành viên và thông báo cáo kết quả cho HĐQT/TGĐ.

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát quý, năm gửi cho cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam đồng thời gửi tới HĐQT và Ban TGĐ PETROCONS.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các đối tượng kiểm soát phù hợp với yêu cầu kiểm soát, giúp kết quả kiểm soát được đưa ra khách quan, phản ánh đúng bản chất hoạt động của Tổng công ty.

Đối với cổ đông khác: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành, thông tin báo cáo tới ĐHĐCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm 2025, không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về hoạt động kiểm soát bất thường cũng như về hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Đối với cổ đông lớn nhất là Tập đoàn, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng quý/năm và báo cáo đột xuất khi Tập đoàn yêu cầu. Ban Kiểm soát đã gửi đúng theo nội dung và thời hạn quy định.

VIII. CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO

8.1. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Về cơ bản, các báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động SXKD. Việc ghi chép, hạch toán, trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

8.2. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT.

HĐQT đã lập báo cáo hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Trong đó, báo cáo đã đánh giá cụ thể các mặt hoạt động của Tổng công ty trong năm 2025 từ công tác thực hiện định hướng chiến lược, tái cơ cấu doanh nghiệp, quản lý chi phí, quản trị doanh nghiệp, công tác đầu tư… HĐQT luôn giám sát, chỉ đạo và định hướng Tổng công ty thực hiện vấn đề quan trọng, cấp thiết có liên quan đến các định hướng về đầu tư, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức và sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ quản lý; sửa đổi, ban hành quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Tổng công ty năm 2025 phù hợp với thực tiễn; quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8.3. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban Tổng giám đốc. Trong đó Ban Tổng giám đốc đã báo cáo chi tiết về từng

hoạt động của hoạt động của Tổng công ty, công tác tái cơ cấu, công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm, đặc biệt tình hình quyết toán tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2… Báo cáo kết quả kinh doanh và công tác quản lý, điều hành năm 2025 của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trong báo cáo được phản ánh và ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.4. Một số kiến nghị đối với HĐQT/ Ban TGĐ PETROCONS về công tác Kiểm toán:

- Ban Kiểm soát Tổng công ty đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công PETROCONS có các giải pháp để chỉ đạo quyết liệt xử lý các vướng mắc tồn tại đã nêu trong báo cáo Kiểm toán năm 2025, về việc cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nhằm đảm bảo cho hoạt động ổn định và phát triển của Tổng công ty.

+ Về tình hình tài chính của Báo cáo Tài chính Riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 Lỗ lũy kế của Tổng công ty là 3.780.76 tỷ VND; nợ phải trả ngắn hạn là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 962,41 tỷ VND; các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND. Các yếu tố này cùng với nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC cũng đưa ra các ý kiến từ chối về số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1,… *(trích dẫn trong mục 1 phần Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của BC Kiểm toán độc lập Công ty Mẹ).*

+ Về tài chính của Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế của Tổng công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ,… (*(trích dẫn trong mục 1 phần Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của BC Kiểm toán độc lập Hợp nhất).*

+ Ban Kiểm soát Tổng công ty đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công PETROCONS có các giải pháp để chỉ đạo quyết liệt xử lý các vướng mắc tồn tại đã nêu trong báo cáo Kiểm toán năm 2025 nhằm đảm bảo cho hoạt động ổn định và phát triển của Tổng công ty.

+ Về công tác Kiểm kê Tài sản: Hàng năm Tổng công ty đã thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT/ Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các Phòng, Ban chuyên môn các Ban điều hành dự án thực hiện việc kiểm kê đúng các qui định của Pháp luật theo luật Kế toán; Luật số 88/2015/QH13 Ban hành ngày 20/11/2015 và các nghị định của Chính phủ đã Ban hành.

+ Về công tác thu hồi công nợ và quyết toán tại Ban ĐHDA Vũng Áng- Quảng Trạch, Ethanol, Polyester: cần phải có biện pháp quyết liệt về thu hồi các khoản nợ tạm ứng của các nhà thầu phụ và các công trình dự án khác.

+ Đối với công tác kế toán cần có các giải pháp và lường trước các tiềm ẩn rủi ro thua lỗ ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nêu tại thuyết minh số 2 mục 2.4 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2025.

+ Đối với công tác giải thể phá sản của một số đơn vị không còn khả năng phục hồi đề nghị HĐQT/Ban TGĐ thuê các đơn vị tư vấn để triển khai thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

+ Đối với các vụ khởi kiện của các nhà thầu như tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2 cần có giải pháp kịp thời để giảm thiểu rủi ro và thua lỗ.

+ Chỉ đạo người đại diện phần vốn tại các đơn vị con, đơn vị liên kết đầu tư tài chính báo cáo chính xác số liệu khi quyết toán các Hợp đồng kinh tế (lỗ/lãi) đảm bảo phản ánh trung thực về thực trạng tài chính của đơn vị, xử lý các vấn đề tồn tại đã được đơn vị kiểm toán hằng năm nêu tại mục ý kiến kiểm toán ngoại trừ (nếu có), đồng thời có các giải pháp thu hồi xử lý công nợ không để không xảy ra tranh chấp khởi kiện làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của đơn vị.

IX. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
I	**Nhiệm vụ thường xuyên**	
1.	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ đơn vị, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Chỉ đạo của Petrovietnam có liên quan đến hoạt động đơn vị của Người đại diện Petrovietnam tại đơn vị;	Thường xuyên
2.	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;	Thường xuyên

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.	Thường xuyên
4.	Phối hợp với Người đại diện phần vốn của Petrovietnam trong việc quản lý phần vốn của Petrovietnam tại đơn vị và phần vốn đơn vị đầu tư vào doanh nghiệp khác;	Thường xuyên
5.	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;	Thường xuyên
6.	Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt;	Thường xuyên
7.	Kiến nghị Hội đồng quản trị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của đơn vị;	Thường xuyên
8.	Thực hiện các công việc khác của Người đại diện của Petrovietnam làm công tác kiểm soát theo yêu cầu của Petrovietnam, của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành; đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;	Thường xuyên
II	**Nhiệm vụ định kỳ**	
1.	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS lập báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.	Quý IV/2025
2.	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và Tập đoàn các báo cáo: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2025 của Hội đồng quản trị đơn vị.	Quý I

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Hàng quý
4.	Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị khi xét thấy cần thiết.	Khi cần
5.	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Hàng quý
6.	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng/năm 2026.	Sau BCTC soát xét bán niên/cả năm
7.	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2026 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý II/2026
8.	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng quý
9.	Lập báo cáo giám sát hàng quý theo Quy định của Tập đoàn và các báo cáo khác theo yêu cầu.	Hàng quý/theo yêu cầu
10.	Lập Kế hoạch hoạt động năm 2026 trình HĐTV Petrovietnam thông qua	Trước 15/11 hàng năm
11.	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị	31/12/2026
III	**Công tác kiểm tra/giám sát chuyên đề, Dự án, Công ty con, Công ty liên kết (*).**	
3.1	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.2	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.3	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PETROCONS-Đông Đô) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.4	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu Khí (PVC-IC) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.5	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Đường ống Bể chức Dầu khí (DOBC) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.6	Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Quý III
3.7	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	Quý IV

Trên đây là tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS trong năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Ban Kiểm soát PETROCONS kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét/thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT PETROCONS;
- Ban TGĐ PETROCONS;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Hứa Xuân Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

Thực hiện theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bao gồm:

1- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2025.
- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025.

2- Phương án phân phối lợi nhuận Công ty Mẹ:

Đvt: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	**Tổng LNST chưa phân phối theo BCTC tại 31/12/2025**	**(3.780.756.777.533)**	
1	Năm trước để lại	(3.791.283.252.151)	
2	Năm 2025	10.526.474.618	
II	**Lợi nhuận sau thuế được phân phối**	**0**	
1	Chia cổ tức	0	
	- Bằng cổ phiếu		
	- Bằng tiền mặt		
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	0	
3	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ	0	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
4	Trích Quỹ thưởng Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	0	
III	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại**	**(3.780.756.777.533)**	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, BKS,HĐQT,TCKT.

(Đính kèm BCTC Công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Tổng công ty PETROCONS)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 48
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 310326.002/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.780,76 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.791,28 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 962,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.

2. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

5. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 911,58 tỷ VND và 861,84 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 04). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3363-2025-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.828.165.643.136**	**3.638.934.763.990**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**185.725.106.002**	**354.571.200.087**
111	1. Tiền		97.425.106.002	198.571.200.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		88.300.000.000	156.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**189.752.688.190**	**154.509.326.478**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.600.000.000	14.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		189.037.688.190	153.794.326.478
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.622.574.306.650**	**1.632.922.337.631**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.254.222.367.326	1.309.321.214.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	559.356.145.583	558.689.562.551
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	329.532.380.817	286.750.465.332
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(876.939.596.695)	(878.240.846.048)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		726.056.126	724.988.026
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**771.647.894.657**	**1.383.604.585.419**
141	1. Hàng tồn kho		771.647.894.657	1.395.015.419.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(11.410.834.208)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**58.465.647.637**	**113.327.314.375**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	337.369.949	217.796.265
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		36.776.863.875	91.752.277.880
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	21.351.413.813	21.357.240.230

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.420.147.720.795**	**687.737.485.893**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**22.893.210.988**	**22.893.210.988**
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	22.893.210.988	22.893.210.988
220	**II. Tài sản cố định**		**9.840.937.675**	**10.497.124.460**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.595.937.665	10.152.124.454
222	*- Nguyên giá*		*50.296.874.592*	*50.296.874.592*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(40.700.936.927)*	*(40.144.750.138)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	245.000.010	345.000.006
228	*- Nguyên giá*		*5.505.180.340*	*5.505.180.340*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(5.260.180.330)*	*(5.160.180.334)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**14**	**24.089.000.000**	**-**
231	- Nguyên giá		24.089.000.000	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**15**	**167.308.721.200**	**158.163.600.046**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		35.451.655.392	24.471.433.315
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		131.857.065.808	133.692.166.731
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**1.191.490.011.281**	**490.360.967.556**
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	1.384.909.968.398
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		735.449.467.055	735.449.467.055
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		170.595.000.000	191.595.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.809.149.544.172)	(1.821.593.467.897)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		709.685.120.000	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**4.525.839.651**	**5.822.582.843**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.525.839.651	5.822.582.843
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**4.248.313.363.931**	**4.326.672.249.883**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 (đã điều chỉnh) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.951.612.858.730**	**4.040.498.219.300**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**3.790.579.194.052**	**3.874.354.502.480**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.403.857.774.213	2.584.563.934.007
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	222.013.426.232	178.580.304.121
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.465.686.270	2.441.499.047
314	4. Phải trả người lao động		16.553.852.188	15.062.073.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	82.920.795.495	94.861.379.122
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	26.699.779.405	1.447.841.545
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	422.934.087.512	419.672.124.755
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	618.415.003.810	585.006.557.122
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
330	**II. Nợ dài hạn**		**161.033.664.678**	**166.143.716.820**
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	45.522.199.903	50.632.252.045
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	13.856.187	13.856.187
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**296.700.505.201**	**286.174.030.583**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**23**	**296.700.505.201**	**286.174.030.583**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.000.000.000.000*	*4.000.000.000.000*
415	2. Cổ phiếu quỹ		(29.710.000)	(29.710.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		76.986.992.734	76.986.992.734
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		500.000.000	500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.780.756.777.533)	(3.791.283.252.151)
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(3.791.283.252.151)*	*(3.795.404.143.311)*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*10.526.474.618*	*4.120.891.160*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**4.248.313.363.931**	**4.326.672.249.883**

Vũ Thị Châm	Vũ Minh Công	Trần Quốc Hoàn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25**	**1.003.018.521.687**	**530.359.037.999**
10	**2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.003.018.521.687**	**530.359.037.999**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	**26**	**978.823.709.215**	**541.859.855.843**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**24.194.812.472**	**(11.500.817.844)**
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	27	29.237.703.425	37.971.144.758
22	6. Chi phí tài chính	28	(1.428.963.692)	57.178.961.923
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*4.305.077.369*	*8.446.758.758*
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	49.780.912.313	5.153.920.247
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.080.567.276**	**(35.862.555.256)**
31	9. Thu nhập khác	30	8.376.349.381	40.714.076.908
32	10. Chi phí khác	31	2.930.442.039	730.630.492
40	**11. Lợi nhuận khác**		**5.445.907.342**	**39.983.446.416**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**10.526.474.618**	**4.120.891.160**
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	-	-
60	**14. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**10.526.474.618**	**4.120.891.160**

Vũ Thị Châm	**Vũ Minh Công**	**Trần Quốc Hoàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***10.526.474.618***	***4.120.891.160***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		656.186.785	1.093.546.962
03	- Các khoản dự phòng		(36.536.090.922)	(38.667.089.268)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		15.862.732	(4.275.931.351)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.054.550.347)	(9.233.574.666)
06	- Chi phí lãi vay		4.305.077.369	8.446.758.758
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***(28.087.039.765)***	***(38.515.398.405)***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		62.344.503.143	142.798.544.116
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		623.767.386.529	57.183.213.866
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(126.339.768.154)	(61.682.700.381)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.177.169.508	2.037.342.883
14	- Tiền lãi vay đã trả		(194.116.473)	(4.130.381.918)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.070.300.000	1.215.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.903.000.000)	(1.240.000.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***532.835.434.788***	***97.665.620.161***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(289.000.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.523.171.380
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(764.928.481.712)	(148.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	200.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.143.368.883	5.554.480.701
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(735.074.112.829)***	***60.077.652.081***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		71.524.989.291	56.675.477.205
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(38.116.542.603)	(114.604.984.769)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***33.408.446.688***	***(57.929.507.564)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(168.830.231.353)**	**99.813.764.678**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**354.571.200.087**	**250.481.504.058**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.862.732)	4.275.931.351
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**185.725.106.002**	**354.571.200.087**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Châm	**Vũ Minh Công**	**Trần Quốc Hoàn**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 4.000.000.000.000 VND, tương ứng 400.000.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 140 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Dự án đang trong giai đoạn cuối chuẩn bị quyết toán, trong năm Tổng Công ty đang gấp rút nghiệm thu các hạng mục lớn còn lại dẫn đến doanh thu, giá vốn xây lắp ghi nhận trong năm tăng mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm mạnh do việc hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư (chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn số tiền 32,54 tỷ VND). Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do trong năm không có nhiều khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ việc đánh giá lại khả năng thu hồi của các khoản công nợ như năm trước. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.780,76 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.791,28 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 962,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Hưng Yên	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch	Hà Tĩnh	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	Tp Hồ Chí Minh	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester	Hải Phòng	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy Etanol Phú Thọ	Phú Thọ	Quản lý dự án
Chi nhánh phía Bắc	Hà Nội	Xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các năm tài chính.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tổng Công ty và các công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí tiền thuê văn phòng trả trước được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trong hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố đồng thời báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.25 Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	438.382.223	409.150.412
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	96.986.723.779	198.162.049.675
Các khoản tương đương tiền (i)	88.300.000.000	156.000.000.000
	185.725.106.002	**354.571.200.087**

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 88.300.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 1,6% - 1,9%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	**189.037.688.190**	**-**	**153.794.326.478**	**-**
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	189.037.688.190	-	153.794.326.478	-
Đầu tư dài hạn	**709.685.120.000**	**-**	**-**	**-**
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	709.685.120.000	-	-	-
	898.722.808.190	**-**	**153.794.326.478**	**-**

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 189.037.688.190 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,4%/năm đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 22).

(ii) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng có giá trị 28.180.000 USD được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 0%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu	**14.600.000.000**	**(13.885.000.000)**	**14.600.000.000**	**(13.885.000.000)**
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
	14.600.000.000	**(13.885.000.000)**	**14.600.000.000**	**(13.885.000.000)**

c) **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Mã CK	31/12/2025 Giá gốc	31/12/2025 Dự phòng	31/12/2025 Tỷ lệ quyền biểu quyết	01/01/2025 Giá gốc	01/01/2025 Dự phòng (đã điều chỉnh)	01/01/2025 Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		**1.384.909.968.398**	**(952.843.865.314)**		**1.384.909.968.398**	**(968.363.346.731)**	
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình		325.000.000.000	(288.894.319.403)	72,22%	325.000.000.000	(260.599.596.984)	72,22%
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PXS	286.227.385.833	(239.527.139.667)	50,97%	286.227.385.833	(247.059.155.704)	50,97%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn		170.000.000.000	-	52,56%	170.000.000.000	(32.542.332.346)	52,56%
- Công ty CP Dầu khí Đông Đô	PFL	195.150.582.565	(115.104.393.458)	34,87%	195.150.582.565	(117.668.521.014)	34,87%
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	PXC	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	PXI	153.000.000.000	(83.146.170.407)	51,00%	153.000.000.000	(83.402.972.479)	51,00%
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PXT	102.000.000.000	(72.639.842.379)	51,00%	102.000.000.000	(73.558.768.204)	51,00%
Đầu tư vào công ty liên kết		**735.449.467.055**	**(706.316.495.237)**		**735.449.467.055**	**(703.240.937.545)**	
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		58.050.000.000	(29.475.256.810)	42,46%	58.050.000.000	(26.632.401.788)	42,46%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	PVA	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)		57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%	57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (i)		200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)		107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%	107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí (i)	PID	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC (i)		3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%	3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		3.500.000.000	(2.941.771.372)	35,00%	3.500.000.000	(2.709.068.702)	35,00%
Các khoản đầu tư khác		**170.595.000.000**	**(149.989.183.621)**		**191.595.000.000**	**(149.989.183.621)**	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long		147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)		2.500.000.000	(1.200.936.821)	1,67% (*)	23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam		12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (i)		3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (i)		2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)		2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
		2.290.954.435.453	**(1.809.149.544.172)**		**2.311.954.435.453**	**(1.821.593.467.897)**	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con:

Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí với giá trị là 153,5 tỷ VND căn cứ vào Báo cáo tài chính quý II năm 2024 tự lập của công ty này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác:

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính trên dựa theo các căn cứ sau:

Đơn vị	Căn cứ trích lập dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Các khoản đầu tư đã thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán		***148.000.000.000***	***(148.000.000.000)***
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	BCTC năm 2025 đã kiểm toán	75.600.000.000	(75.600.000.000)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	BCTC năm 2025 đã kiểm toán	72.400.000.000	(72.400.000.000)
Các khoản đầu tư chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán		***758.044.467.055***	***(708.305.678.858)***
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	BCTC tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán	58.050.000.000	(29.475.256.810)
- Công ty CP Xi măng Hạ Long	BCTC tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán	147.300.000.000	(147.300.000.000)
- Các đơn vị còn lại (i)	BCTC gần nhất thu thập được (i)	552.694.467.055	(531.530.422.048)

(i) Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của các công ty này.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") tại 01/01/2025 là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và

- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;

- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 27/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27/06/2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Ngày 24/09/2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-XLDK về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc và ghi tăng tài sản đối với thửa đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ. Do đó, tại ngày 31/12/2025, giá trị khoản vốn góp của Tổng Công ty tại PVC - Kinh Bắc còn lại 2.500.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 1,67%.

Ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLDK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m² đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ). Theo đó, Khu đất có diện tích 3.400 m² được đưa ra đấu giá công khai với mức khởi điểm 210.633.400.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	46,51%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô (ii)	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

(ii) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	35,83%	35,83%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	42,46%	42,46%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	35,01%	43,16%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	22,64%	22,64%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	49,98%	49,98%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	44,00%	44,00%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (iii)	Hà Nội	97,22%	35,00%	Truyền thông và thương mại

(iii) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro - link) tại ngày 31/12/2025 là 97,22% tuy nhiên tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35%, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định và trình bày khoản đầu tư vào Petro - link là đầu tư vào công ty liên kết.

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	1,67%	1,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng...
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Ninh Bình	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	781.609.059.847	-	876.699.599.102	-
Viện Dầu khí Việt Nam	30.336.867.228	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	(91.469.710.445)	91.469.710.445	(91.469.710.445)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.936.985.990)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Phải thu khách hàng khác	313.745.919.082	(63.493.837.848)	262.552.394.246	(63.315.711.317)
	1.254.222.367.326	**(179.648.065.331)**	**1.309.321.214.277**	**(178.863.821.617)**

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Các đối tượng khác	337.104.347.066	(179.410.144.085)	336.437.764.034	(179.410.144.085)
	559.356.145.583	**(306.131.220.498)**	**558.689.562.551**	**(306.131.220.498)**

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	**(269.172.594.052)**	**-**	**-**	**355.676.953.493**	**(269.172.594.052)**

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
	Phải thu về lãi tiền gửi	3.592.621.041	-	2.752.845.587	-
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	8.844.483.067	(8.844.483.067)
	Phải thu về tạm ứng	7.186.900.362	(980.806.391)	9.318.700.625	(980.806.391)
	Ký cược, ký quỹ	44.409.275.926	-	409.275.926	-
	Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	115.369.622.286	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
	Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
	Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
	Phải thu khác	104.562.781.057	(44.193.503.233)	108.251.121.459	(44.185.503.233)
		329.532.380.817	**(121.987.716.814)**	**286.750.465.332**	**(124.073.209.881)**
b)	**Dài hạn**				
	Ký cược, ký quỹ	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-
		22.893.210.988	**-**	**22.893.210.988**	**-**

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 34).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 16). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
a)	**Phải thu của khách hàng**	**218.944.109.303**	**39.296.043.972**	**213.958.742.267**	**35.094.920.650**
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	-	91.469.710.445	-
	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.873.655.778	22.872.086.778	23.091.722.361	23.091.722.361
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	30.380.282.717	6.443.296.727	25.401.643.107	2.070.774.300
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	19.243.197.464	-	19.243.197.464	-
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
	Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
	Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	97.326.195	-	97.326.195	-
	Các đối tượng khác	36.307.717.654	9.980.660.467	36.082.923.645	9.932.423.989
b)	**Trả trước cho người bán**	**340.933.569.626**	**34.802.349.128**	**340.933.569.626**	**34.802.349.128**
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	24.570.776.980	6.714.619.343	24.570.776.980	6.714.619.343
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	-	11.263.563.283	-
	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
	Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
	Các đối tượng khác	31.415.100.604	5.219.940.661	31.415.100.604	5.219.940.661

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
c)	**Phải thu về cho vay**	**355.676.953.493**	**86.504.359.441**	**355.676.953.493**	**86.504.359.441**
	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
	Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d)	**Phải thu khác ngắn hạn**	**128.203.054.522**	**6.215.337.708**	**130.288.547.589**	**6.215.337.708**
	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
	Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
	Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
	Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	7.170.266.109	-	7.170.266.109	-
	Các đối tượng khác	25.060.131.811	1.473.269.973	27.145.624.878	1.473.269.973
		1.043.757.686.944	**166.818.090.249**	**1.040.857.812.975**	**162.616.966.927**

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	494.430.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	768.994.175.524	-	1.379.564.112.312	-
Hàng hoá	333.945.000	-	13.194.263.182	(11.410.834.208)
	771.647.894.657	**-**	**1.395.015.419.627**	**(11.410.834.208)**

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	507.653.589.970	1.110.252.563.799
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	234.057.721.353	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ii)	12.889.703.081	12.889.703.081
Các công trình khác	14.393.161.120	11.363.976.964
	768.994.175.524	**1.379.564.112.312**

(i) Các công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1
- Địa điểm xây dựng: Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ)
- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết hợp đồng 2348/HĐ-DKVN ngày 10/04/2015 EPC với Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên;
- Tổng Công ty là nhà thầu phụ cho Tổng thầu theo Hợp đồng số C15/SH1-LLM-PVC gói thầu thi công các hạng mục xây dựng;
- Tổng giá trị hợp đồng: 2.555.445.781.034 VND (sau thuế);
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Thời gian bắt đầu năm 2016, thời gian kết thúc dự kiến 2018;
- Đến nay dự án đã hoàn thành và đang chờ quyết toán.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	337.369.949	217.796.265
	337.369.949	**217.796.265**
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng (i)	4.167.358.945	5.472.381.608
Chi phí trả trước dài hạn khác	358.480.706	350.201.235
	4.525.839.651	**5.822.582.843**

(i) Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng toà nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08/01/2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.833.001.007	4.544.455.037	18.608.996.556	10.310.421.992	50.296.874.592
Số dư cuối năm	**16.833.001.007**	**4.544.455.037**	**18.608.996.556**	**10.310.421.992**	**50.296.874.592**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	6.753.336.146	4.544.455.037	18.608.996.556	10.237.962.399	40.144.750.138
Khấu hao trong năm	490.435.140	-	-	65.751.649	556.186.789
Số dư cuối năm	**7.243.771.286**	**4.544.455.037**	**18.608.996.556**	**10.303.714.048**	**40.700.936.927**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.079.664.861	-	-	72.459.593	10.152.124.454
Tại ngày cuối năm	**9.589.229.721**	**-**	**-**	**6.707.944**	**9.595.937.665**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 36.663.397.840 VND (tại ngày 01/01/2025 là 36.365.997.840 VND)

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.505.180.340	5.505.180.340
Số dư cuối năm	**5.505.180.340**	**5.505.180.340**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư đầu năm	5.160.180.334	5.160.180.334
Khấu hao trong năm	99.999.996	99.999.996
Số dư cuối năm	**5.260.180.330**	**5.260.180.330**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	345.000.006	345.000.006
Tại ngày cuối năm	**245.000.010**	**245.000.010**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 5.005.180.340 VND (tại ngày 01/01/2025 là 5.005.180.340 VND).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ có nguyên giá là 24.089.000.000 VND, được thu hồi theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương (xem thuyết minh 04 mục c). Bất động sản này đang được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
a)	**Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**				
	- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
	- Dự án Nhà máy Xơ sợi	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
	- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	12.180.083.636	12.180.083.636	800.000.000
	- Các công trình khác	6.929.963.962	1.218.354.603	7.329.825.521	1.618.216.162
		70.651.193.356	**35.451.655.392**	**71.051.054.915**	**24.471.433.315**

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh

Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang	-	1.835.100.923
	131.857.065.808	**133.692.166.731**

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng Công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty DL E&C Co., Ltd (i)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	232.379.768.460	232.379.768.460	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	56.105.934.602	56.105.934.602	70.514.325.748	70.514.325.748
Tập đoàn Sojitz	-	-	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	153.320.580.538	153.320.580.538	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	57.444.675.794	57.444.675.794	57.624.311.377	57.624.311.377
Các đối tượng khác	683.137.607.250	683.137.607.250	749.307.204.080	749.307.204.080
	2.403.857.774.213	**2.403.857.774.213**	**2.584.563.934.007**	**2.584.563.934.007**

(i) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phản tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tố tụng số 1 ("PO No.1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Theo PO No.1, ngày 03/02/2025, Tổng Công ty đã đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách các vấn đề cần tham vấn ý kiến chuyên gia; và ngày 24/02/2025 đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách nhân chứng vụ việc và nhân chứng chuyên gia, Tổng Công ty đã lựa chọn 10 nhân chứng, 02 chuyên gia người Việt về vấn đề Pháp luật Việt Nam về Xây dựng áp dụng đối với Hợp đồng EPS và 01 chuyên gia nước ngoài Bà Frances Hale của Công ty Diales về Hệ thống thải xỉ.

Ngày 19/09/2025, các bên đã hoàn tất việc nộp bản Lời khai người làm chứng cho Hội đồng trọng tài, Tổng Công ty đã lựa chọn nộp bản lời khai cho 5 nhân chứng trong số Danh sách 10 nhân chứng đã đăng ký.

Ngày 27/11/2025, hai bên đã hoàn tất việc nộp Báo cáo chuyên gia cho Hội đồng trọng tài.

Ngày 26/01/2026, hoàn thành Bước 19 nộp Bản phản hồi Lời khai người làm chứng. Tiếp tục chuẩn bị Bước 20 nộp Báo cáo chuyên gia chung về các vấn đề đã thống nhất vào ngày 28/04/2026 - theo tiến độ lịch biểu tố tụng đã được Hội đồng trọng tài sửa đổi (tại thư số 4852/VIAC ngày 08/12/2025).

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Công ty DL E&C Co., Ltd và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	51.669.863.207	63.770.025.034
Ban quản lý Điện lực Dầu khí Long Phú 1	49.155.268.371	-
Các đối tượng khác	38.409.818.755	32.031.803.188
	222.013.426.232	**178.580.304.121**

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	161.641.578	7.414.039.430	4.728.595.961	26.600.011	2.847.085.047
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	-	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	-	21.256.556.285	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.045.511	1.251.202.808	1.506.450.345	1.473.091.676	48.219.094	1.281.735.060
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.028.654.661	1.173.499.552	1.865.288.050	-	336.866.163
Các loại thuế khác	3.000.000	-	7.407.771.538	7.404.771.538	-	-
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	783.720	-	334.266.271	334.266.271	783.720	-
	21.357.240.230	**2.441.499.047**	**17.836.027.136**	**15.806.013.496**	**21.351.413.813**	**4.465.686.270**

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	80.065.579.568	89.852.094.281
Chi phí phải trả khác	2.855.215.927	5.009.284.841
	82.920.795.495	**94.861.379.122**
b) Dài hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	115.497.608.588	115.497.608.588
	115.497.608.588	**115.497.608.588**

20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.447.841.545	1.447.841.545
Doanh thu chưa thực hiện về phí ủy thác nhập khẩu	25.251.937.860	-
	26.699.779.405	**1.447.841.545**
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	45.522.199.903	50.632.252.045
	45.522.199.903	**50.632.252.045**

(i) Trong đó bao gồm: 39.334.078.836 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.392 VND. Trong năm, Công ty đã phân bổ thêm 3.662.210.590 VND tiền thuê đất từ tháng 12 năm 2014 đến ngày có Quyết định thu hồi đất số 2668/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tổng Công ty sẽ làm việc lại với khác hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

21 PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Kinh phí công đoàn	1.924.844.809	1.779.814.942
	Bảo hiểm xã hội	4.140.969	50.959.975
	Bảo hiểm y tế	81.992.087	93.089.851
	Bảo hiểm thất nghiệp	6.051.893	17.551.681
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.705.600	3.000.000
	Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (ii)	182.761.658.990	172.784.334.551
	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
	Phải trả khác	46.105.449.162	52.902.129.753
		422.934.087.512	**419.672.124.755**
b)	**Dài hạn**		
	Nhận ký quỹ, ký cược	13.856.187	13.856.187
		13.856.187	**13.856.187**

(i) Tại ngày 31/12/2025, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 34.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 22. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Trong đó bao gồm 42,22 tỷ VND là khoản phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam số tiền đã hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

22 VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (i)	9.336.400.000	9.336.400.000	71.524.989.291	38.116.542.603	42.744.846.688	42.744.846.688
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	585.006.557.122	**585.006.557.122**	**71.524.989.291**	**38.116.542.603**	**618.415.003.810**	**618.415.003.810**
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	575.670.157.122	**575.670.157.122**	**-**	**-**	**575.670.157.122**	**575.670.157.122**
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(575.670.157.122)	(575.670.157.122)			(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**-**	**-**			**-**	**-**

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	VND	7,60%	180 ngày	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp (*)	42.744.846.688	9.336.400.000
						42.744.846.688	**9.336.400.000**

(*) Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số 4) và Lô đất tại xã Tam Đảo (xem thuyết minh số 14)

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại							
- *Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010*	*VND*	*4,90%*	*31/12/2017*	*Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh*	*Tín chấp*	*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
- *Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011*	*VND*	*4,90%*	*31/12/2017*	*Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình*	*Tín chấp*	*65.000.000.000*	*65.000.000.000*
- *Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011*	*VND*	*5,50%*	*31/12/2017*	*Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng*	*Tín chấp*	*310.670.157.122*	*310.670.157.122*
						575.670.157.122	**575.670.157.122**
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						-	-

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	575.670.157.122	182.761.658.990	575.670.157.122	172.784.334.551
	575.670.157.122	**182.761.658.990**	**575.670.157.122**	**172.784.334.551**

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	**4.000.000.000.000**	**(29.710.000)**	**76.986.992.734**	**500.000.000**	**(3.795.404.143.311)**	**282.053.139.423**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.120.891.160	4.120.891.160
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	**4.000.000.000.000**	**(29.710.000)**	**76.986.992.734**	**500.000.000**	**(3.791.283.252.151)**	**286.174.030.583**
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	**4.000.000.000.000**	**(29.710.000)**	**76.986.992.734**	**500.000.000**	**(3.791.283.252.151)**	**286.174.030.583**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	10.526.474.618	10.526.474.618
Số dư cuối năm nay	**4.000.000.000.000**	**(29.710.000)**	**76.986.992.734**	**500.000.000**	**(3.780.756.777.533)**	**296.700.505.201**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
	4.000.000.000.000	**100%**	**4.000.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*400.000.000*	*400.000.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	*2.971*	*2.971*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	*399.997.029*	*399.997.029*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000
	77.486.992.734	**77.486.992.734**

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	5.462,07	7.364.593,80

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.716.217.233	9.716.217.233

25 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	933.495.901.366	519.557.804.974
Doanh thu bán hàng	1.617.963.590	8.232.929.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.904.656.731	2.568.303.537
	1.003.018.521.687	**530.359.037.999**

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	935.641.246.315	523.564.760.540
Giá vốn bán hàng	12.920.981.926	18.514.579.798
Giá vốn cung cấp dịch vụ	53.052.398.818	3.566.307.420
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.790.917.844)	(3.785.791.915)
	978.823.709.215	**541.859.855.843**

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.889.651.270	7.347.104.836
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.348.052.155	25.951.349.511
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.275.931.351
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	396.759.060
	29.237.703.425	**37.971.144.758**

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	4.305.077.369	8.446.758.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.387.095.231	30.847.078.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	15.862.732	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(12.443.923.725)	12.763.588.422
Chi phí tài chính khác	4.306.924.701	5.121.536.246
	(1.428.963.692)	**57.178.961.923**

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	38.778.235.718	35.656.493.265
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	367.867.926	399.887.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.885.897	468.304.960
Thuế, phí và lệ phí	762.092.682	839.429.797
Hoàn nhập dự phòng	(1.301.249.353)	(47.644.885.775)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.045.224.584	9.967.002.762
Chi phí khác bằng tiền	3.930.854.859	5.467.687.610
	49.780.912.313	**5.153.920.247**

30 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.886.469.830
Tiền phạt thu được	670.209.634	446.109.187
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	7.700.000.000	38.380.782.970
Thu nhập khác	6.139.747	714.921
	8.376.349.381	**40.714.076.908**

31 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	134.023.036	256.001.943
Các khoản bị phạt	910.218.727	-
Tổn thất do đầu tư bất thành Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp Tiền Giang - 920 ha	1.835.100.923	-
Các khoản khác	51.099.353	474.628.549
	2.930.442.039	**730.630.492**

32 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.526.474.618	4.120.891.160
Các khoản điều chỉnh tăng	3.337.304.080	501.735.485
- Chi phí không được trừ	*3.337.304.080*	*501.735.485*
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.863.778.698	4.622.626.645
Chuyển lỗ các năm trước	(13.863.778.698)	(4.622.626.645)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**(21.256.556.285)**	**(21.256.556.285)**

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.541.885	6.180.455.070
Chi phí nhân công	51.335.413.530	48.945.852.069
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	404.684.281	305.823.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	656.186.785	1.093.546.962
Thuế, phí và lệ phí	1.299.881.369	1.771.138.090
Chi phí dự phòng	(1.301.249.353)	(47.644.885.775)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	366.901.210.168	475.358.837.334
Chi phí khác bằng tiền	8.136.090.434	6.593.764.161
	427.504.759.099	**492.604.531.284**

34 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	**155.046.350.336**	**137.942.779.491**

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31/12/2025:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND;
- Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31/12/2025 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn (nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 31/12/2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, ngoài vụ kiện được nêu tại thuyết minh số 16, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

35 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2
Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang tiến hành rà soát khối lượng và các công việc đã thực hiện với Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 cũng như các nhà thầu phụ để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1
Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp

đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

36 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLDK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m² đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) đã được công bố tại thuyết minh số 04 mục c, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

37 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng quản trị		**2.284.460.076**	**2.207.775.913**
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	573.551.443	545.647.303
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	247.440.000	244.285.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	500.481.311	479.906.106
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	479.537.200	466.008.070
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	483.450.122	471.929.434
Ban Tổng Giám đốc		**2.111.886.132**	**2.014.722.793**
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	572.557.253	449.814.957
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	-	109.537.217
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	521.417.825	507.748.575
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	524.770.280	464.890.490
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	493.140.774	482.731.554

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban Kiểm soát		**686.187.065**	**506.218.999**
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	454.099.420	441.418.999
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	172.687.645	-
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	16.200.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	43.200.000	32.400.000

38 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm đi 49.774.182.005 VND. Từ đó, Tổng Công ty xác định cần điều chỉnh lại khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn từ các năm trước. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán riêng				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.796.242.246.766)	(1.821.593.467.897)	(25.351.221.131)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(3.770.052.922.180)	(3.795.404.143.311)	(25.351.221.131)

Vũ Thị Châm	**Vũ Minh Công**	**Trần Quốc Hoàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 65
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 65

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 310326.003/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.

2. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhận sau thuế TNDN trong kỳ 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.

6. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 175,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 196,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.

8. Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty này tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 với tổng số tiền lần lượt là 33,647 tỷ VND và 31,148 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

9. Tại ngày 31/12/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.

10. Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,40 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 22,49 tỷ VND. Các khoản nợ phải thu chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2025 là 64,19 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

11. Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải trả cổ tức năm 2011 số tiền là 25 tỷ VND (xem thuyết minh 22). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này. Chúng tôi chưa thể đánh giá nghĩa vụ của Công ty về khoản Cổ tức này.

12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 922,11 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 987 triệu VND và 987 triệu VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 146,47 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

13. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ-Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án. Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND.

14. Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.

15. Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND.

16. Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 18,64 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,82 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 130,49 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.952.010.638.494**	**4.611.664.998.814**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**216.258.196.695**	**433.474.223.994**
111	1. Tiền		120.610.628.129	255.791.531.076
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.647.568.566	177.682.692.918
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**299.737.148.504**	**254.505.326.478**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		298.722.148.504	253.490.326.478
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.049.438.289.435**	**1.957.524.578.173**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.653.714.479.152	1.663.260.397.192
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	614.457.863.572	570.160.345.945
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	485.010.604.849	419.600.886.765
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.060.263.012.651)	(1.052.014.338.142)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		841.401.020	840.332.920
140	**IV. Hàng tồn kho**	10	**1.296.303.009.831**	**1.817.989.197.656**
141	1. Hàng tồn kho		1.435.183.096.598	1.937.818.905.304
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(138.880.086.767)	(119.829.707.648)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**90.273.994.029**	**148.171.672.513**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.255.522.428	3.443.165.122
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		54.417.778.958	110.091.427.591
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	34.600.692.643	34.637.079.800

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.141.944.580.633**	**1.509.221.766.538**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**27.266.262.226**	**28.744.401.590**
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	9.262.236.011
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	27.266.262.226	28.567.933.637
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(9.085.768.058)
220	**II. Tài sản cố định**		**983.292.048.099**	**1.019.336.731.121**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	731.994.415.442	767.327.869.072
222	*- Nguyên giá*		*1.618.057.605.919*	*1.626.973.749.975*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(886.063.190.477)*	*(859.645.880.903)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	251.297.632.657	252.008.862.049
228	*- Nguyên giá*		*269.672.024.444*	*274.650.242.344*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(18.374.391.787)*	*(22.641.380.295)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**14**	**106.690.395.945**	**85.507.988.185**
231	- Nguyên giá		135.326.253.059	111.067.844.188
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(28.635.857.114)	(25.559.856.003)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**15**	**145.993.608.656**	**138.515.570.946**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		36.044.435.616	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		109.949.173.040	113.451.357.407
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**764.510.074.315**	**78.900.512.009**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		29.132.971.817	32.208.529.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		185.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(159.621.017.502)	(159.621.017.502)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		709.685.120.000	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**114.192.191.392**	**158.216.562.687**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	88.065.323.809	100.284.708.167
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	13.229.667.583	18.801.350.080
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	12.897.200.000	39.130.504.440
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**6.093.955.219.127**	**6.120.886.765.352**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.613.950.796.674**	**5.641.651.070.373**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**5.438.381.719.533**	**5.437.620.269.856**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.086.872.810.043	3.267.033.909.932
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	263.139.941.973	232.242.459.037
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	101.123.640.350	125.235.476.617
314	4. Phải trả người lao động		74.364.954.892	48.701.521.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	570.970.124.293	453.154.875.592
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	3.194.386.718	6.249.109.721
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	600.945.371.006	614.469.088.864
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	736.114.733.940	694.791.647.252
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	5.911.574.700	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.255.818.382)	(4.257.818.382)
330	**II. Nợ dài hạn**		**175.569.077.141**	**204.030.800.517**
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	45.522.199.903	50.831.503.317
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	2.549.268.650	2.923.199.868
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	12.000.000.000	24.000.000.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	-	10.778.488.744
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**480.004.422.453**	**479.235.694.979**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**25**	**480.004.422.453**	**479.235.694.979**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.000.000.000.000*	*4.000.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	233.648.426
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.035.975.171.212)	(4.023.784.000.841)
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(4.023.784.000.841)*	*(4.031.153.886.036)*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*(12.191.170.371)*	*7.369.885.195*
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		335.403.297.727	322.443.399.882
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**6.093.955.219.127**	**6.120.886.765.352**

Nguyễn Thị Thu Anh	Vũ Minh Công	Trần Quốc Hoàn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**27**	**2.208.452.774.951**	**1.213.006.106.954**
10	**2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.208.452.774.951**	**1.213.006.106.954**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	**28**	**2.078.099.951.608**	**1.161.337.416.194**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**130.352.823.343**	**51.668.690.760**
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	29	43.660.493.111	42.871.334.402
22	6. Chi phí tài chính	30	41.424.853.892	63.779.127.190
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*33.514.834.197*	*36.198.593.108*
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(3.075.557.694)	(904.837.501)
25	8. Chi phí bán hàng		5.171.808.651	2.074.093.980
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	129.696.811.377	74.129.955.136
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(5.355.715.160)**	**(46.347.988.645)**
31	11. Thu nhập khác	32	21.905.976.755	62.899.113.840
32	12. Chi phí khác	33	9.036.492.994	11.743.521.972
40	**13. Lợi nhuận khác**		**12.869.483.761**	**51.155.591.868**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**7.513.768.601**	**4.807.603.223**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	1.173.358.630	2.077.618.123
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	5.571.682.497	116.962.081
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**768.727.474**	**2.613.023.019**
61	**18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**(12.191.170.371)**	**7.369.885.195**
62	**19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**12.959.897.845**	**(4.756.862.176)**
70	**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**36**	**(30)**	**18**

Nguyễn Thị Thu Anh	**Vũ Minh Công**	**Trần Quốc Hoàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***7.513.768.601***	***4.807.603.223***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		40.289.235.931	39.785.216.032
03	- Các khoản dự phòng		1.966.287.890	(100.588.459.527)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.193.998.381	(4.169.787.846)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.128.822.038)	(15.713.639.682)
06	- Chi phí lãi vay		33.514.834.197	36.198.593.108
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***73.349.302.962***	***(39.680.474.692)***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.964.302.956)	126.676.626.746
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		505.144.670.265	125.374.406.428
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(84.432.666.859)	(69.001.830.745)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.407.027.052	10.032.760.183
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.324.948.598)	(1.064.453.316)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.954.648)	(497.536.232)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.072.300.000	1.215.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.903.000.000)	(1.244.200.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***495.310.427.218***	***151.810.298.372***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.068.877.225)	(74.871.289.249)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.044.118.636	16.703.561.704
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(861.496.942.026)	(248.251.366.478)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		106.580.000.000	304.873.589.041
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.110.205.683	12.160.940.711
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(741.831.494.932)***	***10.615.435.729***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		95.755.285.291	100.137.532.071
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(66.432.198.603)	(148.788.933.736)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***29.323.086.688***	***(48.651.401.665)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(217.197.981.026)**	**113.774.332.436**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**433.474.223.994**	**315.530.103.712**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.046.273)	4.169.787.846
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**216.258.196.695**	**433.474.223.994**

Nguyễn Thị Thu Anh	**Vũ Minh Công**	**Trần Quốc Hoàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, tương ứng 400.000.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 140 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Doanh thu năm nay tăng mạnh trên các loại hình, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng tăng do trong năm Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) đã thực hiện cung cấp vật liệu xây dựng như thép, màng chống thấm, xi măng cho các dự án của Công ty CP GeoVietnam (ghi nhận 95,88 tỷ VND);
- Doanh thu từ hoạt động xây lắp tăng mạnh do Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang trong giai đoạn cuối chuẩn bị quyết toán, trong năm Tổng Công ty đang gấp rút nghiệm thu các hạng mục lớn còn lại với chủ đầu tư. Cùng với đó, tại Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) doanh thu hoạt động xây lắp cũng ghi nhận tăng trưởng mạnh do thực hiện nhiều hạng mục lớn tại các Dự án Lô B - Ô Môn, Lạc Đà Vàng, ONGC WPAPP - DSF-II - Ấn Độ.
- Doanh thu dịch vụ tăng do Công ty mẹ ghi nhận khoản doanh thu về tiền điện chạy thử tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Hưng Yên	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	TP HCM	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	TP HCM	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	TP HCM	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, riêng Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) được hợp nhất theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".
Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuận đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuận.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 38 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.16 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

2.17 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.
Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.26 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	4.021.433.244	5.238.205.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.589.194.885	250.553.325.788
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	*1.743.027.762*	*13.978.111.303*
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	*461.414.901*	*2.254.370.501*
- Các ngân hàng khác	*114.384.752.222*	*234.320.843.984*
Các khoản tương đương tiền (i)	95.647.568.566	177.682.692.918
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	*4.200.000.000*
- Các ngân hàng khác	*95.647.568.566*	*173.482.692.918*
	216.258.196.695	**433.474.223.994**
Trong đó số dư với các bên liên quan		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.743.027.762	18.178.111.303
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	*1.743.027.762*	*13.978.111.303*
- Các khoản tương đương tiền	-	*4.200.000.000*

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 95.647.568.566 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,1%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	298.722.148.504	-	253.490.326.478	-
- *Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam*	*40.800.000.000*	-	*35.780.000.000*	-
- *Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại*	*45.316.000.000*	-	*45.316.000.000*	-
- *Các ngân hàng khác*	*212.606.148.504*	-	*172.394.326.478*	-
	298.722.148.504	**-**	**253.490.326.478**	**-**
Đầu tư dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	709.685.120.000	-	-	-
	709.685.120.000	**-**	**-**	**-**
Trong đó số dư với các bên liên quan				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	40.800.000.000	-	35.780.000.000	-

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 298.722.148.504 VND được gửi tại tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9 %/năm đến 6,12 %/năm.

Trong đó:
- Các khoản tiền có giá trị 189.037.688.190 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 24);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

(ii) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng có giá trị 28.180.000 USD được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 0%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	**14.900.000.000**	**(13.885.000.000)**	**14.900.000.000**	**(13.885.000.000)**
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
Các khoản khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	14.900.000.000	**(13.885.000.000)**	**14.900.000.000**	**(13.885.000.000)**

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2025			01/01/2025		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			%	%	VND	%	%	VND
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00	44,00	-	44,00	44,00	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98	49,98	-	49,98	49,98	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64	22,64	-	22,64	22,64	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72	24,72	-	24,72	24,72	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46	42,46	28.574.743.188	42,46	42,46	31.417.598.211
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22	35,00	558.228.629	97,22	35,00	790.931.300
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83	35,83	-	35,83	35,83	-
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00	40,00	-	40,00	40,00	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00	36,00	-	36,00	36,00	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01	43,16	-	35,01	43,16	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27	48,27	-	48,27	48,27	-
					29.132.971.817			**32.208.529.511**

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31/12/2025 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 42.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND		VND	VND	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	2.500.000.000	(1.200.936.821)	1,67% (*)	23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000	(5.400.000.000)	7,25%	5.400.000.000	(5.400.000.000)	7,25%
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000	(4.231.833.881)		9.318.000.000	(4.231.833.881)	
	185.313.000.000	**(159.621.017.502)**		**206.313.000.000**	**(159.621.017.502)**	

(ii) Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 185,31 tỷ VND và khoảng 159,62 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: khoảng là 206,31 tỷ VND và khoảng 159,62 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 và năm 2024 được kiểm toán của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") tại 01/01/2025 là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và

- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m^2 đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;

- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 27/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m^2 đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27/06/2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Ngày 24/09/2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-XLDK về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc và ghi tăng tài sản đối với thửa đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ. Do đó, tại ngày 31/12/2025, giá trị khoản vốn góp của Tổng Công ty tại PVC - Kinh Bắc còn lại 2.500.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 1,67%.

Ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLDK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m2 đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ). Theo đó, Khu đất có diện tích 3.400 m^2 được đưa ra đấu giá công khai với mức khởi điểm 210.633.400.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	1,67%	1,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Trị	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Ninh Bình	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***1.198.425.713.302***	***(157.826.033.909)***	***1.267.201.651.433***	***(157.219.916.726)***
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.549.727.139	-	5.548.525.269	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	786.064.069.692	-	881.154.608.947	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	44.066.850.827	-	5.862.270.296	-
Viện Dầu khí Việt Nam	30.336.867.228	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	-	50.006.385.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	(91.619.056.480)	91.619.056.480	(91.619.056.480)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.073.811.922	(200.156.144)	23.291.878.505	(200.156.144)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.936.985.990)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	23.115.000	-	23.115.000	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.518.282.409	(9.518.282.409)	9.518.282.409	(9.518.282.409)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	-	16.235.738.266	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	66.506.774.610	-	50.742.318.506	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	(62.166.603)	62.166.603	(62.166.603)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	(2.165.670.821)	2.165.670.821	(2.165.670.821)
Bên khác	***455.288.765.850***	***(116.562.118.704)***	***396.058.745.759***	***(118.331.077.589)***
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	57.841.498.305	-	69.049.973.934	-
Các đối tượng khác	397.447.267.545	(116.562.118.704)	327.008.771.825	(118.331.077.589)
	1.653.714.479.152	**(274.388.152.613)**	**1.663.260.397.192**	**(275.550.994.315)**

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	***249.019.312.075***	***(173.664.818.848)***	***249.019.312.075***	***(173.664.818.848)***
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	(26.196.864.426)	54.324.395.257	(26.196.864.426)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	(11.617.459.964)	11.617.459.964	(11.617.459.964)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	(26.744.518.395)	28.268.366.989	(26.744.518.395)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thuỷ phía Nam	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	80.284.927	(80.284.927)	80.284.927	(80.284.927)
Bên khác	***365.438.551.497***	***(145.491.378.754)***	***321.141.033.870***	***(137.499.948.253)***
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	120.028.310.242	(24.497.588.138)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	10.556.466.443	(3.236.726.458)	14.556.466.443	(3.236.726.458)
Các đối tượng khác	234.853.774.812	(117.757.064.158)	193.197.687.686	(116.407.064.158)
	614.457.863.572	**(319.156.197.602)**	**570.160.345.945**	**(311.164.767.101)**
b) Dài hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	-	-	6.641.430.501	(6.641.430.501)
Các đối tượng khác	-	-	2.620.805.510	(2.444.337.557)
	-	**-**	**9.262.236.011**	**(9.085.768.058)**

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	**(269.172.594.052)**	**-**	**-**	**355.676.953.493**	**(269.172.594.052)**

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank - nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	3.880.131.484	-	2.994.975.148	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	67.113.267.284	(6.602.653.657)	48.314.987.793	(3.630.344.555)
Ký cược, ký quỹ	46.236.200.620	-	4.158.250.243	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	115.369.622.286	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
Phải thu khác	149.848.603.136	(65.978.407.643)	152.056.045.019	(67.530.631.035)
	485.010.604.849	**(197.546.068.384)**	**419.600.886.765**	**(196.125.982.674)**
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	24.052.800.501	-	23.954.471.912	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	3.213.461.725	-	4.613.461.725	-
	27.266.262.226	**-**	**28.567.933.637**	**-**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	59.131.387.608	(3.778.366.082)	56.894.768.733	(3.778.366.082)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	51.964.023.259	(6.138.310.290)	48.630.948.027	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	(33.584.659.686)	33.584.659.686	(33.584.659.686)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.727.967.044	-	2.441.887.388	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	(2.008.154.052)	2.008.154.052	(2.008.154.052)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	368.366.166	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	274.000.624	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	124.742.000	-	124.742.000	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	417.223.063	-	1.920.077.263	-
	213.772.520.304	**(91.071.529.562)**	**209.419.600.741**	**(91.071.529.562)**

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 39).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 17). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
a)	**Phải thu của khách hàng**	**326.874.680.522**	**52.486.527.909**	**328.178.418.416**	**52.627.424.101**
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	-	91.619.056.480	-
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.158.853.155	-	27.158.853.155	-
	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.073.811.922	22.872.086.778	23.291.878.505	23.091.722.361
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	30.380.282.717	6.443.296.727	25.401.643.107	2.070.774.300
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	29.273.930.682	-	29.273.930.682	-
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
	Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
	Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	-	2.165.570.821	-
	Công ty CP TID	14.604.536.064	12.998.328.937	19.604.536.064	17.448.428.851
	Các đối tượng khác	90.026.319.631	10.172.815.467	91.090.730.552	10.016.498.589
b)	**Trả trước cho người bán**	**353.958.546.730**	**34.802.349.128**	**355.052.884.287**	**34.802.349.128**
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	31.212.207.481	6.714.619.343	31.212.207.481	6.714.619.343
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	-	11.617.459.964	-
	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
	Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
	Các đối tượng khác	37.444.750.526	5.219.940.661	38.539.088.083	5.219.940.661

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
c)	**Phải thu về cho vay**	**355.676.953.493**	**86.504.359.441**	**355.676.953.493**	**86.504.359.441**
	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
	Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d)	**Phải thu khác ngắn hạn**	**229.582.595.987**	**32.036.527.603**	**221.087.755.915**	**24.961.773.241**
	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Ha tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	17.731.272.367	21.447.520.000	17.731.272.367
	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
	Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
	Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
	Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	-	33.584.659.686	-
	Công ty CP Hasky	596.348.696	-	2.196.348.696	-
	Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	Các đối tượng khác	72.981.411.003	9.563.187.501	62.886.570.931	2.488.433.139
		1.266.092.776.732	**205.829.764.081**	**1.259.996.012.111**	**198.895.905.911**

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.205.254.546	(3.090.115.856)	6.465.655.339	(3.169.300.408)
Công cụ, dụng cụ	4.172.928.151	(20.555.000)	4.920.179.637	(641.939.651)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.380.938.588.393	(135.769.415.911)	1.867.032.182.874	(104.607.633.381)
Hàng hoá (ii)	43.866.325.508	-	59.400.887.454	(11.410.834.208)
	1.435.183.096.598	**(138.880.086.767)**	**1.937.818.905.304**	**(119.829.707.648)**

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	774.175.769.719	1.400.422.457.557
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	234.057.721.353	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (**)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.184.687.878	109.132.879.549
Các công trình khác	230.533.814.943	79.432.382.800
	1.380.938.588.393	**1.867.032.182.874**

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(**) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2025 và 31/12/2025 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	343.438.142	2.739.278.366
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	912.084.286	703.886.756
	1.255.522.428	**3.443.165.122**
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	74.883.736.758	77.108.006.166
Chi phí thuê văn phòng	4.167.358.945	5.472.381.608
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.923.424.362	11.290.062.911
Chi phí sửa chữa tài sản	2.305.562.968	5.680.032.353
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.785.240.776	734.225.129
	88.065.323.809	**100.284.708.167**

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.195.965.028.491	292.882.481.565	110.421.257.838	27.704.982.081	1.626.973.749.975
Mua trong năm	-	241.640.000	1.340.911.515	202.709.489	1.785.261.004
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.661.699.665	-	-	-	1.661.699.665
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.389.408.871)	-	-	-	(2.389.408.871)
Số dư cuối năm	**1.195.237.319.285**	**286.745.218.020**	**110.958.168.346**	**25.116.900.268**	**1.618.057.605.919**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	446.854.077.643	276.299.653.562	109.026.573.665	27.465.576.033	859.645.880.903
Khấu hao trong năm	28.452.392.966	8.421.003.687	324.756.537	120.614.204	37.318.767.394
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(927.761.966)	-	-	-	(927.761.966)
Số dư cuối năm	**474.378.708.643**	**278.341.753.704**	**108.547.329.195**	**24.795.398.935**	**886.063.190.477**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	749.110.950.848	16.582.828.003	1.394.684.173	239.406.048	767.327.869.072
Tại ngày cuối năm	**720.858.610.642**	**8.403.464.316**	**2.410.839.151**	**321.501.333**	**731.994.415.442**

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 332.296.099.913 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 374.037.139.512 VND VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 392.980.692.168 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 401.187.220.987 VND).

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	253.189.029.962	21.461.212.382	274.650.242.344
Số dư cuối năm	**253.189.029.962**	**16.482.994.482**	**269.672.024.444**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	2.411.211.376	20.230.168.919	22.641.380.295
Khấu hao trong năm	110.942.046	600.287.346	711.229.392
Số dư cuối năm	**2.522.153.422**	**15.852.238.365**	**18.374.391.787**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	250.777.818.586	1.231.043.463	252.008.862.049
Tại ngày cuối năm	**250.666.876.540**	**630.756.117**	**251.297.632.657**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 14.593.074.482 VND (tại ngày 01/01/2025 là 19.571.292.382 VND).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	111.067.844.188	111.067.844.188
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	2.389.408.871	2.389.408.871
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
Số dư cuối năm	**111.237.253.059**	**111.237.253.059**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư đầu năm	25.559.856.003	25.559.856.003
Khấu hao trong năm	2.259.239.145	2.259.239.145
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	927.761.966	927.761.966
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(111.000.000)	(111.000.000)
Số dư cuối năm	**28.635.857.114**	**28.635.857.114**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	85.507.988.185	85.507.988.185
Tại ngày cuối năm	**82.601.395.945**	**82.601.395.945**

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: tại ngày 31/12/2025 là 41.932.656.596 VND (tại ngày 01/01/2025 là 54.565.800.473 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ có nguyên giá là 24.089.000.000 VND, được thu hồi theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương (xem thuyết minh 04 mục d). Bất động sản này đang được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	12.180.083.636	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.522.744.186	1.811.134.827	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.243.973.580	**36.044.435.616**	**71.643.835.139**	**25.064.213.539**

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mua sắm	**147.550.832**	**147.550.832**
- Mua sắm tài sản	147.550.832	147.550.832
Xây dựng cơ bản	**109.801.622.208**	**113.303.806.575**
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang	-	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	2.735.110.962	4.402.194.406
	109.949.173.040	**113.451.357.407**

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu

khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza	-	26.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
	12.897.200.000	**39.130.504.440**

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.

Tại ngày 31/12/2025: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sàn trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên PVC-IC chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***409.174.635.738***	***409.174.635.738***	***410.901.334.379***	***410.901.334.379***
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.327.001.690	2.327.001.690	7.976.738.009	7.976.738.009
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.061.951.289	4.061.951.289	4.042.951.289	4.042.951.289
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	32.549.589.904	32.549.589.904	27.903.667.974	27.903.667.974
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.049.565.265	177.049.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.120.064.452	60.120.064.452	60.399.700.035	60.399.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.987.074.805	14.987.074.805	15.291.823.474	15.291.823.474
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Bên khác	***2.677.698.174.305***	***2.677.698.174.305***	***2.856.132.575.553***	***2.844.037.304.732***
Công ty DL E&C Co., Ltd (ii)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	232.379.768.460	232.379.768.460	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Sojitz	-	-	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	153.320.580.538	153.320.580.538	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.180.983.857	99.180.983.857	95.708.461.469	95.708.461.469
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.478.955.914	60.478.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
S-Tank Engineering Co.,Ltd	69.232.782.902	69.232.782.902	68.276.803.542	68.276.803.542
Các đối tượng khác	1.018.685.460.330	1.018.685.460.330	1.101.257.327.091	1.089.162.056.270
	3.086.872.810.043	**3.086.872.810.043**	**3.267.033.909.932**	**3.254.938.639.111**

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Phải trả cho các đối tượng khác	602.523.318.467	602.523.318.467	557.350.620.505	557.350.620.505
	602.523.318.467	**602.523.318.467**	**557.350.620.505**	**557.350.620.505**

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (xem Thuyết minh số 39).

(ii) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phản tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tố tụng số 1 ("PO No.1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Theo PO No.1, ngày 03/02/2025, Tổng Công ty đã đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách các vấn đề cần tham vấn ý kiến chuyên gia; và ngày 24/02/2025 đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách nhân chứng vụ việc và nhân chứng chuyên gia, Tổng Công ty đã lựa chọn 10 nhân chứng, 02 chuyên gia người Việt về vấn đề Pháp luật Việt Nam về Xây dựng áp dụng đối với Hợp đồng EPS và 01 chuyên gia nước ngoài Bà Frances Hale của Công ty Diales về Hệ thống thải xỉ.

Ngày 19/09/2025, các bên đã hoàn tất việc nộp bản Lời khai người làm chứng cho Hội đồng trọng tài, Tổng Công ty đã lựa chọn nộp bản lời khai cho 5 nhân chứng trong số Danh sách 10 nhân chứng đã đăng ký.

Ngày 27/11/2025, hai bên đã hoàn tất việc nộp Báo cáo chuyên gia cho Hội đồng trọng tài.

Ngày 26/01/2026, hoàn thành Bước 19 nộp Bản phản hồi Lời khai người làm chứng. Tiếp tục chuẩn bị Bước 20 nộp Báo cáo chuyên gia chung về các vấn đề đã thống nhất vào ngày 28/04/2026 - theo tiến độ lịch biểu tố tụng đã được Hội đồng trọng tài sửa đổi (tại thư số 4852/VIAC ngày 08/12/2025).

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Công ty DL E&C Co., Ltd và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên liên quan	***163.754.168.609***	***102.354.670.629***
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	117.255.185	117.255.185
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	7.630.715.774	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	50.156.167.511	1.000.899.140
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	4.613.513.835	-
Bên khác	***99.385.773.364***	***129.887.788.408***
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	43.797.123.322	63.770.025.034
Các đối tượng khác	55.588.650.042	66.117.763.374
	263.139.941.973	**232.242.459.037**

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	54.182.602.026	25.250.589.309	37.894.814.132	30.465.765	41.538.377.203
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	1.801.935	1.801.935	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.516.789.923	2.596.625.299	1.173.358.630	37.954.648	34.354.768.750	3.570.008.108
Thuế thu nhập cá nhân	66.785.689	6.354.605.687	8.182.303.903	8.054.133.062	48.219.094	6.464.209.933
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	16.796.024.496	7.008.690.368	17.681.685.927	147.200.611	6.270.229.548
Các loại thuế khác	-	767.032.930	7.752.026.827	7.689.072.802	-	829.986.955
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	3.783.720	44.538.586.179	1.766.073.236	3.850.830.812	783.720	42.450.828.603
	34.637.079.800	**125.235.476.617**	**51.134.844.208**	**75.210.293.318**	**34.600.692.643**	**101.123.640.350**

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Chi phí lãi vay	226.460.171.614	200.381.246.911
	Trích trước chi phí công trình xây lắp	338.502.530.727	246.186.568.775
	Chi phí phải trả khác	6.007.421.952	6.587.059.906
		570.970.124.293	**453.154.875.592**
b)	**Dài hạn**		
	Trích trước chi phí công trình xây lắp	115.497.608.588	115.497.608.588
		115.497.608.588	**115.497.608.588**
c)	**Trong đó: Bên liên quan**		
	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	149.470.076.555	121.694.660.523
	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	17.731.272.367	17.731.272.367
	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.647.326.928	1.647.326.928
	Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	5.782.550.557	5.782.550.557
	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.125.779.168	1.125.779.168
		175.757.005.575	**147.981.589.543**

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	3.194.386.718	6.249.109.721
		3.194.386.718	**6.249.109.721**
b)	**Dài hạn**		
	Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	45.522.199.903	50.632.252.045
	Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	-	199.251.272
		45.522.199.903	**50.831.503.317**

(i) Trong đó bao gồm: 39.334.078.836 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.392 VND. Trong năm, Công ty đã phân bổ thêm 3.662.210.590 VND tiền thuê đất từ tháng 12 năm 2014 đến ngày có Quyết định thu hồi đất số 2668/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tổng Công ty sẽ làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
	Kinh phí công đoàn	6.837.321.015	8.590.345.771
	Bảo hiểm xã hội	3.452.017.466	7.137.502.411
	Bảo hiểm y tế	357.778.754	732.541.283
	Bảo hiểm thất nghiệp	407.662.369	485.828.275
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.910.994.188	4.128.850.588
	Cổ tức lợi nhuận phải trả (i)	40.394.150.917	40.394.150.917
	Chi phí lãi vay	1.314.567.231	1.246.252.165
	Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	137.942.779.492	137.942.779.492
	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (iii)	182.761.658.990	172.784.334.551
	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iv)	54.098.464.510	54.098.464.510
	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (v)	56.212.500.000	56.212.500.000
	Phí bảo trì chung cư phải trả	10.521.717.166	10.249.210.378
	Các quỹ ủng hộ	3.845.584.784	3.876.584.784
	Tiền thuê đất	33.044.495.174	32.013.066.565
	Phải trả khác	67.826.548.813	84.559.547.037
		600.945.371.006	**614.469.088.864**
b)	**Dài hạn**		
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.499.268.650	2.873.199.868
	Phải trả khác	50.000.000	50.000.000
		2.549.268.650	**2.923.199.868**
c)	**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**		
	Phải trả cơ quan bảo hiểm	330.891.655	12.378.319.651
	Cổ tức phải trả	40.357.947.640	42.451.440.707
	Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	Chi phí lãi vay	1.246.252.165	1.246.252.165
	Các khoản khác	1.986.271.865	2.108.341.139
		45.256.182.110	**59.519.172.447**
d)	**Trong đó: Bên liên quan**		
	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	54.189.129.410	54.098.464.510
	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56.212.500.000	56.212.500.000
	Viện Dầu khí Việt Nam	-	2.698.186.687
	Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	667.975.776	667.975.776
	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.715.555	14.715.555
		119.782.007.367	**122.389.529.154**

(i) Trong đó có 25.000.000.000 VND là tiền cổ tức phải trả của năm 2011 tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty đã không thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.

(iii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank – nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iv) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(v) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.911.574.700	-
		5.911.574.700	**-**
b)	**Dài hạn**		
	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	10.778.488.744
		-	**10.778.488.744**

24 CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (i)						
Vay ngắn hạn	53.826.410.130	53.826.410.130	92.555.285.291	66.232.198.603	80.149.496.818	80.149.496.818
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	640.965.237.122	640.965.237.122	15.200.000.000	200.000.000	655.965.237.122	655.965.237.122
	694.791.647.252	**694.791.647.252**	**107.755.285.291**	**66.432.198.603**	**736.114.733.940**	**736.114.733.940**
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	664.965.237.122	664.965.237.122	3.200.000.000	200.000.000	667.965.237.122	667.965.237.122
	664.965.237.122	**664.965.237.122**	**3.200.000.000**	**200.000.000**	**667.965.237.122**	**667.965.237.122**
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(640.965.237.122)	(640.965.237.122)	(15.200.000.000)	(200.000.000)	(655.965.237.122)	(655.965.237.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**24.000.000.000**	**24.000.000.000**			**12.000.000.000**	**12.000.000.000**

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	575.670.157.122	182.761.658.990	575.670.157.122	172.784.334.551
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	75.999.730.130	149.470.076.555	62.562.090.130	121.694.660.523
	651.669.887.252	**332.231.735.545**	**638.232.247.252**	**294.478.995.074**

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Vay ngắn hạn						**80.149.496.818**	**53.826.410.130**
Bên liên quan						***18.954.650.130***	***20.767.010.130***
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	18.954.650.130	20.767.010.130
Bên khác						***61.194.846.688***	***33.059.400.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	VND	7,60%	180 ngày	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	42.744.846.688	9.336.400.000
Đối tượng khác	VND	(*)	6 tháng đến 1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	18.450.000.000	23.723.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						**655.965.237.122**	**640.965.237.122**
						736.114.733.940	**694.791.647.252**

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Bên liên quan							
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam						89.295.080.000	89.295.080.000
- *Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB*	*VND*	*Thả nổi*	*Năm 2027*	*Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình*	*Tín chấp*	*89.295.080.000*	*89.295.080.000*
Bên khác							
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (*)						575.670.157.122	575.670.157.122
- *Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày*	*VND*	*4,90%*	*Năm 2017*	*Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh*	*Tín chấp*	*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
- *Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011*	*VND*	*4,90%*	*Năm 2017*	*Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình*	*Tín chấp*	*65.000.000.000*	*65.000.000.000*
- *Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011*	*VND*	*5,50%*	*Năm 2017*	*Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng*	*Tín chấp*	*310.670.157.122*	*310.670.157.122*
Vay cá nhân	VND	11%-12%		Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	3.000.000.000	-
						667.965.237.122	**664.965.237.122**
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						(655.965.237.122)	(640.965.237.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						**12.000.000.000**	**24.000.000.000**

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	**4.000.000.000.000**	**6.831.719.482**	**22.681.220.411**	**(29.720.195)**	**150.859.427.814**	**233.648.426**	**(4.030.704.785.860)**	**326.990.811.764**	**476.862.321.842**
Lãi / lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.369.885.195	(4.756.862.176)	2.613.023.019
Thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	(449.100.176)	209.450.294	(239.649.882)
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	**4.000.000.000.000**	**6.831.719.482**	**22.681.220.411**	**(29.720.195)**	**150.859.427.814**	**233.648.426**	**(4.023.784.000.841)**	**322.443.399.882**	**479.235.694.979**
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	**4.000.000.000.000**	**6.831.719.482**	**22.681.220.411**	**(29.720.195)**	**150.859.427.814**	**233.648.426**	**(4.023.784.000.841)**	**322.443.399.882**	**479.235.694.979**
Lãi / lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(12.191.170.371)	12.959.897.845	768.727.474
Số dư cuối năm nay	**4.000.000.000.000**	**6.831.719.482**	**22.681.220.411**	**(29.720.195)**	**150.859.427.814**	**233.648.426**	**(4.035.975.171.212)**	**335.403.297.727**	**480.004.422.453**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
Cộng	**4.000.000.000.000**	**100%**	**4.000.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*400.000.000*	*400.000.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- *Cổ phiếu phổ thông*	*2.971*	*2.971*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- *Cổ phiếu phổ thông*	*399.997.029*	*399.997.029*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	233.648.426
	151.093.076.240	**151.093.076.240**

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	10.403,67	7.365.086,17

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	118.576.630.058	53.472.991.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.518.697.811	73.139.490.403
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.916.123.550.321	1.061.700.329.493
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	17.274.694.474	12.443.089.233
Doanh thu khác	5.959.202.287	12.250.206.093
	2.208.452.774.951	**1.213.006.106.954**
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.208.452.774.951**	**1.213.006.106.954**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.504.123.870.274	847.863.166.887

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	122.403.999.303	60.941.589.032
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	117.272.243.311	62.963.286.487
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.814.090.567.098	1.046.095.523.656
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	14.109.383.480	7.540.768.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.670.295.483	(25.386.397.265)
Giá vốn khác	2.553.462.933	9.182.645.458
	2.078.099.951.608	**1.161.337.416.194**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.037.318.053	1.854.288.043

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.995.362.019	12.228.895.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.995.130.859	25.969.748.195
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.275.931.351
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	396.759.060
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.670.000.233	-
	43.660.493.111	**42.871.334.402**

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	33.514.834.197	36.198.593.108
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	7.636.363
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.401.460.250	32.431.360.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.193.998.381	106.143.505
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(10.087.869.299)
Chi phí tài chính khác	4.314.561.064	5.123.263.246
	41.424.853.892	**63.779.127.190**
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	27.779.892.856	26.876.666.751

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	860.193.951	703.818.133
Chi phí nhân công	86.416.104.757	79.755.631.970
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	993.903.598	845.794.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.608.392.018	3.708.692.400
Thuế, phí và lệ phí	6.744.680.945	7.619.286.748
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(837.093.549)	(55.143.154.547)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.060.336.041	18.662.691.770
Chi phí khác bằng tiền	15.850.293.616	17.977.194.312
	129.696.811.377	**74.129.955.136**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	688.990.120	117.600.000

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.044.118.636	4.389.581.387
Tiền phạt được hưởng	839.799.784	1.325.025.483
Thu tiền bồi thường	-	444.318.134
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	14.449.047.351	44.715.422.210
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.866.914.044	8.720.524.900
Thu nhập khác	706.096.940	3.304.241.726
	21.905.976.755	**62.899.113.840**

33 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	780.800.413	2.533.444.159
Các khoản bị phạt	3.063.833.420	7.108.413.730
Tổn thất do đầu tư bất thành Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp Tiền Giang - 920 ha	1.835.100.923	-
Các khoản khác	3.356.758.238	2.101.664.083
	9.036.492.994	**11.743.521.972**
Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	707.718.727	-

34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	1.173.358.630	2.077.618.123
- *Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí*	-	*727.618.123*
- *Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn*	*199.975.821*	-
- *Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí*	*973.382.809*	*1.350.000.000*
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.173.358.630**	**2.077.618.123**

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.229.667.583	18.801.350.080
	13.229.667.583	**18.801.350.080**

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.571.682.497	116.962.081
	5.571.682.497	**116.962.081**

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(12.191.170.371)	7.369.885.195
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(12.191.170.371)	7.369.885.195
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(30)**	**18**

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.167.736.697	167.289.774.429
Chi phí nhân công	333.101.204.322	238.685.019.893
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.221.819.124	1.117.633.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.442.905.836	39.785.216.032
Thuế, phí và lệ phí	4.501.865.242	8.402.256.023
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(2.900.123.653)	(55.404.878.547)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.816.751.318	626.919.260.057
Chi phí khác bằng tiền	38.267.152.753	31.340.926.669
	1.586.619.311.639	**1.058.135.208.049**

38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	95.755.285.291	100.137.532.071

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	66.432.198.603	148.788.933.736

39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	**155.046.350.336**	**137.942.779.491**

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31/12/2025:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND;
- Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31/12/2025 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn (nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 31/12/2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tài ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

40 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tiến hành rà soát khối lượng và các công việc đã thực hiện với Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 cũng như các nhà thầu phụ để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp

đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

c) Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) ("PVC-MS") ký Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09/08/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("Công ty Sao Mai - Bến Đình") để thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích thuê là 229.330 m², thời hạn thuê 49 năm. Theo điều khoản hợp đồng, giá thuê bao gồm chi phí đầu tư và các nghĩa vụ với Nhà nước liên quan đến diện tích thuê.

Theo Phụ lục số 02 ngày 10/02/2026 và văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty phải chịu tiền thuê đất với tổng số tiền là 32.194.110.231 VND, trong đó:

- Giai đoạn từ ngày 16/09/2010 đến ngày 12/02/2015: 32.194.110.231 VND;
- Giai đoạn từ ngày 12/02/2015 đến ngày 31/12/2025: được miễn tiền thuê đất.

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu tiền chậm nộp tạm tính đến thời điểm 31/12/2025 là 9.726.244.741 VND, trong đó tiền chậm nộp lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 8.694.816.132 VND.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố ghi nhận giảm khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản mục Phải trả người bán, Phải trả khác tại thời điểm 31/12/2024 với số tiền 44.108.337.386 VND, ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm nay số tiền 1.031.428.609 VND.

41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLDK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m2 đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) đã được công bố tại thuyết minh số 04 mục d, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty thành viên của PTSC
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV GAS)	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PV GAS
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thuỷ phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Tổng Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	**1.504.123.870.274**	**847.863.166.887**
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	850.294.087.066	473.164.613.532
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	88.174.594.652	5.269.310.330
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28.585.599.093	242.110.198.031
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	535.390.533.318	125.705.769.994
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.679.056.145	1.613.275.000
Mua hàng hóa dịch vụ	**1.037.318.053**	**1.971.888.043**
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.037.318.053	1.854.288.043
Viện Dầu khí Việt Nam	-	117.600.000
Chi phí tài chính	**27.779.892.856**	**26.876.666.751**
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	27.779.892.856	26.876.666.751
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**688.990.120**	**117.600.000**
Viện Dầu khí Việt Nam	688.990.120	117.600.000
Chi phí khác	**707.718.727**	-
Viện Dầu khí Việt Nam	707.718.727	

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng quản trị		**2.284.460.076**	**2.207.775.913**
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	573.551.443	545.647.303
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	247.440.000	244.285.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	500.481.311	479.906.106
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	479.537.200	466.008.070
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	483.450.122	471.929.434
Ban Tổng Giám đốc		**2.111.886.132**	**2.014.722.793**
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	572.557.253	449.814.957
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	-	109.537.217
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	521.417.825	507.748.575
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	524.770.280	464.890.490
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	493.140.774	482.731.554
Ban Kiểm soát		**686.187.065**	**506.218.999**
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	454.099.420	441.418.999
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	172.687.645	-
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	16.200.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	43.200.000	32.400.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

43 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản cố định vô hình	227	257.674.706.668	252.008.862.049	(5.665.844.619)
- Nguyên giá	*228*	*284.392.878.902*	*274.650.242.344*	*(9.742.636.558)*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*	*(26.718.172.234)*	*(22.641.380.295)*	*4.076.791.939*
Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.254.938.639.111	3.267.033.909.932	12.095.270.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	582.456.022.299	614.469.088.864	32.013.066.565
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(4.005.781.884.168)	(4.031.153.886.036)	(25.372.001.868)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	346.845.580.019	322.443.399.882	(24.402.180.137)

Nguyễn Thị Thu Anh	**Vũ Minh Công**	**Trần Quốc Hoàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 của Tổng công ty PETROCONS và ưu tiên đơn vị có kinh nghiệm, thực hiện kiểm toán tại đa số các đơn vị thành viên của Tổng công ty để thuận lợi trong công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty. Trong trường hợp không ký kết được hợp đồng kiểm toán với một trong ba Công ty nêu trên thì kính trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng quy định, đảm bảo tuân thủ thời hạn công bố thông tin của Công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT PETROCONS;
- Lưu VT, BKS, TCKT.

Hứa Xuân Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/5/2025;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 của Tổng công ty như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát năm 2025:

Tiền lương/Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025 thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/5/2025, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tiền lương/thù lao năm 2025		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Hội đồng quản trị	2.569.680.000	2.372.864.453	92,34%
2	Ban Kiểm soát	888.750.000	795.620.067	89,52%
	Tổng cộng	**3.458.430.000**	**3.168.484.520**	91,62%

2. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2026:

- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS, phù hợp với quy định và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.

- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: Đối với thành viên làm việc theo chế độ làm việc áp dụng tại Cơ quan Tổng công ty (8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần) được thực hiện tiền lương và các chế độ khác theo mức lương áp dụng đối với thành viên HĐQT chuyên trách; Đối với thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao tối đa bằng 70% mức lương theo vị trí cố định của thành viên hội đồng quản trị chuyên trách.

- Thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách: không vượt quá mức 5.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch SXKD giai đoạn 2020-2025, để khắc phục các tồn tại vướng mắc của giai đoạn trước, thực hiện mục tiêu từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh, xây dựng PETROCONS trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước, xác định rõ kế hoạch, phương hướng phát triển của PETROCONS trong thời gian tới, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã triển khai xây dựng Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 và chiến lược phát triển của PETROCONS với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

- Vượt qua thách thức để dần từng bước đi vào hoạt động hiệu quả, giữ vững ổn định tổ chức hoạt động, chuyển đổi mô hình quản lý và hoạt động, đặt mục tiêu chất lượng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh lên hàng đầu.

- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài ngành, tận dụng tối đa lợi thế là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp- Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị có năng lực trong và ngoài nước, giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp, từng bước tiếp thu, nâng cao năng lực nhằm chiếm lĩnh thị trường trong ngành, dần mở rộng ra thị trường ngoài ngành và nước ngoài.

2. Mục tiêu tổng quát

- Khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONs trong lĩnh vực thi công xây lắp là mục tiêu đặt lên hàng đầu.

- Xây dựng PETROCONs trở thành đơn vị đủ sức cạnh tranh trong ngành xây dựng và có thể cạnh tranh mạnh mẽ với các nhà thầu khác trong nước.

- Từng bước nâng cao tỷ trọng các công trình ngoài ngành trong các lĩnh vực xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng và giao thông/cơ sở hạ tầng; đồng thời mở rộng ra thị trường nước ngoài.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao. Phấn đấu làm chủ công nghệ thi công các nhà máy điện than, nhà máy điện khí; các công trình năng lượng tái tạo… Triển khai áp dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý dự án/ công trình.

3. Mục tiêu cụ thể

- Tổng doanh thu hợp nhất 5 năm giai đoạn 2026-2030 toàn hợp nhất đạt trên 11.000 tỷ đồng, tổng doanh thu Công ty mẹ trên 4.800 tỷ đồng.

- PETROCONS tiếp tục tập trung xây dựng nguồn lực cho 02 đơn vị nòng cốt là PVC-MS và DOBC, chiếm tỷ trọng khoảng 66% doanh thu của toàn hợp nhất PETROCONS .

- Phấn đấu hàng năm PetroCons đều có lợi nhuận dương. Trong tổng lợi nhuận các công ty con: PVC-MS dự kiến chiếm 85%, DOBC dự kiến chiếm 10%, các công ty con còn lại chiếm 5%. Công ty thành viên khác hàng năm sẽ giảm dần giá trị thua lỗ và tiến tới có lợi nhuận dương; phấn đấu không còn phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các đơn vị thành viên.

- Thực hiện thoái vốn PVC-Bình Sơn thu hồi vốn góp để thanh toán một phần khoản vay ủy thác Petrovietnam. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị thành viên triển khai các phương án thanh toán phần nợ gốc còn lại vay ủy thác dự kiến hoàn thành vào năm 2030.

- Thực hiện triệt để việc thu hồi công nợ (bằng tiền/tài sản/phần vốn góp...) đối với các khoản công nợ phải thu tại các đơn vị: PVC-MT, PVC-ME, PVNC... Tiến hành khởi kiện các đơn vị chây ỳ không hợp tác xử lý nợ như: Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Trường Sơn, IMICO… để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PETROCONS.

4. Định hướng triển khai

4.1. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Chủ động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu... xây dựng và thực hiện quyết liệt các giải pháp để xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc tồn tại hiện nay trong thời gian sớm nhất để PETROCONS/đơn vị thành viên khôi phục sản xuất kinh doanh.

- Duy trì và đẩy mạnh quan hệ với các đối tác là khách hàng truyền thống. Hợp tác toàn diện với các đơn vị trong lĩnh vực xây lắp có năng lực tài chính, thị trường, thiết bị, nhân lực... để tham gia thi công các công trình với vai trò liên danh nhà thầu, nhà thầu phụ đặc biệt. Sau khi tích lũy kinh nghiệm, năng lực, đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới ở cả trong và ngoài nước.

- Thu xếp nguồn vốn trả nợ các khoản vay ủy thác Petrovietnam qua Oceanbank (nay là MBV) và giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên.

4.2. Đối với công tác tái cấu trúc:

- Nghiên cứu áp dụng mô hình các đội sản xuất trực thuộc (nhận khoán) Tổng công ty quản lý (hạch toán phụ thuộc) nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất và thực hiện các công

việc không phải ưu thế của các Công ty con, tuy nhiên cần tuyển dụng bổ sung cán bộ/kỹ sư có kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu cho các đội sản xuất này.

- Đối với việc cơ cấu lại các đơn vị thành viên, PETROCONS xây dựng các nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2026-2030 như sau:

+ Củng cố, nâng cao vai trò nòng cốt của đơn vị PVC-MS và DOBC tạo thế mạnh cho PETROCONS trong các hoạt động xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình trọng điểm trong ngành và mở rộng thị trường ngoài ngành.

+ Tăng cường hỗ trợ đơn vị PVC-IC, PVC-Duyên Hải, PetroCons- Đông Đô phát huy các nguồn lực sẵn có kết hợp các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giá trị doanh nghiệp. Khi có chuyển biến tích cực sẽ xem xét sự cần thiết duy trì trong hệ sinh thái/đơn vị nòng cốt hoặc thoái vốn ngay khi có cơ hội.

+ Đối với các đơn vị còn nợ vốn vay ủy thác của Petrovietnam (PVC-Bình Sơn, PVC- TB, PVC-SG, Khách sạn Lam Kinh, PVNC), tiếp tục hỗ trợ đơn vị xử lý các tồn tại vướng mắc, xây dựng phương án hoàn trả nợ vay ủy thác chậm nhất hoàn thành vào năm 2030. Ngay sau khi đơn vị hoàn thành giải quyết công nợ ủy thác sẽ xem xét, đánh giá để tiếp tục duy trì trong hệ sinh thái của PETROCONS hoặc thoái vốn khi có cơ hội.

+ Đối với các đơn vị còn lại, PETROCONS thực hiện tăng cường chỉ đạo, giám sát Người đại diện phần vốn áp dụng mọi biện pháp để quản trị vốn đầu tư, tìm kiếm cơ hội thoái vốn hoặc xem xét thực hiện giải pháp giải thể/ phá sản, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và tối đa lợi ích cho PETROCONS.

4.3. Đối với công tác quản trị:

- Hoàn thiện, ổn định bộ máy tổ chức quản lý và cơ chế quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác điều hành, kiểm tra, giám sát.

- Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị đạt hiệu quả.

- Đảm bảo chăm lo đời sống người lao động. Thực hiện tốt công tác an toàn sức khỏe, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường tại các dự án triển khai thực hiện.

5. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu giai đoạn 5 năm 2026-2030

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm					Tổng giai đoạn 2026-2030
		2026	2027	2028	2029	2030	
1	Giá trị SXKD	3.884,00	1.830,00	1.950,00	2.089,00	2.227,00	**11.980,00**
	Công ty mẹ	*890,00*	*1.008,00*	*1.068,00*	*1.130,00*	*1.210,00*	***5.306,00***
2	Doanh thu	3.859,00	1.643,00	1.749,00	1.869,00	2.017,00	**11.137,00**
	Công ty mẹ	*864,00*	*908,00*	*963,00*	*1.033,00*	*1.103,00*	***4.871,00***
3	Lợi nhuận trước thuế	28,56	2,84	3,29	4,24	7,84	**46,77**
	Công ty mẹ	*7,99*	*1,22*	*1,77*	*2,40*	*3,31*	***16,69***

TT	Chỉ tiêu	Năm					Tổng giai đoạn 2026-2030
		2026	2027	2028	2029	2030	
4	Nộp NSNN	35,00	60,00	63,00	66,00	70,00	***294,00***
	Công ty mẹ	*11,00*	*12,00*	*12,00*	*13,00*	*14,00*	***62,00***

6. Giải pháp thực hiện

6.1. Giải pháp về quản trị và quản lý doanh nghiệp

- Sắp xếp tổ chức, nhân sự: Thực hiện rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại các Ban/Phòng chuyên môn, Ban điều hành dự án và Chi nhánh; định biên nhân sự theo vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế, bảo đảm bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tái cơ cấu Tổng công ty: Trên cơ sở Kế hoạch SXKD giai đoạn 2026–2030, xây dựng và tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu trên cơ sở định hướng đã nêu tại mục 4.2; đồng thời chủ động xây dựng phương án, tích cực tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại các khoản đầu tư không hiệu quả.

- Hoàn thiện thể chế nội bộ: Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành trong từng giai đoạn; nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế của giai đoạn trước.

- Đổi mới phương thức quản lý SXKD: Xây dựng mô hình quản lý, điều hành và tổ chức SXKD phù hợp, trong đó đặc biệt chú trọng công tác quản lý dự án nhằm bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế; đẩy mạnh mô hình trực tiếp thực hiện dự án/hợp đồng, giảm khâu trung gian, tiết giảm chi phí gián tiếp; nghiên cứu áp dụng cơ chế lãnh đạo/cán bộ chịu trách nhiệm toàn diện gắn với khoán chi phí.

- Nâng cao hiệu quả quản trị vốn góp: Lựa chọn, cử Người đại diện/Người đại diện phần vốn có năng lực chuyên môn tham gia quản lý tại các doanh nghiệp có vốn góp; tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo các Ban và Người đại diện thông qua hoàn thiện quy chế Người đại diện phần vốn, qua đó nâng cao vai trò, trách nhiệm trong điều hành và hiệu quả SXKD, bảo đảm tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư của PETROCONS.

6.2. Giải pháp về sản xuất – thị trường

- *Xử lý tồn đọng dự án:* Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại, hoàn thành quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án trọng điểm; thực hiện giải thể CNPB/Ban điều hành dự án liên quan tại thời điểm phù hợp, bảo đảm hiệu quả và đúng quy định.

- *Phát triển nguồn việc:* Bám sát các gói thầu đã nộp hồ sơ và đang trong quá trình chấm thầu; chủ động theo dõi tiến độ triển khai các dự án trong ngành nhằm kịp thời tiếp cận, tạo nguồn việc gối đầu cho năm 2026 và các năm tiếp theo.

- *Nâng cao năng lực nhân sự:* Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ PETROCONS có năng lực chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế và quản lý dự án, đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án ngày càng phức tạp.

- *Tham gia chuỗi dịch vụ ngành:* Xúc tiến tham gia đảm nhận một phần công việc trong chuỗi dịch vụ của các đơn vị thành viên chủ lực trong ngành Dầu khí và của Petrovietnam, từng bước mở rộng phạm vi hoạt động.

- *Đẩy mạnh liên danh, liên kết:* Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài

nước để phát huy thế mạnh từng bên, nâng cao năng lực cạnh tranh, hạn chế đối đầu trực tiếp; đồng thời nghiên cứu, phát triển ngành nghề mới, đón đầu xu thế thị trường trong nước và quốc tế.

- *Hoàn thiện hệ thống dữ liệu và quy trình:* Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà thầu phụ, nhà cung cấp, đơn giá… làm nền tảng cho công tác đấu thầu, mua sắm; đồng thời hoàn thiện quy trình quản lý mua bán, đấu thầu theo hướng tiệm cận các thông lệ tiên tiến trong và ngoài nước.

6.3. Giải pháp về tài chính

- Tập trung đa dạng hóa các nguồn huy động vốn, bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu SXKD gắn với quản trị tài chính chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền khoa học, hiệu quả. Chủ động cải thiện khả năng thanh toán, xây dựng cấu trúc và cơ cấu sử dụng vốn an toàn, minh bạch, phù hợp từng giai đoạn phát triển. Quyết liệt rà soát, thu hồi công nợ, đặc biệt xử lý dứt điểm tình trạng nợ chéo trong nội bộ Tổng công ty và giữa các đơn vị.

- Triển khai tái cơ cấu, thoái vốn tại một số đơn vị và tài sản theo lộ trình; tiếp tục rà soát, khai thác các nguồn thu, tài sản để thu hồi vốn, thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các khoản vay ủy thác. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính trong toàn Tổng công ty; nâng cao nhận thức về vai trò then chốt của công tác tài chính trong quản trị, điều hành SXKD.

- Hoàn thiện quy trình, phương thức quản lý tài chính phù hợp với mô hình hoạt động và điều kiện thực tiễn của PETROCONS, trọng tâm là công tác hoạch định và kế hoạch tài chính các kỳ, quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí. Đồng thời, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tài chính; tăng cường kiểm tra, kiểm toán nội bộ và giám sát các đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư.

6.4. Giải pháp về đầu tư

- Tập trung hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế, quy trình quản lý, giám sát và đánh giá dự án đầu tư, đồng thời kiện toàn tổ chức, bộ máy thực hiện công tác quản lý đầu tư tại các đơn vị thành viên.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn thu hồi công nợ của Tổng công ty.

- Trên cơ sở triển khai các dự án, công trình cụ thể, nghiên cứu đầu tư máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công đối với các dự án có hiệu quả kinh tế cao; đồng thời linh hoạt kết hợp phương án thuê thiết bị để kịp thời bổ sung nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD, phù hợp với điều kiện tài chính hiện tại.

6.5. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực, lao động, tiền lương

- Tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự công nghệ và chuyên môn chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý dự án, thiết kế, kỹ thuật và tài chính tổng hợp, đáp ứng yêu cầu tham gia các dự án/hợp đồng tổng thầu EPC.

- Đổi mới tư duy quản lý lao động, tạo sự đồng thuận và tâm lý tích cực cho người lao động nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc. Trên cơ sở đó, điều chỉnh, hoàn thiện chính sách đãi ngộ theo hướng tiệm cận mặt bằng thị trường, gắn với hiệu quả công việc, kết hợp xây dựng cơ chế thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao phục

vụ mục tiêu SXKD và phát triển bền vững của PETROCONS.

6.6. Giải pháp về khoa học công nghệ, an toàn, môi trường và phát triển bền vững

- Đẩy mạnh ứng dụng tối đa hệ thống công nghệ thông tin hiện có, từng bước triển khai chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành tại cơ quan Tổng công ty và toàn hệ thống. Chủ động áp dụng các công nghệ tiên tiến, phần mềm quản lý xây dựng và quản lý hợp đồng nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động xây lắp, giảm thiểu rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại.

- Gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học với sản xuất, kinh doanh và đầu tư, bảo đảm phục vụ kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược và mục tiêu phát triển của Tổng công ty. Đồng thời, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường thông qua tăng cường tuyên truyền, huấn luyện, nâng cao nhận thức; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ; cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, tích hợp đồng bộ với các hệ thống ISO 9001 và ISO 45001 đang áp dụng tại Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét và thông qua Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS. Đồng thời, nhằm chủ động trong việc tổ chức triển khai kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 (trong đó bao gồm phê duyệt và triển khai chi tiết kế hoạch tái cơ cấu theo định hướng tại Mục 4.2 nêu trên) của PETROCONS, kính trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị PETROCONS chủ động thực hiện các nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường niên gần nhất.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT; KHĐT&TCC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

- Mục tiêu, định hướng, kế hoạch phát triển của Tổng công ty;

Hiện nay, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) đang phối hợp với đối tác nước ngoài (Trung Quốc) để nghiên cứu đầu tư Dự án "Sản xuất và Lắp đặt hệ thống Khử xúc tác chọn lọc (SCR) cho Nhà máy nhiệt điện"; Địa điểm đầu tư dự kiến là khu đất diện tích 40.025m2 thuộc dự án Xưởng cơ khí & Vật liệu xây dựng tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi); Hình thức hợp tác đầu tư dự kiến bằng hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC). Mục đích chính của dự án là Sản xuất và tái chế tấm xúc tác (Catalyst) thường bao gồm quá trình phủ các kim loại nặng (Pt, Pd, Rh) lên chất nền gốm/kim loại để xử lý khí thải hoặc dùng trong công nghiệp; Tái chế/vệ sinh bao gồm tái tạo chủ động (đốt nóng DPF), thu hồi kim loại nặng qua thủy luyện/hỏa luyện, và tẩy rửa bằng hóa chất chuyên dụng để loại bỏ muội than và hợp chất độc hại. Đây là Dự án có đặc thù riêng, hiện tại Tổng công ty chưa đăng ký kinh doanh cho các lĩnh vực SXKD này.

Với mục tiêu phát triển thêm các lĩnh vực/thị trường mới đảm bảo duy trì sự ổn định, phát triển bền vững; đồng thời có cơ sở triển khai các bước tiếp theo; Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung các Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cụ thể như sau:

1. Thông qua bổ sung các ngành nghề kinh doanh mới:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại	3822
2	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
3	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
5	Tái chế phế liệu	3830

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ đạo thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành; Cập nhật bổ sung các ngành nghề tương ứng vào Điều lệ theo kết quả Đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Kính trình Đại hội cổ đông PETROCONS xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật trong đó có Luật Doanh nghiệp; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các Luật;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc sửa đổi nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, cụ thể như sau:

- Thay đổi tên viết tắt tiếng anh của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam:
  + Tên viết tắt cũ: PETROCONs
  + Tên viết tắt mới: PETROCONS.
- Thay đổi biểu tượng Logo theo bộ nhận diện thương hiệu mới của Tổng công ty phù hợp với quy định của Tập đoàn Công Nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn) về việc quản lý và sử dụng đồng bộ, thống nhất Thương hiệu/nhãn hiệu của Tập đoàn (Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-XLDK ngày 24/12/2025 về việc Phê duyệt Bộ nhận diện thương

hiệu PETROCONS và đã báo cáo Tập đoàn, được Tập đoàn đồng ý tại văn bản số 11902/CNNL-TT&VHDN ngày 31/12/2025).

- Sửa đổi địa chỉ trụ sở Tổng công ty, bỏ cấp Quận để phù hợp với quy định mới sau khi hoàn thành việc sáp nhập địa giới hành chính.
- Cập nhật một số ngành nghề kinh doanh chi tiết để phù hợp với Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp hiện hành và Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam. Đồng thời bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn hiện nay.

  Đối với nội dung này tại "*khoản 1 Điều 3. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty*" trong Điều lệ Tổng công ty; Do Tên/Thông tin chi tiết một số ngành nghề cũ/bổ sung có thể sẽ có sự sai khác sau khi cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ khi ra cơ quan Đăng ký doanh nghiệp, vì vậy sau khi ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT Tổng công ty sẽ cập nhật/bổ sung chi tiết các nội dung tại khoản 1 Điều 3 của Điều lệ phù hợp với Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận).
- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Điều để phù hợp với các văn bản sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các nghị định hướng dẫn thi hành, đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành của Pháp luật.

  (Chi tiết sửa đổi: Theo bản Tổng hợp tóm tắt các nội dung sửa đổi Điều lệ đính kèm)

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện các thủ tục hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ theo đúng quy định để triển khai thực hiện.

   (Nội dung Dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tờ trình này trong tài liệu Đại hội)

Kính trình Đại hội cổ đông PETROCONS xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Phần trang bìa	**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM** ******** **ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM** ***(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, ban hành tại Nghị quyết số 232/NQ-XLDK- ĐHĐCĐ ngày 02/10/2023)*** **Hà Nội, tháng 10 năm 2023**	**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM** ******** **ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM** ***(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số ...../NQ-XLDK- ĐHĐCĐ ngày ...../...../2026)*** **Hà Nội, tháng ..... năm 2026**	Phần trang bìa	Thay đổi Logo và tên, ngày tháng ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ. *Lý do:* Căn cứ chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn) tại văn bản số 8961/QĐ-CNNL ngày 09/10/2025, Tổng công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí Việt Nam (PETRROCONS) đã sửa đổi bộ nhận diện thương hiệu (Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-XLDK ngày 24/12/2025 về việc phê duyệt bộ nhận diện thương hiệu và đã đc Tập đoàn cho ý kiến tại văn bản số 11902/CNNL-TT&VHDN ngày 31/12/2025.
Phần mở đầu	Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, ban hành tại Nghị quyết số 232/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 02/10/2023.	Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số ...../NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ...../...../2026.	Phần mở đầu	Thay đổi và tên, ngày tháng ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ để phù hợp.
Điều 1. Định nghĩa	*c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.* *d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019.*	*c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.*** *d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.***	Điều 1. Định nghĩa	Bổ sung nội dung in đậm *Lý do:* Để tham chiếu đến tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành.

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	1. Tên Tổng công ty	1. Tên Tổng công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	Sửa đổi tên viết tắt tiếng Anh, biểu tượng Logo Tổng công ty *Lý do:* Đã nêu chi tiết ở trên, PETRROCONS đã sửa đổi bộ nhận diện thương hiệu.
	• Tên viết tắt tiếng Anh: **PETROCONs** •Biểu tượng Logo:	• Tên viết tắt tiếng Anh: **PETROCONS** •Biểu tượng Logo:		
	3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:	3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:		Sửa đổi địa chỉ trụ sở chính *Lý do:* Bỏ cấp Quận.
	• Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, **Quận Cầu Giấy,** Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	• Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.		
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là: • Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; • Xây dựng công trình công ích; • Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: - Xây dựng công trình thể thao ngoài trời; - Thi công các công trình giao thông, thủy lợi; ..... - Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;	1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là: • Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; • Xây dựng công trình công ích; - **Xây dựng công trình điện;** - **Xây dựng công trình cấp, thoát nước;** - **Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;** - **Xây dựng công trình công ích khác;** • Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: - **Xây dựng công trình thủy;** - **Xây dựng công trình khai khoáng;** - **Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;** - **Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:** + Xây dựng công trình thể thao ngoài trời; + Thi công các công trình giao thông, thủy lợi; ..... + Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	- Cập nhật các ngành nghề kinh doanh in đậm chi tiết cho mã ngành 422 (các mã ngành chi tiết 4221, 4222, 4223, 4229) và 429 (chi tiết 4291, 4292, 4293, 4299) *Lý do:* Để đầy đủ và phù hợp với GCN Đăng ký doanh nghiệp hiện nay của TCT.

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	• ..... • Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Kinh doanh bê tông thương phẩm; - Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, dầu khí; - Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng; • **Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp.** • Chuẩn bị mặt bằng: - Khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); - San lấp mặt bằng; • Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); • Sản xuất vật liệu xây dựng; • Sản xuất công nghiệp; • Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; • **Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp.**	• ..... • Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Kinh doanh bê tông thương phẩm; - Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, dầu khí; - Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng; • Chuẩn bị mặt bằng: - Khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); - San lấp mặt bằng; • Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); • Sản xuất vật liệu xây dựng; • Sản xuất công nghiệp; • Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; • **Khảo sát,** duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; • **Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại;** • **Sản xuất hóa chất cơ bản;** • **Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;** • **Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;** • **Tái chế phế liệu.**		- Bỏ một nội dung in đậm "Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng….công nghiệp". *Lý do:* Hai nội dung ghi trùng lặp trong Điều lệ - Dự kiến Bổ sung 5 ngành nghề kinh doanh in đậm, các mã ngành bổ sung tương ứng là 3822, 2011, 4679, 7120, 3830. *Lý do:* Để phối hợp với đối tác nước ngoài (Trung Quốc) tham gia Dự án Sản xuất và Lắp đặt hệ thống Khử xúc tác chọn lọc (SCR) cho Nhà máy Nhiệt điện. (***Ghi chú***: Đối với nội dung tại *"Khoản 1 Điều 3 – Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty"* trong Điều lệ TCT; Do Tên/Thông tin chi tiết một số ngành nghề cũ/bổ sung có thể sẽ có sự sai khác sau khi cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ khi ra cơ quan Đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN), vì vậy sau khi ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT Tổng công ty sẽ cập nhật/bổ sung chi tiết các nội dung trên phù hợp với Giấy chứng nhận ĐKDN sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên độc lập Hội đồng quản trị,** Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này; d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này; đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: ..... c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm **c khoản 3** Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này; d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này; đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: ..... c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm **d khoản 3** Điều này có quyền **yêu cầu** đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	- Bỏ nội dung in đậm tại điểm b, khoản 3 Điều này *Lý do:* Phù hợp với khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Nội dung này đã được nhắc đến ở điểm c, khoản 3 Điều này - Sửa nội dung in đậm ở điểm c, khoản 4 Điều này để khớp với quy định Pháp luật. *Lý do:* Do lỗi đánh máy điều lệ cũ

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty). **Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:** a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty). **3.** Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực **khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:** a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung in đậm, tách mục 2 thành mục 2 và 3, sửa lỗi để phù hợp với quy định. *Lý do:* Do lỗi đánh máy điều lệ cũ

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo thông tin trong Danh sách người sở hữu cuối cùng lập tại ngày Đăng ký cuối cùng hưởng quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do **Trung tâm lưu ký chứng khoán** cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng…	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo thông tin trong Danh sách người sở hữu cuối cùng lập tại ngày Đăng ký cuối cùng hưởng quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)** cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông….	Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung in đậm *Lý do:* Do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đã chính thức đổi tên và chuyển đổi mô hình hoạt động thành Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) kể từ ngày 02/08/2023
Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **dự họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **dự họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Sửa nội dung in đậm *Lý do:* Sửa đổi để phù hợp với khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022: Theo đó sửa đổi bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 21. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản ..... nội dung chủ yếu sau đây: ..... i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản ..... nội dung chủ yếu sau đây: ..... i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. **k.** Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.		Sửa nội dung in đậm, tách mục i thành hai đề mục i, k *Lý do:* Hai đề mục có nội dung khác nhau, tách để dễ tham chiếu và phù hợp với điểm i khoản 1 và khoản 4 Điều 150 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; **Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; được sửa đổi bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025** 5. **Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.**	Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung thêm nội dung in đậm và mục 5 vào sau mục 4 phù hợp với khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi bổ sung Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết Luật chứng khoán *Lý do:* PETROCONS là công ty đại chúng, ngoài đáp ứng theo Luật Doanh nghiệp, còn phải đáp ứng các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: **Tổng số** thành viên Hội đồng quản trị không điều hành **chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.** Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 01 (một) thành viên.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: **Số lượng** thành viên Hội đồng quản trị không điều hành **phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên**. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 01 (một) thành viên.	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa nội dung in đậm *Lý do:* Sửa đổi để phù hợp với khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết Luật chứng khoán
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp **và phiếu biểu quyết của thành viên.** Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.	Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Sửa nội dung in đậm *Lý do:* Sửa đổi để phù hợp Khoản 6 Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. 6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: ……	5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. **6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.** 7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều		Bổ sung nội dung in đậm vào sau khoản 5, sửa khoản 6 thành khoản 7. *Lý do:* Bổ sung theo Quy định tại Khoản 83 Điều 1 nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 theo đó sửa đổi, bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:		
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc **Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam.**	4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).**		Sửa tên nội dung in đậm *Lý do:* Do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đã chính thức đổi tên thành Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) kể từ ngày 02/08/2023
Điều 57. Ngày hiệu lực	1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, ban hành tại Nghị quyết số 232/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 02/10/2023 tại Hà Nội; được ban hành kèm theo Quyết định số 240/QĐ-XLDK ngày 05/10/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày ...../...../2026 tại Hà Nội; và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 57. Ngày hiệu lực	Sửa nội dung ngày tháng thông qua điều lệ

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
****

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số ...../NQ-XLDK- ĐHĐCĐ ngày ...../...../2026)

Hà Nội, tháng 5 năm 2026

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là cơ sở pháp lý quy định và chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số ...../NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ...../...../2026.

CHƯƠNG I.
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán của Tổng công ty và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

e. "Tổng công ty" là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Công ty mẹ trong tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, là một trong các hình thức của nhóm công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất - kinh doanh và đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn góp/đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.

f. "Nhóm các Doanh nghiệp Tổng công ty" là tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, bao gồm:

- Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty thành viên của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

g. "Công ty con của Tổng công ty" là các công ty có vốn góp của Tổng công ty và do Tổng công ty nắm giữ quyền chi phối. Công ty con được tổ chức dưới các hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, Tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.

h. "Công ty thành viên của Tổng công ty" là các doanh nghiệp do Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, có cổ phần, vốn góp chi phối, hoặc giữ quyền chi phối.

i. "Công ty liên kết của Tổng công ty" là công ty mà Tổng công ty sở hữu cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối và không do Tổng công ty giữ quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với Tổng công ty theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận và hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tổng công ty. Công ty liên kết của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hoạt động ở nước ngoài.

j. "Quyền chi phối" là quyền của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

k. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối" là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của một doanh nghiệp.

l. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

m."Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

n. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

o. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

p. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

q. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

r. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

• Tên tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

• Tên tiếng Anh:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

• Tên giao dịch: **PV CONSTRUCTION J.S.C**

• Tên viết tắt tiếng Anh: **PETROCONS**

• Biểu tượng Logo:



• Mã chứng khoán của Tổng công ty là: PVX

2. Tổng công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam và theo Điều lệ này.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

• Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

• Điện thoại: 024.37689291, 37689293, 37689294

• Fax: 024.37689290

• E-mail: info@petrocons.vn; info@pvc.vn

• Website: petrocons.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty: Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định nội dung này.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp.

5. Các chi nhánh và văn phòng đại diện của Tổng công ty:

Tổng công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với các quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III.
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình thể thao ngoài trời;
- Thi công các công trình giao thông, thủy lợi;
- Thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển), các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè, bến cảng;
- Đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng: Các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ;
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng;
- Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;

- Quảng cáo;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);

- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề);

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng;

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp.
- Kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Chi tiết:

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi;

- Gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp;

- Thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịp áp lực và hệ thống ống công nghệ;

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác;

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;

- Chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi:

- Đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;

- Đóng tầu vận tải dầu, khí, hóa chất (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp:

- Lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa, bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp;

- Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:

- Kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở;

- Kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật;

- Sản xuất bê tông thương phẩm;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:

- Kinh doanh bê tông thương phẩm;

- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, dầu khí;

- Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng;

- Chuẩn bị mặt bằng:

- Khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);

- San lấp mặt bằng;

- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);

- Sản xuất vật liệu xây dựng;

- Sản xuất công nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại;

- Sản xuất hóa chất cơ bản;

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

- Tái chế phế liệu.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là: Phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động xây lắp chuyên ngành dầu khí, sản xuất, đầu tư và dịch vụ trong

các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình và các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật; đổi mới tổ chức sản xuất, công tác quản lý, quản trị Tổng công ty, khai thác tối đa các nguồn lực của Tổng công ty, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1.Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV.
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

2. Tổng công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Vào ngày thông qua Điều lệ này tất cả các cổ phần của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban Kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI.
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c.Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Đối với yêu cầu tại điểm b và điểm c khoản này, yêu cầu cổ đông/nhóm cổ đông phải lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra (áp dụng đối với điểm c);

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Tổ chức là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm

được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: i) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này; ii) trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách "tổ chức kiểm toán được chấp thuận"; quyết định "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách "tổ chức kiểm toán được chấp thuận"; quyết định "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, Điều 18 và 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo thông tin trong Danh sách người sở hữu cuối cùng lập tại ngày Đăng ký cuối cùng hưởng quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm

dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập và thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a.Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a.Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b.Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

k. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VII.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01(một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 (bốn) thành viên, từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; được sửa đổi bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

5. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 24. Thành phầnvà nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên.

Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 01 (một) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho

từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực

hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, khi một trong số các đối tượng dưới đây yêu cầu:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị ;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ¾ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII.
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX.
BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 50% trở lên được đề cử 03 thành viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: i) phê duyệt danh sách "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; ii) Quyết định "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty; iii) bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng

công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực

hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho Người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Trích lập quỹ: Tổng công ty trích lập các quỹ (quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, các quỹ khác) theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty thực hiện tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Hàng năm Tổng công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo nội dung và kế hoạch kiểm toán được Tổng giám đốc phê duyệt.

2. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" hoặc thông qua danh sách "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Giải thể công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Tổng công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần (30 ngày làm việc) từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI.
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày ……../……./2026 tại Hà Nội; và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty
Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật trong đó có Luật Doanh nghiệp; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các Luật;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Nhằm đảm bảo Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty phù hợp với Quy định Pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty sau sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua; Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty như sau:

1. Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty

Nội dung sửa đổi theo bản *"Tổng hợp tóm tắt các nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị"* kèm theo Tờ trình này.

Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty bao gồm 6 Chương, 77 Điều; đảm bảo tuân thủ đúng Quy định Pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.

(Đính kèm Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty)

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Nội dung sửa đổi theo bản *"Tổng hợp tóm tắt các nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị"* kèm theo Tờ trình này.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty bao gồm 7 Chương, 28 Điều; đảm bảo tuân thủ đúng Quy định Pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.

(Đính kèm Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty)

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao Hội đồng quản trị Tổng công ty ký quyết định ban hành Quy chế theo quy định để triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội cổ đông PETROCONS xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Phần căn cứ	*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;* *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;* *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ……;* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua* ***ngày 30/06/2021;*** *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số* ***148/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 30/06/2021;***	*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ……;* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;* *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số* ***……/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ……/……/2026;***	Phần căn cứ	Sửa đổi, bổ sung nội dung in đậm. *Lý do:* Để tham chiếu đến tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành và phù hợp với Điều lệ sau khi cập nhật sửa đổi và được ĐHĐCĐ thông qua.
Điều 2. Giải thích từ ngữ	5. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020; 6. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;	5. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 **và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.** 6. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 **và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;**	Điều 2. Giải thích từ ngữ	Bổ sung nội dung in đậm *Lý do:* Để tham chiếu đến tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành.
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không	1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, **sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán** của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp	Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	Bổ sung nội dung in đậm *Lý do:* Để phù hợp với khoản 21 Điều 1 – Luật 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 theo đó sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 141

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
	quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.		Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020)
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin **chậm nhất** 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. 2. Tổng công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với **Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)** theo Quy chế thực hiện quyền do **VSD** ban hành.	1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin **tối thiểu** 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. 2. Tổng công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)** theo Quy chế thực hiện quyền do **VSDC** ban hành.	Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	- Mục 1, sửa nội dung in đậm *Lý do:* Phù hợp với quy định tại khoản 1 – Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết Luật chứng khoán. - Mục 2, sửa nội dung in đậm *Lý do:* Do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đã chính thức đổi tên và chuyển đổi mô hình hoạt động thành Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) kể từ ngày 02/08/2023
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông a. Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp: - Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông **hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết**, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.	2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông a. Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp: - Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông. **Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết** trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.	Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa lại mục in đậm. *Lý do:* Sửa lại để đầy đủ và phù hợp với mục a, khoản 1 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	1. Nguyên tắc chung: - Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; - Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. - Hình thức bỏ phiếu bầu cử: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;	1. Nguyên tắc chung: - Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; - Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Hình thức bỏ phiếu bầu cử: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết **hoặc một phần** tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;	Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	Sửa nội dung in đậm *Lý do:* Phù hợp với Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 28 quy chế này
Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	1. Cơ cấu Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành **tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị**. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là có tối thiểu 01 (một) thành viên. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.	1. Cơ cấu Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành **phải đảm bảo có tối thiểu 1 thành viên**. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là có tối thiểu 01 (một) thành viên. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp; **Quy định tại Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; được sửa đổi bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.**	Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	- Mục 1 Sửa nội dung in đậm *Lý do:* Sửa đổi để phù hợp với khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 theo đó sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết Luật chứng khoán - Mục 2: Bổ sung nội dung in đậm. *Lý do:* PETROCONS là công ty đại chúng, ngoài đáp ứng theo Luật Doanh nghiệp, còn phải đáp ứng các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Điều 31. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	4. Trường hợp trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông 01 (một) ngày, số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau: - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này; - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua; - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.	4. Trường hợp trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông 01 (một) ngày, số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau: - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này; - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua; - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, **Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.**	Điều 31. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung thêm nội dung in đậm để đầy đủ. *Lý do:* PETROCONS là công ty đại chúng, ngoài đáp ứng theo Luật Doanh nghiệp, còn phải đáp ứng các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành
Điều 54. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	Thực hiện theo quy định tại **khoản 1, khoản 2** Điều 34 Điều lệ Tổng công ty	Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Tổng công ty	Điều 54. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	Bỏ nội dung in đậm. *Lý do:* Để thực hiện quy định tại Điều 34 Điều lệ (bao gồm 3 khoản mục).
Điều 77. Hiệu lực thi hành	Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 77 (bảy mươi bảy) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/07/2021.**	Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm **6 (sáu) Chương,** 77 (bảy mươi bảy) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày **……/……/2026.**	Điều 77. Hiệu lực thi hành	Sửa nội dung in đậm. *Lý do:* Để đầy đủ và phù hợp với ngày tháng ban hành.

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Phần căn cứ	*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;* *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;* *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ... .;* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/06/2021;* *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK* ***ngày 30/06/2021****;* Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (**PVC**/ Tổng công ty) bao gồm các nội dung sau:	*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính .....;* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;* *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số* ***...../NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ...../...../2026;*** Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (**PETROCONS**/ Tổng công ty) bao gồm các nội dung sau:	*Phần căn cứ*	Sửa đổi, bổ sung nội dung in đậm. *Lý do:* Để tham chiếu đến tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành và phù hợp với Điều lệ sau khi cập nhật sửa đổi và được ĐHĐCĐ thông qua. Thay đổi tên viết tắt của Tổng công ty

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên HĐQT	4. Số lượng Thành viên độc lập HĐQT là 01(một) người. Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các Thành viên độc lập HĐQT.	4. **Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên.** Số lượng Thành viên độc lập HĐQT là 01(một) người. Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các Thành viên độc lập HĐQT.	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên HĐQT	Bổ sung nội dung in đậm *Lý do:* Sửa đổi để phù hợp với khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết Luật chứng khoán. - Phù hợp với Khoản 3 Điều 24 Điều lệ sau sửa đổi
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; c) Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là Thành viên HĐQT của công ty khác; d) Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.	1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; c) Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là Thành viên HĐQT của công ty khác; **Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;** d) Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	Bổ sung thêm nội dung in đậm (khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi bổ sung Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) *Lý do:* PETROCONS là công ty đại chúng, ngoài đáp ứng theo Luật Doanh nghiệp, còn phải đáp ứng các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Đồng thời sửa để phù hợp với Khoản 4, Khoản 5 Điều 23 Điều lệ sau sửa đổi.

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	1. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b) Số lượng Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	1. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b) Số lượng Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; **c) Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;** **d)** Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp **và khoản 3 Điều 10 của Điều lệ;** yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; **đ)** Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; **e)** Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	- Bổ sung thêm nội dung in đậm điểm c (sau điểm b) khoản 1 Điều này. *Lý do:* Để phù hợp với khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty và Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 - Bổ sung thêm nội dung in đậm **"và khoản 3 Điều 10 của Điều lệ"** vào điểm c, đổi tên điểm c thành điểm d. *Lý do:* Phù hợp với điểm d, khoản 3, Điều 12 Điều lệ Tổng công ty. - Thay đổi tên các điểm (c,d,đ thành d, đ, e) tịnh tiến theo điểm bổ sung.

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY				
Điều 16. Biên bản họp HĐQT	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**	Điều 16. Biên bản họp HĐQT	Bổ sung thêm nội dung in đậm. *Lý do:* Sửa đổi để phù hợp với khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022: Theo đó sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Điều 28. Hiệu lực thi hành	Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 Chương, 28 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 01/07/2021.**	Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 (bảy) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều và có hiệu lực thi hành kể **từ ngày / /2026.**	Điều 28. Hiệu lực thi hành	Sửa ngày tháng có hiệu lực thi hành

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 2026

Số: /QĐ-XLDK

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ……../NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ……/……/2026;

Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổng công ty: là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty;

3. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

4. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

5. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

6. Luật chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

7. Đại hội trực tuyến: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

8. Đại hội truyền thống: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông có thể tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Hệ thống trực tuyến: là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Tổng công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.

10. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc đợt lấy ý kiến bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

11. Bỏ phiếu truyền thống: là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Tổng công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế này mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1
Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách "tổ chức kiểm toán được chấp thuận"; quyết định "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Mục 2

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Tổng công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo Quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 2 Điều này chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do, trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Tổng công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Điều 9. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

Đối với ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức tùy theo quyết định của người triệu tập Đại hội. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo.

2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

a. Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông. Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

b. Đối với Đại hội trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Tổng công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Quy chế này và có nghĩa vụ:

+/ Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ theo quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.

+/ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và

biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+/ Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

c. Đối với Đại hội tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a) và b) khoản này:

- Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này.

- Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông quy định tại điểm b khoản này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Tổng công ty tổ chức đăng ký cổ đông như quy định đối với cổ đông đến dự họp trực tiếp.

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

Đối với mỗi hình thức tổ chức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:

- Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);

- Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập Đại hội đồng cổ đông quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết theo phương thức truyền thống đối với cổ đông đến /ủy quyền dự họp trực tiếp:

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem là không hợp lệ. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 (một) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban

kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là phiếu không hợp lệ.

b. Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp trong Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến cho từng vấn đề biểu quyết.

- Cổ đông có thể biểu quyết bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại Đại hội theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Trường hợp Tổng công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức (bỏ phiếu truyền thống và bỏ phiếu điện tử), cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả 2 hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

4. Hình thức biểu quyết cụ thể sẽ được thực hiện theo Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung:

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

- Hình thức bỏ phiếu bầu cử: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Nguyên tắc trúng cử:

+/ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+/ Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+/ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

2. Trường hợp bầu cử tại cuộc họp trực tiếp:

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

3. Trường hợp bầu cử theo hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến hoặc kết hợp giữa bỏ phiếu truyền thống và bỏ phiếu điện tử: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến cho nội dung cần bầu cử. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện bầu cử đối với nội dung bị khóa. Các quy định khác tương tự như đối với bỏ phiếu biểu quyết được quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

a. Trường hợp biểu quyết theo phương thức truyền thống:

- Đối với thẻ biểu quyết, việc biểu quyết được tiến hành bằng cách số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm

tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- Đối với phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được ban tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc số phiếu bầu.

- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

b. Trường hợp bỏ phiếu điện tử hoặc kết hợp giữa bỏ phiếu truyền thống và bỏ phiếu điện tử:

- Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu điện tử hoặc tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu.

- Kết quả kiểm phiếu là tổng hợp của kết quả bỏ phiếu điện tử hoặc tổng hợp của kết quả bỏ phiếu truyền thống và bỏ phiếu điện tử.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Quy định cụ thể việc yêu cầu mua lại của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Mục 3

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm cả các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 22. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 24. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Mục 2

Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo có tối thiểu 1 thành viên. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là có tối thiểu 01 (một) thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Quy định tại Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; được sửa đổi bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

Điều 27. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.

b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 31. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Tổng công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử.

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Quy chế này.

4. Trường hợp trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông 01 (một) ngày, số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Danh sách ứng viên do Hội đồng quản trị đề cử chỉ có hiệu lực và được Hội đồng quản trị công bố khi số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

Mục 4

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 34. Số lượng cuộc họp

Hội đồng quản trị họp tối thiểu mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 35. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 36. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 37. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 38. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 39. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 40. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 41. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trịđược ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 42. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 43. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 44. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo/công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Mục 5
Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 45. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

Mục 6
Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Điều 47. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trịTổng công ty

Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trịTổng công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV
BAN KIỂM SOÁT

Mục 1
Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

Điều 51. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Vai trò của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hànhTổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát: quy định tại Điều 37 Điều lệ Tổng công ty.

3. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 Điều lệ Tổng công ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Mục 2
Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Điều 52. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 54. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 55. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng

cử Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 57. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 58. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Tổng công ty

Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V
TỔNG GIÁM ĐỐC

Mục 1
Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Vai trò của Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày củaTổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệTổng công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 Điều lệ Tổng công ty.

Mục 2
Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Điều 61. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.

Điều 63. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 (ba mươi) ngày. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

3. Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra các trường hợp: chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, tự ý bỏ nhiệm sở, vi phạm Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày.

Điều 64. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 65. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1
Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 66. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp các cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại điều 28 Điều lệ Tổng công ty và Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể cử một người trong số họ hoặc một người khác làm thư ký cuộc họp để thực hiện ghi biên bản cuộc họp.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng giám đốc có thể được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia phát biểu ý kiến (nếu được yêu cầu) nhưng không được biểu quyết.

Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 68. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 69. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a. Ban Kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty của Thành viên Ban Kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty và điểm d, Khoản 1, Điều 73 Quy chế này nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 4, Điều 33 Điều lệ Tổng công ty không được thực thi.

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của những người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng

quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

b. Đề xuất tuyển dụng người điều hành khác của Tổng công ty;

c. Lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho Người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

d. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

đ. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Tổng công ty.

Điều 70. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị ủy quyền.

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 71. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 70 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.

Điều 72. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

a. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông

lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Tổng công ty, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành;

b. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với Tổng giám đốc/Người điều hành khác hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

c. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi chậm nhất trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng giám đốc. Sửa lại ngày cho phù hợp quy chế phối hợp;

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban Kiểm soát:

a. Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

b. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 73. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Thành viên Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Tổng công ty. Tùy theo mức

độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên Ban Kiểm soát đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty thì Ban Kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc: Ban Kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát:

a. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Tổng công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban Kiểm soát phải được gửi đến Tổng công ty trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban Kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Tổng công ty của Ban Kiểm soát phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất 07 (bảy) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữaTổng giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 (bảy) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Tổng công ty, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 Quy chế này, Hội đồng quản trị phải nhận được trước ít nhất là 07 (bảy) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

Mục 2

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 74. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tổng công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v….

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Thành viên Ban Kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 75. Khen thưởng

1. Đối tượng: Tổng giám đốc và các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

2. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi củaTổng công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 76. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 6 (sáu) Chương, 77 (bảy mươi bảy) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ……/……./2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số: /QĐ-XLDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ……/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ……/……/2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/ Tổng công ty) bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các Thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các Thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT (HĐQT)

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng

công ty với công ty trong đó Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Trưởng/Giám đốc các Phòng/Ban trực thuộc Tổng công ty, Giám đốc Chi nhánh, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Doanh nghiệp khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên HĐQT

1. HĐQT có 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT không quá 05 năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên độc lập HĐQT không làm quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả Thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là Thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên. Số lượng Thành viên độc lập HĐQT là 01(một) người. Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các Thành viên độc lập HĐQT.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c) Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là Thành viên HĐQT của công ty khác; Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

d) Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

2. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp Thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các Thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ Thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế Thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Số Thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Số lượng Thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này;

c) Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra sự việc.

d) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b và điểm c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế Thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 (bốn) thành viên, từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

c) Căn cứ số lượng Thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại điểm b khoản 1 điều này làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQTvà các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới

thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm Thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35%tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở Doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi Thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp (bao gồm: thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty).

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ

ngày nhận được thông báo; Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 của Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng Thành viên HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc HĐQT.

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các Thành viên độc lập HĐQT/Thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc Thành viên độc lập HĐQT;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai)Thành viên HĐQT;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp họp bất thường). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các Thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số Thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số Thành viên HĐQT chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

13. Do điều kiện công tác của các thành viên HĐQT mà không thể tổ chức họp được nhưng xét thấy yêu cầu cấp thiết vì lợi ích của Tổng công ty, HĐQT có quyền lấy phiếu ý

kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, quyết định của Tổng công ty.

14. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình.

15. Tất cả các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp HĐQT hoặc trên phiếu lấy ý kiến. Trường hợp Chủ tịch/Thành viên phụ trách HĐQT ký Nghị quyết, Quyết định nhưng không tán thành nội dung thì phải có ý kiến bảo lưu.

16. Căn cứ yêu cầu nội dung cụ thể của từng cuộc họp, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và lãnh đạo các Ban chức năng liên quan của Tổng công ty có thể được mời dự họp.

Điều 16. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt.

Điều 17. Phiếu lấy ý kiến của HĐQT bằng văn bản

a. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các tài liệu kèm theo để giải trình dự thảo Nghị quyết, Quyết định và gửi cho các thành viên HĐQT.

- Các Thành viên HĐQT có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được tài liệu. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- Phiếu lấy ý kiến đã trả lời của các Thành viên HĐQT phải được lưu giữ cùng bộ hồ sơ tại trụ sở chính Tổng công ty.

b. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 18. Nghị quyết, Quyết định, công văn của HĐQT

- HĐQT ban hành Nghị quyết khi thông qua chủ trương, đường lối và những vấn đề mang tính định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- HĐQT ban hành các Quyết định về các vấn đề trực tiếp giải quyết thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký và ban hành Nghị quyết, Quyết định, Công văn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt, Thành viên HĐQT khác ký văn bản HĐQT khi có ủy quyền của Chủ tịch HĐQT hoặc theo phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

Điều 19. Tổ chức triển khai Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

1. Chậm nhất sau 03 (ba) ngày kể từ khi cuộc họp HĐQT kết thúc hoặc hết thời hạn trả lời trong phiếu lấy ý kiến, Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ dự thảo xong các văn bản liên quan để trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành. Văn thư Tổng công ty tiếp nhận bản chính để thực hiện nhân bản, đóng dấu phát hành trong thời gian cùng ngày sau khi văn bản được ký theo quy định về công tác văn thư. 01 (một) bản gốc của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được lưu tại văn thư của Tổng công ty.

2. Nghị quyết của HĐQT được gửi tới từng thành viên HĐQT và lãnh đạo Tổng công ty. Căn cứ yêu cầu quản lý, Thư ký Tổng công ty thực hiện thông báo toàn văn hoặc trích nội dung Nghị quyết để gửi các Ban hoặc đơn vị thành viên liên quan để tổ chức thực hiện.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên HĐQT

Thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 23. Mối quan hệ giữa các Thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các Thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, Thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các Thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các Thành viên HĐQT thì các Thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định.

2.HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng giám đốcTổng công ty. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Tổng công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác,… do Tổng giám đốcTổng công ty chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.

3. Hàng năm, nếu cần thiết, HĐQT có kế hoạch làm việc với các đơn vị trong Tổng công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các

nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. HĐQT sử dụng các phòng ban chức năng và/ hoặc các chuyên viên của Tổng công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.

5. Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế phối hợp do HĐQT ban hành trên cơ sở thống nhất nội dung giữa HĐQT và Tổng giám đốc.

6. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Tổng công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

7. HĐQT sử dụng con dấu của Tổng công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Tổng công ty và/ hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Tổng công ty.

8. Văn thư Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu, công văn giao dịch đi và đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Tổng công ty.

9. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu phải được quản lý riêng.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. HĐQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của Ban Kiểm soát Tổng công ty, đồng thời tạo điều kiện để Ban Kiểm soát Tổng công ty tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.

4. Ban Kiểm soát Tổng công ty thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và chịu trách nhiệm về các nội dung thẩm định, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Điều 26. Quan hệ làm việc với tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng công ty thực hiện tốt chức năng của các tổ chức này tại Tổng công ty.

2. HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc Tổng công ty ký thỏa ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty và có cơ chế để ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Tổng công ty.

Điều 27. Quan hệ làm việc với cổ đông

1. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Tổng công ty bằng việc công bố các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, cung cấp thường xuyên những thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm đảm bảo tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Tổng công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

3. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 (bảy) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty
Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật trong đó có Luật Doanh nghiệp; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các Luật;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Nhằm đảm bảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty phù hợp với Quy định Pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty sau sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua; Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty như sau:

Nội dung sửa đổi theo bản *"Tổng hợp tóm tắt các nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát"* kèm theo Tờ trình này.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty bao gồm 7 Chương, 22 Điều; đảm bảo tuân thủ đúng Quy định Pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.

(Đính kèm Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty)

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao Ban Kiểm soát Tổng công ty ký quyết định ban hành Quy chế theo quy định để triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội cổ đông PETROCONS xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT PETROCONS;
- Lưu: VT, BKS, PC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Hứa Xuân Nam

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT				
Phần căn cứ	*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;* *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;* *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ... .;* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua* ***ngày 30/06/2021;*** *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số* ***148/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 30/06/2021;***	*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;*** *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính .....;* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;* *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số* ***...../NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ...../...../2026;***	Phần căn cứ	Sửa đổi, bổ sung nội dung in đậm. *Lý do:* Để tham chiếu đến tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành và phù hợp với Điều lệ sau khi cập nhật sửa đổi và được ĐHĐCĐ thông qua.
Điều 22. Hiệu lực thi hành	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/07/2021.	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 (bảy) Chương, 22 (hai mươi hai) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...../...../2026.	Điều 22. Hiệu lực thi hành	Sửa ngày tháng có hiệu lực thi hành

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /QĐ-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ……../NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày …../……/2026;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các Thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban Kiểm

soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

f. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; Việc đề cử ứng cử viên Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo khoản 2 Điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

b. Căn cứ số lượng Thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo

quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây: Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

a. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

b.Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông

tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu

kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các Thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông

hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Thành viên Ban Kiểm soát

Các Thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 (bảy) Chương, 22 (hai mươi hai) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày …/…/2026.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Hứa Xuân Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /TTr-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Căn cứ Văn bản đề cử/ứng cử ứng viên bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam của các cổ đông/nhóm cổ đông và Báo cáo ứng cử, đề cử của Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Hiện nay, Tổng công ty có 03 Thành viên Hội đồng quản trị và 01 Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2021-2026. Để kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định, Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, bầu nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT : 03 thành viên
- Nhiệm kỳ : 5 năm (2026-2031)

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên BKS : 01 thành viên
- Nhiệm kỳ : 5 năm (2026-2031)

(Danh sách các ứng viên bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được báo cáo trực tiếp tại Đại hội).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/202 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo nội dung dưới đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam "VSDC" chốt ngày 28/4/2026).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Ban Kiểm soát (BKS)

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên tại quá 05 Công ty khác;

d) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT

Ngoài đáp ứng các quy định tại Khoản 2.1 nêu trên, thành viên độc lập HĐQT còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

e) Không phải là người đã từng làm Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

2.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 3. Đề cử ứng cử viên HĐQT/BKS và số thành viên được bầu

3.1. Đề cử ứng cử viên HĐQT/BKS

a) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2026) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

b) Số lượng được đề cử ứng viên vào HĐQT/BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể:

- *Đề cử ứng cử viên HĐQT*

✓ Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01(một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 (bốn) thành viên, từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên;

✓ Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- *Đề cử ứng cử viên BKS*

✓ Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 50% trở lên được đề cử 03 thành viên;

✓ Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3.2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử vào HĐQT/BKS

a) Đơn/Phiếu ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT/BKS (Theo mẫu);

b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (Theo mẫu);

c) Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu;

d) Bản sao hợp lệ các văn bằng chứng nhận trình độ văn hóa, chuyên môn;

e) Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng viên được nhóm ủy quyền đề cử);

f) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thực hiện đề cử/ứng cử theo quy định.

❖ **Lưu ý:** Người được đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác trung thực của nội dung hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

3.3. Số lượng thành viên HĐQT/BKS được bầu

a) Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là hai (02) thành viên.

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là một (01) thành viên.

c) Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, BKS là: 05 năm (2026-2031).

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1. Danh sách ứng cử viên HĐQT/BKS

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

a) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông được phát đồng thời:

- Một (01) phiếu bầu thành viên HĐQT (màu xanh) theo mã số tham dự tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền;
- Một (01) phiếu bầu thành viên BKS (màu hồng) theo mã số tham dự tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền;

b) Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu biểu quyết theo mã số tham dự;

c) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

d) Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

4.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

a) Phiếu không theo mẫu quy định của Tổng công ty, không có dấu của Tổng công ty;

b) Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

c) Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông/đại diện cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông;

d) Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

Điều 5. Phương thức bầu cử

a) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS thực hiện trực tiếp bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

b) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Điều 6. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
- Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
- Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

c) Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/BKS;

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/BKS

- Thành viên HĐQT/BKS trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

a) Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT/BKS;

b) Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 09 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL INDUSTRY - ENERGY GROUP
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Số : /BB-ĐHĐCĐ-XLDK
No: /BB-DHDCD-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom-Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ha Noi, May 28 , 2026

DỰ THẢO/ *DRAFT*

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
MINUTES OF MEETING OF THE 2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP/*COMPANY INFORMATION*

- Tên công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
  Company name: PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500102365 thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025.
  Business Registration Certificate No. 3500102365, the 23rd revision on November 13, 2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
  Head office: 14th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167, Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2026 tại Tầng 12 - Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, , Thành phố Hà Nội,Việt Nam; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) được tiến hành với các nội dung sau:

Today, at ....hour.....minutes on May 28, 2026, at the 12th Floor - Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167, Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam; the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation (the Corporation/PETROCONS) is held with the following contents:

A. PHẦN THỨ NHẤT: KHAI MẠC, THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP PHÁP HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PART I: OPENING, PARTICIPANTS, LEGALITY OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

1. Khai mạc Đại hội đồng cổ đông/ *Opening of the General Meeting of Shareholders*

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuyên bố lý do khai mạc Đại hội và giới thiệu khách mời tham dự:

The Organizing Committee of the General Meeting of Shareholders announces the reason for opening the General Meeting and introduced the invited guests:

❖ Ông, Bà đại diện cho các cổ đông chiến lược, các đối tác của Tổng công ty gồm:
The representative of the Strategic shareholders and partners of the Corporation, including:

+ Đại diện Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

Representative of Vietnam National Industry - Energy Group.

+ Đại diện.....

Representative.....

❖ Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam gồm các Ông/Bà:
Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation including:

+ Các thành viên Hội đồng quản trị

Members of the Board of Directors.

+ Các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng công ty/.

Members of the Board of Management.

+ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty.

Head of the Board of Supervisors.

+ Trưởng các Ban/Phòng/Văn phòng Đảng đoàn thể.

Heads of Departments/Divisions/Party Offices - Mass organizations.

2. Thành phần tham dự, tính hợp pháp hợp lệ của Đại hội

Participants, legality and validity of the General Meeting of Shareholders

Đại hội đã nghe Ông ..... – Phụ trách Ban Tổ chức hành chính Tổng công ty, Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

The attendees listened to the Minutes of the Shareholder Qualification Examination Board presented by Mr. ..... – Head of the Organization-Administration Department, Head of the Shareholder Qualification Examination Board to attend the Congress.

Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là ..... cổ đông, sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương ..... cổ phần. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (ngày đăng kí cuối cùng là ngày 28/4/2026) của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Total number of shareholders entitled to attend the 2026 Annual General Meeting of Shareholders is ..... shareholders, owning ..... voting shares in total. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting is specified in the List of

securities owners (The last registration date is April 28, 2026) of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

Tổng số cổ đông có mặt tham dự trực tiếp và ủy quyền tại Đại hội: ..... cổ đông, sở hữu ..... cổ phần chiếm ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của PETROCONS.

The total number of shareholders present in person and authorized to attend the General Meeting: ..... shareholders, owning ..... shares accounting for ..... % of the total number of voting shares of PETROCONS.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PETROCONS hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

According to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14, the organizational and operational charter of PETROCONS, the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of PETROCONS is legal, valid and meets all prescribed conditions to be held.

3. Đại hội thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu

The General Meeting approves the Presidium, Secretariat and Vote Counting Committee

Để điều hành Đại hội, giúp việc Đoàn Chủ tịch ghi chép Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kiểm phiếu các nội dung thông qua tại Đại hội, Đại hội đã thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

To run the General Meeting, assist the Presidium in recording the Minutes and Draft Resolutions of the General Meeting of Shareholders and counting votes for the contents passed at the Meeting, the Congress approved the members of the Presidium, Secretariat and Vote Counting Committee by raising voting cards with a confirmative vote rate of .....% of the total number of voting shares.

❖ Đoàn Chủ tịch gồm 05 thành viên sau:

The Presidium consists of the following 05 members:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa

  Mr. Nghiem Quang Huy - Chairman of the Board of Directors - Chairman

+ Ông Phạm Văn Khánh - Thành viên độc lập HĐQT - Thành viên

  Mr. Pham Van Khanh - Independent member of the Board of Directors - Member

+ Ông Trần Hải Bằng - Thành viên HĐQT - Thành viên

  Mr. Tran Hai Bang - Member of the Board of Directors - Member

+ Ông Chu Thanh Hải - Thành viên HĐQT - Thành viên

  Mr. Chu Thanh Hai - Member of the Board of Directors - Member

+ Ông Nguyễn Hoài Nam - Thành viên HĐQT - Thành viên

Mr. Nguyen Hoai Nam - Member of the Board of Directors - Member

❖ Ban Thư ký gồm 02 thành viên sau:

The Secretariat consists of the following 02 members:

+ Ông Nguyễn Phương Nam - Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm Thư ký Tổng công ty - Trưởng ban

Mr. Nguyen Phuong Nam - Person in charge of Corporate Governance & Secretary of the Corporation - Head of the Secretariat

+ Bà Nguyễn Thị Giang - Thành viên

Ms. Nguyen Thi Giang - Deputy Head of the Department of Investment Plan & Restructuring - Member

❖ Ban Kiểm phiếu gồm 06 thành viên sau:

The Vote Counting Committee consists of the following 08 members:

+ Ông Lê Mạnh Hà - Phụ trách Ban TCHC - Trưởng Ban

Mr. Le Manh Ha - Head of the Organization-Administration Department – Head of the Department

+ Ông Nguyễn Phương Nam - Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiêm Thư ký Tổng Công ty - Phó ban Thường trực

Mr. Nguyen Phuong Nam - Person in charge of Corporate Governance & Secretary of the Corporation - Deputy Head of the Department.

+ Bà Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên Ban KTTM - Thành viên (Đại diện cổ đông)

Ms. Nguyen Phuong Thao - Official of the Economic and Trade Department - Member (Representative of the Shareholder)

+ Ông Đỗ Anh Thủy - Phó trưởng Ban TCHC - Thành viên

Mr. Do Anh Thuy - Deputy Head of the Organization- Administration Department - Member

+ Bà Lương Thị Yến - Thư ký HĐQT - Thành viên

Ms. Luong Thi Yen - Secretary of the Board of Directors - Member

+ Bà Dương Thị Vân Trang - Chuyên viên Ban KHĐT&TCC - Thành viên

Ms. Duong Thi Van Trang - Official of the Department of Investment Plan & Restructuring - Member

4. Thông qua Chương trình Đại hội

Adoption of the Meeting Agenda

Đại hội đã nghe Ông ..... - Thành Viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, thành viên Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PETROCONS.

The Meeting listened to the Agenda of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of PETROCONS presented by Mr. ..... - Member of the Board of Directors of the Corporation, member of the Presidium.

Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là **..... %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

The Meeting approved the Agenda of the General Meeting of Shareholders by raising voting cards with the confirmative vote rate of .....% of the total number of voting shares.

Chương trình Đại hội/*Meeting agenda*

Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT;

Content 1: *Report on The 2025 Operation of the Board of Directors and the 2026 Operation Plan. Report on The Operation of the Board of Directors by the Independent Member of the Board of Directors;*

Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Content 2: *Report on The 2025 production and business results and the 2026 production and business plan.*

Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026;

Content 3: *The 2025 Operation Report of the Board of Supervisors and the 2026 Operation Plan.*

Nội dung 4: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;

Content 4: *Proposal on approving the 2025 Audited Financial Statements and the 2025 Profit Distribution Plan.*

Nội dung 5: Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

Content 5: *Proposal on selecting the Auditing Firm for 2025 Financial Statements;*

Nội dung 6: Tờ tình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

Content 6: *Proposal on settling the 2025 salary and remuneration and the 2026 salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Board of Supervisors.*

Nội dung 7: Tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS;

Content 7: *Proposal for approval of PETROCONS' 5-year Business and Production Plan for the 2026-2030 period;*

Nội dung 8: Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh của PETROCONS;

Content 8: *Proposal on adding business lines to PETROCONS' operations;*

Nội dung 9: Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS;

Content 9: *Proposal on the amendment of PETROCONS' Charter of Organization and Operation;*

Nội dung 10: Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

Content 10: *Proposal on the Amendments to the Internal Regulations on Corporate Governance and the Regulations on the Operations of the Board of Directors;*

Nội dung 11: Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Content 11: *Proposal on Amending the Supervisory Board's Operational Regulations;*

Nội dung 12: Tờ trình về công tác nhân sự Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Content 12: *Proposal on personnel affairs of the Board of Directors/ Board of Supervisors under the authority of the General Meeting of Shareholders.*

Election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors.

5. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội/*Adoption of the regulations on organizing the Meeting*

Đại hội đã nghe Ông ..... – Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Thành viên Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PETROCONS.

The Meeting listened to the Regulations on organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of PETROCONS presented by Mr. …… – Member of the Board of Directors of the Corporation, Member of the Presidium.

Đại hội đã thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là **……. %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

The Meeting approved the Regulations on organizing the General Meeting of Shareholders by raising voting cards with the confirmative vote rate of ……. % of the total number of voting shares.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của PETROCONS (Chi tiết đính kèm).

Regulations on organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of PETROCONS *(For details, see the attached documents).*

B. PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

PART II: REPORTS, PROPOSAL

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PETROCONS đã triển khai các nội dung sau:

PETROCONS' 2026 Annual General Meeting of Shareholders has implemented the following contents:

1. Ông ……..…….. – …….. trình bày Báo cáo số ……/BC-XLDK ngày……. về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Ông …… - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty trình bày Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT.

   (Chi tiết Báo cáo kèm theo).

   Mr. …… – …… presented the Report No. ……/BC-XLDK dated…… on The 2025 Operation of the Board of Directors and the 2026 Operation Plan. Mr. …… - Independent Member of the Board of Directors of the Corporation presented Report on The Operation of the Board of Directors by the Independent Member of the Board of Directors.
   (For details, see the attached Report).

2. Ông ……..……– …… trình bày Báo cáo số ……/BC-XLDK ngày….. về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

   (Chi tiết Báo cáo kèm theo).

   Mr. ……– …… presented the Report No. ……/BC-XLDK dated….. ……on The 2025 production and business results and the 2026 production and business plan.

(For details, see the attached Report).

3. Ông ……..…….. – …… trình bày Báo cáo số ……../XLDK-BKS ngày….. của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.

(Chi tiết Báo cáo kèm theo).

Mr. ……..– …… presented the Report No. ……../XLDK-BKS dated…… on The 2025 Operation Report of the Board of Supervisors and the 2026 Operation Plan.

(For details, see the attached Report).

4. Ông ……..……..– …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày ……. về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. ……..– …… presented the Proposal No. ……../TTr-XLDK dated ……. on approving the 2025 Audited Financial Statements and the 2026 Profit Distribution Plan.

(For details, see the attached Proposal).

5. Ông ……..– …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày……. về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……../TTr-XLDK dated……. on selecting an Auditing Firm for the 2026 Financial Statements.

(For details, see the attached Proposal).

6. Ông ……..…….. – …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày .....về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……../TTr-XLDK dated ..... on settling the 2025 salary and remuneration and the 2026 salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Board of Supervisors.

(For details, see the attached Proposal).

7. Ông ……..…….. – …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. on approving the 2026-2030 Business Plan

(For details, see the attached Proposal).

8. Ông …… – …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc bổ sung ngành nghề SXKD.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. regarding the addition of business lines.

(For details, see the attached Proposal).

9. Ông …… – …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Charter on Organization and Operation of PETROCONS.

(For details, see the attached Proposal).

10. Ông …… – …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Internal Regulations on Corporate Governance and the Operating Regulations of the Board of Directors of PETROCONS.

(For details, see the attached Proposal).

11. Ông …… – …… trình bày Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – …… presented the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Operating Regulations of the Supervisory Board of PETROCONS.

(For details, see the attached Proposal).

12. Ông ..... – ..... trình bày Tờ trình số .../TTr-XLDK ngày .....về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. ..... – ..... presented the Proposal No. ...../TTr-XLDK dated..... regarding the election of members of the Board of Directors and the Supervisory Board of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation for the 2026-2031 term.

(For details, see the attached Proposal).

13. Các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 1 đến mục 7 nêu trên bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Shareholders and their authorized representatives shall vote to approve the contents from items 1 to 7 by voting at the meeting.

C. PHẦN THỨ BA: NỘI DUNG BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

PART III: ELECTION CONTENTS OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS

Tại kỳ Đại hội thường niên năm 2026 có 03 Thành viên Hội đồng quản trị và 01 Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2021-2026. Để kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định, tại đại hội lần này tiến hành bầu thành viên HĐQT,BKS nhiệm kỳ mới 2026-2031.

At the 2026 Annual General Meeting, three (03) members of the Board of Directors and one (01) member of the Supervisory Board have completed their 2021-2026 term of office. In order to restructure the personnel of the Board of Directors and the Supervisory Board in accordance with regulations, this Meeting shall proceed with the election of members for the new 2026-2031 term.

1. Ông ..... – ....., Trưởng Ban Tổ chức đại hội trình bày Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử, giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT, BKS.

(Chi tiết Báo cáo kèm theo).

Mr. ..... – ....., Head of the Organizing Committee presented the Report on nomination, candidacy and recommendation of personnel to the Board of Directors and Board of Supervisors.

(For details, see the attached Report).

2. Ông ..... – Chủ tọa trình bày Tờ trình về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031.

(Chi tiết Tờ trình kèm theo).

Mr. …… – Chairman presented the Proposal on Regarding the election of members of the Board of Directors and Supervisory Board of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation for 2026-2031 term.

(For details, see the attached Proposal)..

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình và Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty với tỷ lệ tán thành là **……. %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

The Meeting voted to approve the Proposal and the List of candidates for the Board of Directors and the Board Supervisors of the Corporation with a confirmative vote rate of ……. % of the total number of voting shares.

3. Ông …….. – ……., Trưởng ban kiểm phiếu đọc Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam.

Mr. …… – ……., Head of the Vote Counting Committee read the Regulations on electing members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát với tỷ lệ tán thành là **……. %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

(Chi tiết Quy chế kèm theo).

The Meeting voted to approve the Regulations on electing members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors with a confirmative vote rate of ……. % of the total number of voting shares.

(For details, see the attached Regulations)

4. Các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bằng hình thức bỏ phiếu bầu cử trực tiếp tại Đại hội.

Shareholders and their authorized representatives attending the meeting shall vote to elect the members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors by direct voting at the meeting.

D. PHẦN THỨ TƯ: THẢO LUẬN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI
PART IV: SHAREHOLDERS' DISCUSSION AT THE GENERAL MEETING

Các cổ đông đã nêu một số câu hỏi về tình hình sản xuất kinh doanh, kế hoạch, tài chính của PETROCONS và Đoàn chủ tịch đã trả lời đầy đủ nội dung câu hỏi tại Đại hội.

The shareholders raised a number of questions about the production and business situation, plans and finances of PETROCONS and the Presidium fully answered the questions at the General Meeting.

E. PHẦN THỨ NĂM: KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BÁO CÁO, TỜ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ BẦU CỬ TẠI ĐẠI HỘI

PART V: VOTING RESULTS AND ELECTION RESULTS AT THE MEETING

Ông ..... –....., Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết, bầu cử như sau:

Mr. ..... – ....., Head of the Vote Counting Committee announced the voting and election results as follows:

1. Kết quả biểu quyết/*Voting results*:

1.1 Báo cáo số ...../BC-XLDK ngày... về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT:

The Report No. ...../BC-XLDK dated... on The 2025 Operation of the Board of Directors and the 2026 Operation Plan. Report on The Operation of the Board of Directors by the Independent Member of the Board of Directors:

Tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: ..... shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.

Không tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: ..... shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.

Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ..... shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.

1.2 Báo cáo số ...../BC-XLDK ngày... về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

The Report No. ...../BC-XLDK dated... on The 2025 production and business results and the 2026 production and business plan:

Tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: ..... shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

1.3 Báo cáo số ……../XLDK-BKS ngày… của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026:

The Report No. ……../XLDK-BKS dated……..on The 2025 Operation Report of the Board of Supervisors and the 2026 Operation Plan:

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

1.4 Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày … về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

The Proposal No. ……/TTr-XLDK dated … on approving the 2025 Audited Financial Statements and the 2025 Profit Distribution Plan:

1.4.1 ***Nội dung Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025***

The 2025 Audited Financial Statements

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

1.4.2 ***Nội dung Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:***

The 2025 profit distribution plan

Tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

1.5 Tờ trình số ...../TTr-XLDK ngày..... về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

The Proposal No. ...../TTr-XLDK dated..... on selecting the Auditing Firm for the 2026 Financial Statements:

Tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ..... *shares, accounting for ..... % of the total number of voting shares of attendees.*

1.6 Tờ trình số ...../TTr-XLDK ngày..... về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

The Proposal No. ……/TTr-XLDK dated……. on settling the 2025 salary and remuneration and the 2026 salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Board of Supervisors:

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

1.7 Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030.

Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. on approving the 2026-2030 Business Plan.

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

1.8 Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc bổ sung ngành nghề SXKD

Proposal No. ……/TTr-XLDK dated….. regarding the addition of business lines.

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: *…… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

1.9 Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Charter on Organization and Operation of PETROCONS.

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

1.10 Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày….. về việc Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Internal Regulations on Corporate Governance and the Operating Regulations of the Board of Directors of PETROCONS.

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.*

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: ……. *shares, accounting for …… % of the total number of*

voting shares of attendees.

1.11 Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Operating Regulations of the Supervisory Board of PETROCONS.

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: …… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: …… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: …… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.

1.12 Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày….. về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.

Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. regarding the election of members of the Board of Directors and the Supervisory Board of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation for the 2026-2031 term.

Tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Affirmative votes: …… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.

Không tán thành: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Negative votes: …… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.

Không có ý kiến: …… cổ phần, chiếm tỷ lệ …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Abstentions: …… shares, accounting for …… % of the total number of voting shares of attendees.

2. Kết quả bầu cử/*Voting results*:

Đại hội đã tiến hành bầu cử và thu được kết quả như sau:

The Meeting conducted the election and achieved the following results:

STT *No.*	HỌ TÊN ỨNG VIÊN *FULL NAME OF CANDIDATES*	SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT *VOTES*	KẾT QUẢ *RESULTS*
Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị ***Election of Member of the Board of Directors***			
1	……	……	Trúng cử *Elected*
2	……	……	Trúng cử *Elected*
3	……	……	Trúng cử *Elected*
Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát ***Election of members of the Board of Supervisors***			
1	……	……	Trúng cử *Elected*

F. PHẦN THỨ SÁU: TRÌNH BÀY NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

PART VI: PRESENTATION OF RESOLUTIONS AND MINUTES OF THE GENERAL MEETING

Ông Nguyễn Phương Nam – Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiêm Thư ký Tổng công ty – Trưởng ban Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Mr. Nguyen Phuong Nam - Person in charge of Corporate Governance & Secretary of the Corporation - Head of the Secretariat presented the Minutes and Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation.

G. PHẦN THỨ BẢY: THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

PART VII: CLOSING PROCEDURES

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PETROCONS đã được Ban Thư ký ghi lại đầy đủ, trung thực và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết là …….. cổ phần, chiếm tỷ lệ **….. %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

The Minutes and Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of PETROCONS have been fully and honestly recorded by the Secretariat and unanimously approved by the General Meeting of Shareholders by raising voting cards with the Affirmative

votes of …… shares, accounting for …. % of the total number of voting shares of attendees.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập tại thời điểm … giờ … phút cùng ngày và thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

The Minutes of the General Meeting of Shareholders were prepared at ... hours ... minutes on the same day and in three (03) copies of the same legal value.

Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của PETROCONS vào lúc … giờ … phút cùng ngày.

The Chairman of the General Meeting declared the closing of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of PETROCONS at ... hour ... minutes on the same day.

TM. BAN THƯ KÝ	**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
	CHỦ TỌA
FOR AND ON BEHALF OF SECRETARIAT	***FOR AND ON BEHALF OF GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS***
	CHAIRMAN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL INDUSTRY - ENERGY GROUP
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Số : /NQ-ĐHĐCĐ-XLDK
No: /NQ-DHDCD-XLDK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom-Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ha Noi, May 28 , 2026

DỰ THẢO
DRAFT

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
RESOLUTION
OF THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
OF PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020; and relevant amending and supplementing documents.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019 and its guiding documents;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Pursuant to the organizational and operational charter of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation (the Corporation/PETROCONS);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam số ……/BB-ĐHĐCĐ-XLDK ngày ...../...../2026;

Pursuant to the Minutes of meeting of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation No. ……/BB-DHDCD-XLDK dated ...../...../2026;

QUYẾT NGHỊ:

DECIDES:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số ……/BC-XLDK ngày ……về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Article 1*. To approve the report No. ……/BC-XLDK dated ……on The 2025 Operation of the Board of Directors and the 2026 Operation Plan; Report on The Operation of the Board of Directors by the Independent Member of the Board of Directors*

Nội dung: Theo Báo cáo số ……/BC-XLDK ngày ..... và Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT đính kèm.

Content: According to the Report No. ……/BC-XLDK dated ..... and the attached Report of the Independent Member of the Board of Directors.

Đại hội nhất trí thông qua với …… cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approves these reports with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số ……/BC-XLDK ngày …….về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Article 2. *To approve the report No. ……/BC-XLDK dated ……. on The 2025 production and business results and the 2026 production and business plan*

❖ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2025

Performance results of economic targets in 2025

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Items*	**Đơn vị tính** *Unit*	**Thực hiện năm 2024** *Implementation in 2024*	**Năm 2025** *Year 2025*		**Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)** *Plan completion percentage in 2025 (%)*	**Tỷ lệ 2025/ 2024 (%)** *Percent 2024/ 2023 (%)*
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận *Approved plan*	**Thực hiện** *Implement ation in 2025*		
1	Giá trị SXKD *Production and business value*	Tỷ đồng *Billion dong*	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ Parent company	*Tỷ đồng Billion dong*	*261,84*	*332,00*	*160,02*	*48%*	*61%*
2	Tổng doanh thu *Total revenues*	Tỷ đồng *Billion dong*	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Công ty mẹ Parent company	*Tỷ đồng Billion dong*	*609,04*	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*171%*
3	Lợi nhuận trước thuế *Pre-tax profits*	Tỷ đồng *Billion dong*	4,81	4,56	7,51	165%	156%

	Công ty mẹ *Parent company*	*Tỷ đồng* *Billion dong*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
4	Lợi nhuận sau thuế *After-tax profits*	Tỷ đồng *Billion dong*	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ *Parent company*	*Tỷ đồng* *Billion dong*	*4,12*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*255%*
5	Nộp NSNN *State budget payable*	Tỷ đồng *Billion dong*	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	Công ty mẹ *Parent company*	*Tỷ đồng* *Billion dong*	*3,81*	*9,00*	*17,82*	*198%*	*468%*
6	Thu nhập bình quân *Average income*	Tr.đ/ tháng *Million dong*	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	Công ty mẹ *Parent company*		*13,25*	*19,60*	*22,54*	*115%*	*170%*

❖ Kế hoạch năm 2026 với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

2026 plan with key economic targets

TT ***No.***	**Chỉ tiêu** ***Items***	**Năm 2025/Year 2025**			**Kế hoạch năm 2026** ***2026 plan***	**Tỷ lệ % KH 2025/ TH 2024** ***2025 plan/2024 implementation***
		Kế hoạch ***Plan***	**Thực hiện** ***Implementation***	**Tỷ lệ HTKH** ***Plan completion percent***		
1	Giá trị SXKD *Production and business value*	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	Công ty mẹ *Parent company*	*332,00*	*160,02*	*48%*	*890,00*	*556%*
2	Tổng doanh thu *Total revenues*	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%
	Công ty mẹ *Parent company*	*796,00*	*1.040,63*	*131%*	*864,00*	*83%*
3	Lợi nhuận trước thuế *Pre-tax profits*	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	Công ty mẹ *Parent company*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*7,99*	*76%*
4	Lợi nhuận sau thuế *After-tax profits*	4,56	0,77	17%	28,31	3685%
	Công ty mẹ *Parent company*	*3,72*	*10,53*	*283%*	*7,99*	*76%*
5	Nộp NSNN *State budget payable*	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	Công ty mẹ *Parent company*	*9,00*	*17,82*	*198%*	*11,00*	*62%*
6	Thu nhập bình quân NLĐ (trđ/ người/ tháng) *Average income of employee (VND/person/month)*	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	Công ty mẹ *Parent company*	*19,60*	*22,54*	*115%*	*19,58*	*87%*

Đại hội nhất trí thông qua với …… cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved the Report with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 3. Thông qua Báo cáo số ……../XLDK-BKS ngày….. của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026

***Article 3**. To approve The 2025 Operation Report of the Board of Supervisors and the 2026 Operation Plan No. ……../XLDK-BKS dated……*

Nội dung: Theo Báo cáo số ……/XLDK-BKS ngày….. đính kèm.

Content: According to the attached the Report No. ……../XLDK-BKS dated……

Đại hội nhất trí thông qua với …… cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved the Report with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 4. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

***Article 4**. To approve the 2025 Audited Financial Statement: the 2025 Profit Distribution Plan*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Contents: According to the attached Proposal No……/TTr-XLDK dated……

Stt *No.*	**Chỉ tiêu** ***Items***	**Công ty Mẹ** ***Parent company***	**Ghi chú** ***Notes***
I	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 *Total after-tax profits (2025)*	10.526.474.618	
II	Lỗ luỹ kế đến 31/12/2025 *Accumulated loss as of December 31, 2025*	3.780.756.777.533	
III	Trích lập các quỹ *Provisions for funds*	0	
1	Quỹ đầu tư phát triển *Reward and welfare fund*	0	
2	Quỹ dự phòng tài chính *Financial reserve fund*	0	
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi *Development investment fund*	0	
IV	Chia cổ tức năm 2025 *Dividend payment (2025)*	0	

Thông qua việc không trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025.

Approval of not setting aside funds and paying dividends in 2025.

Đại hội nhất trí thông qua với …… cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày…. về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

***Article 5**. Approval of the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated…… selecting the Auditing Firm for 2026 Financial Statements*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……/TTr-XLDK dated……

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày…. về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

***Article 6**. To approve the Proposal No. ……/TTr-XLDK dated…. on settling the 2025 salary and remuneration and the 2026 salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Board of Supervisors*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. đính kèm

Content: According to the attached Proposal No. ……/TTr-XLDK dated……

1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025: Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 (thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/5/2025), cụ thể:

1. Salary and remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025: Settlement of salary and remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025 (according to the Resolution No. 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders dated May 29, 2025), specifically:

STT ***No.***	**Nội dung** ***Contents***	**Tiền lương/thù lao năm 2025** ***Salary/remuneration (2025)***		
		Kế hoạch ***Plan***	**Thực hiện** ***Implementation***	**Tỷ lệ** ***Percentage***
(A)	*(B)*	*(1)*	*(2)*	*(3)=(2)/(1)*

1	Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*	*2.569.680.000*	*2.372.864.453*	*92,34%*
2	Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*	*888.750.000*	*795.620.067*	*89,52%*
	Tổng cộng ***Total***	***3.458.430.000***	***3.168.484.520***	*91.62%*

2. Phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026:

2. The 2026 salary and remuneration plan of the Board of Directors and Board of Supervisors:

- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.

  Salary and remuneration of full-time members of the Board of Directors and Board of Supervisors: Implemented according to the Salary Regulations of PETROCONS in accordance with regulations and the actual production and business results of PETROCONS.

- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc tại Cơ quan Tổng công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với thành viên HĐQT chuyên trách; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

  Salary and remuneration of independent members of the Board of Directors: i) In case a member works regularly under the working regime at the Corporation's Office, he/she will be paid salary and other benefits like the full-time members of the Board of Directors; ii) In case a member works irregularly at the Corporation's Office (part-time), he/she will be paid remuneration equal to 70% of the salary of the full-time member of the Board of Directors.

- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát không chuyên trách: không vượt quá mức 5.000.000 đồng/người/tháng.

  Remuneration of part-time members of the Board of Directors and the Board of Supervisors: no more than VND 5,000,000/person/month.

Đại hội nhất trí thông qua với …… cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved the above content with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030.

Article 7: *To approve Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. on approving the 2026-2030 Business Plan.*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……../TTr-XLDK dated…..

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc bổ sung ngành nghề SXKD.

Article 9: *To approve Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. regarding the addition of business lines.*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……../TTr-XLDK dated…..

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 9. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Article 10: *To approve Proposal No. ……../TTr-XLDK dated….. regarding the amendments to the Charter on Organization and Operation of PETROCONS.*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……../TTr-XLDK dated…..

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 10. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Article 11: *To approve Proposal No. ……../TTr-XLDK dated..... regarding the amendments to the Internal Regulations on Corporate Governance and the Operating Regulations of the Board of Directors of PETROCONS.*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……../TTr-XLDK dated.....

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 11. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Article 12: *To approve Proposal No. ……../TTr-XLDK dated..... regarding the amendments to the Operating Regulations of the Supervisory Board of PETROCONS.*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……../TTr-XLDK dated.....

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 12. Thông qua Tờ trình số ……/TTr-XLDK ngày….. về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.

Article 13. *To approve Proposal No. ……../TTr-XLDK dated..... regarding the election of members of the Board of Directors and the Supervisory Board of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation for the 2026-2031 term.*

Nội dung: Theo Tờ trình số ……../TTr-XLDK ngày…. đính kèm.

Content: According to the attached Proposal No. ……../TTr-XLDK dated……

Đại hội nhất trí thông qua với ……cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, đạt tỷ lệ ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

The meeting unanimously approved the above Proposal with …… voting shares, accounting for ……% of the total number of voting shares of attendees.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông đã bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 với kết quả như sau:

Article 14*. The General Meeting of Shareholders elected members of the Board of Directors and the Board of Supervisors for the 2026-2031 term with the following results:*

TT *No.*	HỌ TÊN *FULL NAME*	SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT *VOTES*
Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị ***List of elected members of the Board of Directors***		
1	.....	.....
2	.....	.....
3	.....	.....
Danh sách trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát ***List of elected members of the Board of Supervisors***		
1	.....	.....

Điều 14. Điều khoản thi hành.

Article 15*. Executive provisions.*

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28/5/2026.

This Resolution takes effect from May 28, 2026.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai các nội dung đã thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của PETROCONS và lợi ích của cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS và các quy định pháp luật hiện hành.

The General Meeting of Shareholders assigns the Board of Directors, the Board of Supervisors and the Board of Management to organize the implementation of the contents approved at the General Meeting on the basis of ensuring the interests of PETROCONS and the interests of shareholders in accordance with the organizational and operational Charter of PETROCONS and the current legal regulations.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 28/5/2026 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

*This Resolution was approved fully by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation at the meeting on May 28, 2026 with the affirmation vote rate of **100%** of the total number of voting shares of attendees.*

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

FOR AND ON BEHALF OF GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN

Nghiêm Quang Huy
Nghiem Quang Huy

Nơi nhận:
- Như Điều 9 (để t/h);
- UBCKNN, Sở GDCKHN (để b/c);
- Người CBTT (để CBTT);
- Website PETROCONS (thay cho gửi TB tới cổ đông);
- Lưu HĐQT, VT, KHĐT&TCC.

Sent to:
- *As per Article 9 (for implementation);*
- *State Securities Commission, Hanoi Stock Exchange (for report);*
- *Information publisher (for information disclosure);*
- *PETROCONS website (instead of sending notices to shareholders);*
- *Kept at: Board of Directors, Archives Department, Planning, Investment and Restructuring Department.*

Phụ lục số 2

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

TT	Chức danh		Mức lương		Qtlcđ (1.000đ)	Qtlbs (1.000đ)	Hỗ trợ 30/4	Hỗ trợ 02/9	Kết thúc năm tài chính và Tết DL 2025	Quyết toán tiền lương 2025	Tổng Quỹ lương KH (Qtlkh) (1.000đ)	Ghi chú
			Lương chức danh	Các khoản bổ sung theo kết quả thực hiện công việc								
1	3		4	5	6=4*12	7=5*12	12	14			8=6+7	
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TR**				**1.695.600.000**	**508.680.000**	**25.000.000**	**25.000.000**	**25.000.000**	**290.400.000**	**2.569.680.000**	
1	Chủ tịch	Nghiêm Quang Huy	34.000.000	10.200.000	408.000.000	122.400.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	81.600.000	627.000.000	
2	Thành viên chuyên trách	Trần Hải Bằng	29.000.000	8.700.000	348.000.000	104.400.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	69.600.000	537.000.000	
3	Thành viên chuyên trách	Nguyễn Hoài Nam	29.000.000	8.700.000	348.000.000	104.400.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	69.600.000	537.000.000	
4	Thành viên chuyên trách	Chu Thanh Hà	29.000.000	8.700.000	348.000.000	104.400.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	69.600.000	537.000.000	
5	Thành viên độc lập	Phạm Văn Khánh	20.300.000	6.090.000	243.600.000	73.080.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000		331.680.000	
II	**BAN KIỂM SOÁT**			-	**582.500.000**	**156.750.000**	**10.000.000**	**10.000.000**	**10.000.000**	**104.500.000**	**888.750.000**	
1	Trưởng Ban	Hứa Xuân Nam	31.000.000	9.300.000	372.000.000	111.600.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	74.400.000	573.000.000	
2	Thành viên chuyên trách	La Minh Huệ	21.500.000	6.450.000	150.500.000	45.150.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	30.100.000	240.750.000	
3	Thành viên kiêm nhiệm	Nguyễn Ngọc Cương	5.000.000		60.000.000	-				-	60.000.000	
4	Thành viên kiêm nhiệm	Phùng Văn Sỹ				-				-	15.000.000	
	Tổng cộng				**2.278.100.000**	**665.430.000**	**35.000.000**	**35.000.000**	**35.000.000**	**394.900.000**	**3.458.430.000**	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP- NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 09 /BC-XLDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (Rút gọn) năm 2025

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons).

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.37689291 Fax: 024.37689290 Email: info@pvc.vn

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng)

- Mã chứng khoán: PVX

- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: có bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	58/NQ-ĐHĐCĐ - XLDK	29/05/2025	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bầu/ bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	29/05/2025	
2	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	30/06/2021	
3	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	30/06/2021	
4	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	20/01/2022	
5	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	29/05/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	07/07	100%	
2	Ông Chu Thanh Hải	06/07	86%	Ủy quyền
3	Trần Hải Bằng	07/07	100%	
4	Nguyễn Hoài Nam	07/07	100%	
5	Ông Phạm Văn Khánh	06/07	86%	Vắng có lý do

3. Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc gửi Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Tổng công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025:

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
1	02/NQ-XLDK	10/1/2025	Nghị Quyết v/v Công tác cán bộ Ban Tổ chức - Hành chính Tổng công ty đối với ông Phạm Vũ Tuấn
2	05/NQ-XLDK	23/01/2025	Nghị quyết Về việc chấp thuận chủ trương để Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-Thái Bình biểu quyết việc quyết toán Dự án hoàn thành Đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình
3	06/NQ-XLDK	24/02/2025	Nghị quyết v/v Triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
4	13/NQ-XLDK	19/3/2025	Nghị quyết v/v thông qua kế hoạch tổ chức nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
5	23/NQ-XLDK	11/4/2025	Nghị quyết Về việc nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)
6	25/NQ-XLDK	17/4/2025	Nghị quyết về việc nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)
7	27/NQ-XLDK	21/4/2025	Nghị quyết về việc nội dung chương trình Đại hội

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
			đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)
8	29/NQ-XLDK	21/4/2025	Nghị quyết về việc nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PetroCons-Đông Đô)
9	31/NQ-XLDK	23/4/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận giới thiệu/thông qua nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) nhiệm kỳ 2025-2030
10	34/NQ-XLDK	26/4/2025	Nghị quyết Về việc chấp thuận giới thiệu/thông qua nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát PVC-MT nhiệm kỳ 2025-2030
11	42/NQ-XLDK	14/5/2025	Nghị quyết Về việc nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu khí (PVC-MS)
12	47/NQ-XLDK	23/5/2025	Nghị quyết v/v Điều chỉnh nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
13	55/NQ-XLDK	27/5/2025	Nghị quyết V/v Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)
14	58/NQ-XLDK	29/5/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
15	60/NQ-XLDK	29/5/2025	Nghị Quyết v/v Bầu ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
16	61/NQ-XLDK	04/6/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị PVC Duyên Hải nhiệm kỳ 2025-2030 đối với ông Trương Sỹ Minh
17	67/NQ-XLDK	11/6/2025	Nghi quyết v/v chấp thuận phương án xử lý nợ của PVC Thái Bình tại Pvcombank
18	69/NQ-XLDK	13/6/2025	Nghị quyết v/v Chấp thuận giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát PVC-MS
19	71/NQ-XLDK	13/6/2025	Nghị quyết V/v chấp thuận việc quản lý công tác lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với các đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
20	73/NQ-XLDK	13/6/2025	Nghị quyết về việc Bổ sung nội dung của tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu khí (PVC-MS)
21	74/NQ-XLDK	17/6/2025	Nghị quyết về việc Chấp thuận bổ nhiệm lại Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư và Tái cơ cấu đối với ông Trần Ngọc Lâm

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
22	83/NQ-XLDK	27/6/2025	Nghị quyết v/v Chấp thuận giới thiệu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát PVC-Thái Bình
23	85/NQ-XLDK	27/6/2025	Nghị quyết v/v thông qua nội dung bổ sung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình
24	103/NQ-XLDK	08/8/2025	Nghị Quyết v/v Chấp thuận chủ trương hỗ trợ để Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) thực hiện mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Đơn đặt hàng số 3290000011 tại BIDV Hà Đông
25	114/NQ-XLDK	19/9/2025	Nghị quyết v/v Chấp thuận chủ trương định giá quyền sử dụng đất khu đất 3.400m2 của Tổng công ty tại Tam Đảo
26	115/NQ-XLDK	24/9/2025	Nghị quyết v/v chấp thuận chủ trương điều chỉnh vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Kinh Bắc và ghi tăng tài sản đối với thửa đất tại Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ
27	117/NQ-XLDK	26/9/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận điều động bổ nhiệm ông Lê Mạnh Hà giữ chức Trưởng Ban Tổ chức – Hành chính
28	127/NQ-XLDK	04/11/2025	Nghị quyết về việc công tác cán bộ Ban Kỹ thuật – An toàn Tổng công ty ông Dương Thanh Phương
29	131/NQ-XLDK	28/11/2025	Nghị quyết v/v Chấp thuận phương án xử lý chi phí đầu tư bất thành dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Tiền Giang – 920ha
30	136/NQ-XLDK	05/12/2025	Nghị quyết v/v Triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)
31	144/NQ-XLDK	23/12/2025	Nghị quyết Về việc: Phê duyệt Hạn mức tín dụng bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phát hành bảo lãnh, mở L/C để thực hiện nhập khẩu vật tư, thiết bị theo HĐ Ủy thác số 150/PVCMS – PETROCONs/HĐUTNK-2025-08 giữa PVC – MS và PETROCONs tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hà Đông
32	146/NQ-XLDK	29/12/2025	Nghị quyết v/v Chấp thuận giao dịch với Người có liên quan - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) thực hiện thi công lán trại tạm – Dự án NMNĐ Long Phú 1
33	147/NQ-XLDK	29/12/2025	Nghị quyết Về việc chấp thuận giao dịch với Người có liên quan - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) thực hiện một số công việc thuộc Hợp đồng gói thầu T37 – Dự án NMNĐ Long Phú 1
II	**Quyết định**		

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
1	08/QĐ-XLDK	05/3/2025	Quyết định v/v Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
2	12/QĐ-XLDK	17/3/2025	Quyết định v/v chấp thuận cử cán bộ đi công tác nước ngoài
3	15/QĐ-XLDK	26/3/2025	Nghị quyết v/v Chấp thuận thông qua phương án tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức của PVC-Thái Bình sau khi hoàn thành công tác xử lý nợ với PVcomBank
4	16/QĐ-XLDK	26/3/2025	Quyết định Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và đánh giá Người đại diện của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại Doanh nghiệp khác
5	19/QĐ-XLDK	31/3/2025	Quyết định v/v Ban hành chương trình hành động năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
6	26/QĐ-XLDK	21/4/2025	Quyết định v/v Chấp thuận kế hoạch chi phí quản lý năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty và dự toán chi phí quản lý năm 2025 của Cơ quan Tổng công ty
7	39/QĐ-XLDK	09/5/2025	Quyết định v/v chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nền Dự án Đường ống dẫn khí Lô B-Ô Môn
8	64/QĐ-XLDK	6/6/2025	Quyết định v/v xếp lương chức danh đối với ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty
9	65/QĐ-XLDK	06/6/2025	Quyết định v/v xếp lương chức danh đối với Ban kiểm soát Tổng công ty (Ông Hứa Xuân Nam và bà La Minh Huệ)
10	68/QĐ-XLDK	12/6/2025	Quyết định v/v chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng Mua sắm vật tư thay thế C&I (Hệ thống DCS) năm 2024 cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1
11	72/QĐ-XLDK	13/6/2025	Quyết định v/v Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng Mua sắm vật tư C&I đảm bảo khả dụng - NMNĐ Thái Bình 2
12	82/QĐ-XLDK	26/6/2025	Quyết định v/v Chấp thuận cử cán bộ đi công tác nước ngoài - Mông Cổ đối với ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch HĐQT
13	84/QĐ-XLDK	27/6/2025	Quyết định v/v Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2025
14	90/QĐ-XLDK	08/7/2025	Quyết định v/v Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PetroCons tại doanh nghiệp khác năm 2024
15	91/QĐ-XLDK	08/7/2025	Quyết định về việc chấp thuận cử cán bộ đi công tác nước ngoài - Trung Quốc
16	94/QĐ-XLDK	17/7/2025	Quyết định Về việc: Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng số 167/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PVC/HH ký ngày 03 tháng 07 năm 2025 về việc "Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1,

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
			S2" – Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
17	95/QĐ-XLDK	17/7/2025	Quyết định Về việc chấp thuận cử cán bộ đi công tác nước ngoài - Trung Quốc ông Bùi Sơn Trường
18	96/QĐ-XLDK	21/7/2025	Quyết định v/v Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng số 178/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PETROCONs/HH ký ngày 08/07/2025 về việc Mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
19	100/QĐ-XLDK	23/7/2025	Quyết định Về việc: Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng số 33/HĐ/2025/PVPGB.CQCN-PETROCONs/HH ký ngày 26 tháng 06 năm 2025 về việc Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6 Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
20	104/QĐ-XLDK	12/8/2025	Nghị Quyết V/v Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng ủy thác, nhập vật tư, thiết bị với Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)
21	110/QĐ-XLDK	29/8/2025	Quyết định Về việc Phê duyệt phương án xác định tỷ lệ thu phí quản lý của Tổng công ty tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1
22	118/QĐ-XLDK	06/10/2025	Quyết định v/v: Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PETROCONs/HH ký ngày 19/09/2025 giữa Chi nhánh phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc thực hiện Gói thầu Nâng cấp hệ thống PLC – Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2
23	123/QĐ-XLDK	30/10/2025	Quyết định v/v Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMĐSH1-PETROCONs/HH ký ngày 21/10/2025 về việc Mua sắm bi nghiền đá vôi NMNĐ Sông Hậu 1
24	125/QĐ-XLDK	03/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn
25	126/QĐ-XLDK	04/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
26	128/QĐ-XLDK	04/11/2025	Quyết định về việc Chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng số 14/2025/HĐKT/LP1PP/LP1-T37 ký ngày 29/09/2025 về việc "Thông quan, vận chuyển nội địa, xây dựng, lắp đặt hệ thống ESP và FGD dự án NMNĐ Long Phú 1"
27	129/QĐ-XLDK	06/11/2025	Quyết định về việc chấp thuận phương án thực hiện Gói thầu T23 "Cung cấp thiết bị, thi công xây dựng, lắp đặt, giám sát và phối hợp trong quá trình chạy thử hệ thống tro xỉ (Ash Handling System) và thu

STT	Số văn bản	Ngày tháng văn bản	Nội dung
			gom chất thải của máy nghiền than (Mill Reject) - Dự án NMNĐ Long Phú 1"
28	130/QĐ-XLDK	07/11/2025	Quyết định Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế về công tác xử lý nợ của Công ty mẹ Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
29	132/QĐ-XLDK	01/12/2025	Quyết định v/v Chấp thuận cho Tổng công ty thực hiện ủy quyền của PetroCons-Đông Đô về việc triển khai các thủ tục chuyển nhượng phần vốn của PetroCons-Đông Đô tại PVC-Bình Sơn
30	137/QĐ-XLDK	05/12/2025	Quyết định về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế quản lý hợp đồng của Tổng công ty
31	140/QĐ-XLDK	15/12/2025	Quyết định về việc xếp lương chức danh đối với ông Hứa Xuân Nam - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty
32	143/QĐ-XLDK	23/12/2025	Quyết định Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty mẹ Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
33	145/QĐ-XLDK	24/12/2025	Quyết định Về việc phê duyệt Bộ nhận diện thương hiệu PETROCONS
34	148/QĐ-XLDK	30/12/2025	Quyết định về việc Sửa đổi một số nội dung của Quy chế quản lý hợp đồng của Tổng công ty

III. Ban Kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	29/05/2025	Thạc sĩ QTKD Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán
2	Ông Phùng Văn Sỹ	Thôi Thành viên kiêm nhiệm	29/05/2025	Kỹ sư ngành Điều khiển và tự động hóa các công nghệ lọc hóa dầu
3	Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	01/07/2021	Kỹ sư Nhiệt điện, Cử nhân kinh tế đầu tư
4	La Minh Huệ	Thành viên chuyên trách	29/05/2025	Cử nhân Kế toán

2. Cuộc họp của BKS: Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp, với sự tham dự của 03/03 thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

3.1. Kết quả giám sắt đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT/Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp giao ban, đột xuất hàng tháng, quý.

Hội đồng quản trị PetroCons đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. HĐQT PetroCons đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại Công ty mẹ và Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn/PVN), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức SXKD theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PetroCons đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết. HĐQT đã thực hiện vai trò chủ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường xuyên và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

- HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PetroCons.

- HĐQT tiếp tục thực hiện việc công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của PetroCons nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PetroCons.

3.2. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức, Ban Tổng giám đốc PetroCons đã quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng vai trò chức trách trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chế, quy định của pháp luật, PVN và Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PetroCons.

Việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, còn một số đơn vị do không có nguồn công việc đã tồn tại kéo dài nhiều năm, nên còn nợ đọng tiền lương, BHXH.

3.3. Đối với cổ đông:

- Ban Kiểm soát đã có báo cáo gửi Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, thù lao của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 2025.

- Đối với cổ đông lớn nhất là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát định kỳ hàng tháng/quý/năm, báo cáo đột xuất khi Tập Đoàn yêu cầu. Ban Kiểm soát đã gửi đúng theo nội dung và thời hạn quy định.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc được thực hiện trên nguyên tắc vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng công ty và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao, phối hợp trong các hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử các cán bộ phối hợp làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu; tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Tổng công ty.

- Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban Kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động cuả các đơn vị thành viên và báo cáo kết quả cho HĐQT được biết.

- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát quý, năm gửi Tập đoàn đồng thời gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc PetroCons.

IV. Ban điều hành

TT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Quốc Hoàn	10/12/1973	Kỹ sư Xây dựng	01/01/2024	
2	Nguyễn Văn Đồng	30/04/1965	Cử nhân Kinh tế	08/07/2011	
3	Bùi Sơn Trường	24/03/1970	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	29/10/2018	
4	Phạm Trung Kiên	26/06/1978	Kỹ sư máy và Thiết bị hóa chất Dầu khí	02/10/2023	

V. Kế toán trưởng

TT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Vũ Minh Công	30/01/1979	Cử nhân Kinh tế	04/01/2022	

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Năm 2025, Tổng công ty cử cán bộ quản lý tham dự các khóa đào tạo, hội thảo do Tập đoàn tổ chức, cụ thể như sau:

- Chương trình tập huấn Nghị định 44/2025/NĐ-CP về Quản lý Lao động tiền lương trong Doanh nghiệp Nhà nước;

- Khóa học Chứng chỉ kiểm toán viên nội bộ dành cho kiểm toán viên nội bộ theo công văn số 1910/DKVN-QTNL ngày 17/3/2025

- Khóa học Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị theo công văn số 2362/DKVN-QTNL ngày 28/3/2025.

- Hội thảo về Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại các đơn vị của PVN theo công văn số 4468/DKVN-QTNL ngày 20/3/2025 của Tập đoàn.

- Hội thảo về công tác chuyển đổi số theo công văn số 1895/KHCN-DKVN ngày 17/3/2025 của Tập đoàn.

- Hội thảo chuyên môn về công tác kiểm tra, giám sát năm 2025 theo công văn số 0554/CNNL-HĐTV ngày 21/11/2025 của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Hội thảo Quản trị tài năng Giải pháp thu hút & Giữ chân Nhân tài theo Công văn số 11319/CNNL-QTNL ngày 11/12/2025 của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Khóa đào tạo Tổng quan về thu xếp vốn theo công văn số 11484/CNNL-QTNL ngày 17/12/2025 của Tập đoàn.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng năm 2025 và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:
   Tại Phụ lục 1 đính kèm.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: *Tại phụ lục 3 đính kèm*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

4.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ năm 2025

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

   Tại Phụ lục 2 đính kèm

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGĐ PetroCons;
- Ban TCKT&KT, TCHC PetroCons;
- Người công bố thông tin của TCT;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3500102... TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Nghiêm Quang Huy

PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN KÈM THEO BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mã chứng khoán: PVX

Tên Công ty: Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày chốt: 31/12/2025

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
1	Nghiêm Quang Huy		CT. HĐQT						0	0.00%	Người nội bộ
2	Trần Hải Bằng		TV. HĐQT						0	0.00%	Người nội bộ
3	Chu Thanh Hải		TV. HĐQT						0	0.00%	Người nội bộ
4	Phạm Văn Khánh		TV. HĐQT						0	0.00%	Người nội bộ
5	Nguyễn Hoài Nam		TV. HĐQT						0	0.00%	Người nội bộ
6	Trần Quốc Hoàn		TGĐ						0	0.00%	Người nội bộ
7	Nguyễn Văn Đồng		PTGĐ						0	0.00%	Người nội bộ
8	Bùi Sơn Trường		PTGĐ						0	0.00%	Người nội bộ
9	Phạm Trung Kiên		PTGĐ						0	0.00%	Người nội bộ
10	Hứa Xuân Nam		Trưởng BKS						0	0.00%	Người nội bộ
11	Phùng Văn Sỹ		TV. BKS						0	0.00%	Miễn nhiệm ngày 29/5/2025
12	Nguyễn Ngọc Cương		TV. BKS						0	0.00%	Người nội bộ
13	La Minh Huệ		TV. BKS						0	0.00%	Bổ nhiệm ngày 29/05/2025
14	Vũ Minh Công		Kế toán trưởng						0	0.00%	Người nội bộ
15	Nguyễn Phương Nam	058C88382	Người phụ trách quản trị TCT						0	0.00%	Người nội bộ
16	Ngô Thị Thu Hoài	011C128829 014C506116	người Công bố thông tin						0	0.00%	Người nội bộ
1.1	Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)		Cổ đông lớn						217,873,333	54.47%	Tổ chức có liên quan đến NNB

PHỤ LỤC 2 - DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ KÈM THEO BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 MỤC VII PHỤ LỤC V BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 96/2020/TT-BTC

Mã chứng khoán: **PVX**

Tên Công ty: **Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Ngày chốt: **31/12/2025**

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
1	**Nghiêm Quang Huy**		**CT. HĐQT**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
1.1	Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)		Cổ đông lớn						217,873,333	54.47%	Tổ chức có liên quan đến NNB
1.2	Nguyễn Thị Quyên								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Hoàng Trinh								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Vợ
1.4	Nghiêm Anh Duy								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Con
1.5	Nghiêm Anh Khôi								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - con Lý do không có NSH : còn nhỏ
1.6	Nghiêm Quỳnh Chi								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Chị gái
1.7	Trần Tuấn Anh								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Anh rể
1.8	Nguyễn Thị Uyển								0	0.00%	Người có liên quan đến ông Nghiêm Quang Huy - Mẹ vợ
2	**Trần Hải Bằng**		**TV. HĐQT**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
2.1	Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)		Cổ đông lớn						217,873,333	54.47%	Tổ chức có liên quan đến NNB
2.2	Trần Thị Hương Lan								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Vợ
2.3	Trần Hải Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Con
2.4	Trần Minh Đức								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
2.5	Trần Khánh Vy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
2.6	Trần Thị Anh Thư								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.7	Trần Thị Thúy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.8	Trần Thị Ngân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.9	Trần Thị Ngoan								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.10	Trần Thị Huyền								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Chị gái
2.11	Phạm Thị My								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Mẹ vợ
2.12	Trần Thanh Hải								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.13	Trần Đình Phiếu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.14	Mai Văn Việt								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.15	Trần Minh Thu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Hải Bằng - Anh rể
2.16	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)										Chủ tịch HĐQT của PVC-TH, là Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-TH.
3	**Chu Thanh Hải**		**TV. HĐQT**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
3.1	Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)		Cổ đông lớn						217,873,333	54.47%	Tổ chức có liên quan đến NNB
3.2	Chu Như Đàm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Bố đẻ
3.3	Nguyễn Thị Điểm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Mẹ đẻ
3.4	Ngô Thu Hoài								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Vợ
3.5	Chu Thái An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Con
3.6	Chu An Khang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Con
3.7	Chu Thị Việt Giang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Chị gái
3.8	Trần Văn Việt								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - Anh rể

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
3.9	Chu Thanh Quân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - em trai
3.10	Hoàng Thị Hương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Chu Thanh Hải - em dâu
4	**Phạm Văn Khánh**		**TV. HĐQT**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
4.1	Nguyễn Thị Hồng Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Vợ
4.2	Phạm Việt Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Con
4.3	Phạm Hồng Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Con
4.4	Nguyễn Thị Hồng Quế								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh - Mẹ vợ
4.5	Trần Thị Cúc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh -con dâu
4.6	Trần Anh Tú								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Văn Khánh -con rể
5	**Nguyễn Hoài Nam**		**TV. HĐQT**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
5.1	Lê Thị Bích Được								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Mẹ đẻ
5.2	Bùi Tuyết Nga								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Mẹ vợ
5.3	Đặng Thị Tuyết Nhung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Vợ
5.4	Nguyễn Đặng Bảo Tâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Con gái
5.5	Nguyễn Minh Sơn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam - Con
5.6	Nguyễn Thúy Hằng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam -Em gái
5.7	Phạm Đức Dương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Hoài Nam -Em rể
5.8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-BS)										Chủ tịch HĐQT của PVC-BS, là Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-BS.
6	**Trần Quốc Hoàn**		**TGĐ**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
6.1	Phan Thị Thanh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Mẹ đẻ
6.2	Nguyễn Thị Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Vợ
6.3	Trần Nguyễn Huệ Linh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Con

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
6.4	Trần Nguyễn Ngọc Minh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - con
6.5	Nguyễn Văn Giang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Bố vợ
6.6	Nguyễn Thị Phi								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Mẹ vợ
6.7	Trần Quốc Toàn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Anh ruột
6.8	Trịnh Thị Liên								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - chị dâu
6.9	Trần Thị Tuyết								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Chị ruột
6.10	Trịnh Công Phú								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Anh rể
6.11	Trần Thị Mai								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Chị ruột
6.12	Trần Thị Hoa								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Chị ruột
6.13	Phạm Văn Huy								0	0.00%	Người liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn - Anh rể
7	**Nguyễn Văn Đồng**		**PTGĐ**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
7.1	Nguyễn Thị Hạnh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -Chị gái
7.2	Nguyễn Thị Phúc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -Chị gái
7.3	Lê Thị Hải Yến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -Vợ
7.4	Nguyễn Thị Hoài Thu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -Con đẻ
7.5	Nguyễn Mỹ Linh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -Con đẻ
7.6	Trần Thị Chắt								0	0.00%	Người liên quan đến ôngNguyễn Văn Đồng -Mẹ vợ
7.7	Ngô Cư An								0	0.00%	Người liên quan đến ôngNguyễn Văn Đồng -Anh rể
7.8	Nguyễn Tuấn Hoàng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -Con rể
7.9	Lê Quang Thái								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Văn Đồng -con rể
8	**Bùi Sơn Trường**		**PTGĐ**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
8.1	Bùi Thị Sâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - mẹ đẻ
8.2	Đào Thị Hà Ninh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - vợ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
8.3	Bùi Trường An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -con
8.4	Bùi Trường Minh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - con
8.5	Bùi Thị Hương Giang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -em gái
8.6	Bùi Thị Hồng Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -em gái
8.7	Bùi Thị Bích Hường								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -em gái
8.8	Trần Thị Đan								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường -Mẹ vợ
8.9	Ngô Quốc Hùng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - Em rể
8.10	Phạm Sỹ Hùng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Bùi Sơn Trường - Em rể
9	**Phạm Trung Kiên**		**PTGĐ**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
9.1	Phạm Huy Học								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Bố đẻ
9.2	Nguyễn Thị Nhẫn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Mẹ đẻ
9.3	Nguyễn Thành An								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Bố vợ
9.4	Trần Thị Hiến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên -Mẹ vợ
9.5	Nguyễn Thị Hải Ngọc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - Vợ
9.6	Phạm Ngọc My								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - con đẻ
9.7	Phạm Ngọc Mai								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - con đẻ Lý do không có NSH : còn nhỏ
9.8	Phạm Huy Khánh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - con đẻ Lý do không có NSH : còn nhỏ
9.9	Phạm Trung Định								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - em ruột
9.10	Hà Thị Bích Ngọc								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phạm Trung Kiên - em dâu
10	**Hứa Xuân Nam**		**Trưởng BKS**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
10.1	Hoàng Đỗ Thanh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Vợ
10.2	Hứa Anh Quân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Con trai

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
10.3	Hứa Hoàng Bảo Ngân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Con gái
10.4	Hứa Công Luận								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam -Anh trai
10.5	Hứa Thị Hương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Chị gái
10.6	Nguyễn Văn Thêm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Anh rể
10.7	Hứa Thị Thanh Hoa										Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Chị gái
10.8	Dương Thanh Bình								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Anh rể
10.9	Hứa Văn Sáng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Em trai
10.10	Hứa Xuân Sinh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Em trai
10.11	Đào Thị Thanh Nga								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Chị Dâu
10.12	Ngô Thị Hoàng Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - em dâu
10.13	Đỗ Thị Hồng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Hứa Xuân Nam - Mẹ vợ
11	**Phùng Văn Sỹ**		**TV. BKS**						**0**	**0.00%**	**Miễn nhiệm ngày 29/5/2025**
11.1	Nguyễn Thị Ngọc Dung								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Vợ
11.2	Phùng Thế Quang								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
11.3	Phùng Tất Quý								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
11.4	Nguyễn Thị Vân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Mẹ đẻ
11.5	Phùng Đức Dũng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Anh ruột
11.6	Lê Thị Hoa								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Chị dâu
11.7	Nguyễn Ngọc Vệ								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Bố vợ
11.8	Trần Thị Thịnh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Phùng Văn Sỹ - Mẹ vợ
12	**Nguyễn Ngọc Cương**		**TV. BKS**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
12.1	Nguyễn Ngọc Cần								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Bố đẻ
12.2	Đoàn Thị Hào								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Mẹ đẻ
12.3	Phạm Văn Phi								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Bố vợ
12.4	Nguyễn Thị Nhâm								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - mẹ vợ
12.5	Phạm Việt Nga								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Vợ
12.6	Nguyễn Ngọc Tùng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Con trai
12.7	Nguyễn Ngọc Lam Anh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
12.8	Nguyễn Ngọc Phương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em trai
12.9	Nguyễn Ngọc Hà								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em trai
12.10	Nguyễn Thị Việt Hoa								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em dâu
12.11	Đồng Thị Huyền								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Cương - Em dâu
13	**La Minh Huệ**		**TV. BKS**						**0**	**0.00%**	**Bổ nhiệm ngày 29/05/2025**
13.1	Vũ Đình Dũng								0	0.00%	Người liên quan đến bà La Minh Huệ - Chồng
13.2	Vũ Thị Minh Ngọc								0	0.00%	Người liên quan đến bà La Minh Huệ - Con
13.3	La Minh Sơn								0	0.00%	Người liên quan đến bà La Minh Huệ - Anh trai
13.4	La Thị Nhung								0	0.00%	Người liên quan đến bà La Minh Huệ - Chị gái
13.5	Nguyễn Thị Phiên								0	0.00%	Người liên quan đến bà La Minh Huệ - Chị dâu
13.6	Đàm Thị Kháng								0	0.00%	Người liên quan đến bà La Minh Huệ - mẹ chồng
14	**Vũ Minh Công**		**Kế toán trưởng**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
14.1	Vũ Quang Chiêu								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Bố đẻ
14.2	Trịnh Thị Chiến								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Mẹ đẻ
14.3	Đồng Thị Thanh Nhã								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Vợ

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
14.4	Vũ Quang Vinh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
14.5	Vũ Thị Lan Phượng								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công -Chị gái
14.6	Trần Ngọc Đôn								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - anh rể
14.7	Vũ Anh Đức								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - em trai
14.8	Đặng Thị Nhuần								0	0.00%	Người liên quan đến ông Vũ Minh Công - Mẹ vợ
14.9	Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)										Chủ tịch HĐQT của PVC-MS, là Người đại diện phần vốn của PetroCons tại PVC-MS
15	**Nguyễn Phương Nam**	**058C88382**	**Người phụ trách quản trị TCT**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**
15.1	Trần Thanh Hằng	A05183							0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Vợ
15.2	Nguyễn Hà Thư								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
15.3	Nguyễn Minh Thành								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Con Lý do không có NSH : còn nhỏ
15.4	Nguyễn Văn Phong								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Bố đẻ
15.5	Phan Bích Vân								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam -Mẹ đẻ
15.6	Vũ Thị Hồng Hạnh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Mẹ vợ
15.7	Trần Văn Thọ								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - Bố vợ
15.8	Nguyễn Ngọc Linh								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - em trai
15.9	Vũ Mai Phương								0	0.00%	Người liên quan đến ông Nguyễn Phương Nam - em dâu
16	**Ngô Thị Thu Hoài**	**011C128829 014C506116**	**người Công bố thông tin**						**0**	**0.00%**	**Người nội bộ**

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
16.1	Vũ Thị Dung								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - Mẹ đẻ
16.2	Nguyễn Khánh Vy								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - con đẻ
16.3	Nguyễn Hồng Anh								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - con đẻ
16.4	Ngô Thị Huệ								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em gái
16.5	Trịnh Vương Thuần								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em rể
16.6	Ngô Quốc Trưởng								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em trai
16.7	Phan Thị Kiều Oanh								0	0.00%	Người liên quan đến bà Ngô Thị Thu Hoài - em dâu
16.8	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)								0	0.00%	Trưởng Ban Kiểm soát PVC-IC

Phụ lục III: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	17/04/2025	Quyết định số 68/QĐ-XLDK ngày 12/06/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Mua sắm vật tư thay thế C&I năm 2024 cho Nhà máy điện Sông Hậu. - Giá trị hợp đồng: 11.973.730.729 đồng	
2	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Công ty có vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100150577	Lầu 5, Tòa nhà PetroVietNam, số 1-5, Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	22/04/2025	Quyết định số 39/QĐ-XLDK ngày 09/05/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Xử lý nền dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn. - Giá trị hợp đồng: 95.865.877.214 đồng	
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Là công ty con của PETROCONs	3500832971	Số 35D đường 30/4, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh	20/05/2025	Quyết định số 545/QĐ-XLDK ngày 16/05/2025 của TGĐ	- Phạm vi công việc: Thi công đường vào. - Giá trị hợp đồng: 3.099.239.067 đồng	
4	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	16/05/2025	Quyết định số 72/QĐ-XLDK ngày 13/06/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Mua sắm vật tư C&I đảm bảo khả dụng – NMNĐ Thái Bình 2. - Giá trị hợp đồng: 1.848.103.400 đồng	
5	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	26/06/2025	Quyết định số 100/QĐ-XLDK ngày 23/07/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6	

							– NMNĐ Thái Bình 2 - Giá trị hợp đồng: 15.800.000.000 đồng	
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Là công ty con của PETROCONs	1000754760	Số 458, Phố Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	25/07/2025	Tờ trình số 71/TTr-KTTM ngày 23/07/2025 của TGĐ	- Phạm vi công việc: Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6 – NMNĐ Thái Bình 2 - Giá trị hợp đồng: 15.070.000.000 đồng	
7	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	03/07/2025	Quyết định số 94/QĐ-XLDK ngày 17/07/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi Tổ máy S1, S2 - Giá trị hợp đồng: 2.784.786.862 đồng	
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Là công ty con của PETROCONs	1000754760	Số 458, Phố Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	24/07/2025	Tờ trình số 62/TTr-KTTM ngày 17/07/2025 của TGĐ	- Phạm vi công việc: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi Tổ máy S1, S2 - Giá trị hợp đồng: 2.695.674.010 đồng	
9	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	08/07/2025	Quyết định số 96/QĐ-XLDK ngày 21/07/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Mua sắm Bi nghiền đá vôi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 – NMNĐ Thái Bình 2. - Giá trị hợp đồng: 1.610.999.280 đồng	

10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Là công ty con của PETROCONs	1000754760	Số 458, Phố Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	21/07/2025	Tờ trình số 68/TTr-KTTM ngày 18/07/2025 của TGĐ	- Phạm vi công việc: Mua sắm Bi nghiền đá vôi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 – NMNĐ Thái Bình 2. - Giá trị hợp đồng: 1.533.818.750 đồng	
11	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	19/09/2025	Quyết định số 118/QĐ-XLDK ngày 07/10/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Nâng cấp hệ thống PLC NMNĐ Thái Bình 2 - Giá trị hợp đồng: 7.463.050.804 đồng	
12	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Là Ban QLDA của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-024	Ấp Thạch Đức, xã Đại Ngãi, Thành phố Cần Thơ	29/09/2025	Quyết định số 128/QĐ-XLDK ngày 04/11/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Gói thầu T37 "Thông quan, vận chuyển nội địa, xây dựng, lắp đặt hệ thống ESP và FGD dự án NMNĐ Long Phú 1 - Giá trị hợp đồng: 90.134.833.764 đồng	
13	Chi nhánh phát điện Dầu khí	Là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-036	Số 18, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	21/10/2025	Quyết định số 123/QĐ-XLDK ngày 30/10/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Mua sắm bi nghiền đá vôi NMNĐ Sông Hậu 1 - Giá trị hợp đồng: 3.019.170.000 đồng	
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Là công ty con của PETROCONs	1000754760	Số 458, Phố Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	21/11/2025	Quyết định số 1443/QĐ-XLDK ngày 19/11/2025 của TGĐ	- Phạm vi công việc: Mua sắm bi nghiền đá vôi NMNĐ Sông Hậu 1 - Giá trị hợp đồng: 2.906.750.000 đồng	
15	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Là Ban QLDA của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	0100681592-024	Ấp Thạch Đức, xã Đại Ngãi, Thành phố Cần Thơ	22/10/2025	Quyết định số 129/QĐ-XLDK ngày 06/11/2025 của HĐQT	- Phạm vi công việc: Cung cấp thiết bị, thi công xây dựng, lắp đặt, giám sát và phối hợp	

							trong quá trình chạy thử hệ thống tro xỉ và thu gom chất thải của máy nghiền than - Giá trị hợp đồng: 236.567.459.617 đồng	
16	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Là công ty con của PETROCONs	3500832971	Số 35D đường 30/4, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh		Quyết định số 146/QĐ-XLDK ngày 29/12/2025 của HĐQT	- Chấp thuận để PVC-IC thi công lán trại tạm tại Dự án NMNĐ Long Phú 1 - Giá trị dự kiến: 1.348.276.545 đồng	
17	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Là công ty con của PETROCONs	3500832971	Số 35D đường 30/4, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh		Quyết định số 147/QĐ-XLDK ngày 29/12/2025 của HĐQT	- Chấp thuận để PVC-IC thi công xây dựng một phần việc thuộc công tác xây dựng hệ thống FGD tại Dự án NMNĐ Long Phú 1 - Giá trị dự kiến: 9.972.838.766 đồng	